

# TẬP TRUYỆN NGẮN VŨ BẰNG



**Nhà Văn Vũ Bằng (1913-1984)**

---

## Mục Lục

Bồn mười năm nói láo	2
Cái đèn lồng	4
Chàng Kim người Bắc, Cô Kiều người Kinh	31
Cháo cóc	41
Gặp nhua lại xa nhau	44
Một người rơi xuống hố	57
Ngày mai tôi sẽ chết	62
Ớn và oán	71

## Bốn mươi năm nói láo

---

Thành kính dâng Cậu, Mẹ, Cô Minh.

Mến tặng Khoái, Lãng, Hàu.

*“Nói láo” mà chơi, nghe láo chơi  
Dàn dưa lún phún hạt mưa rơi  
Chuyện đời đã chán không buồn nhắc  
Thơ thần nghe ma kể mấy lời.*

Bồ Tùng Linh, tác giả Liêu Trai Chí Dị, mở đầu tập truyện bắt hủ bằng bốn câu thơ trên, đã cho người ta hé thấy ông lấy làm vinh dự làm nghề nói láo, không coi thiên hạ ra gì. Ờ, nói láo đấy, nghe láo đấy, thử hỏi đã chết ai chưa? Họ Bồ hơn thiên hạ về chỗ đó: dám nhận huých toẹt ngay là mình “nói láo”, mình ưa “nói láo”, “nói láo” nói lếu như thế còn hơn là nói chuyện đời: xấu quá.

Bây giờ, người ta gọi nghề làm báo là nghề nói láo ăn tiền. Kẻ viết bài này ngã vào nghề đó đã lâu, hôm nay, ngồi giờ lại cuốn sổ ký ức của mình, xin nhận ngay là mình làm nghề “nói láo”. Vì thế tác giả lấy đầu đề tập ký ức là “Bốn Mươi Năm Nói Láo” chớ không dám đề là “Bốn Mươi Năm Làm Báo”, vì tác giả nhận thấy rằng “nói láo” là một cái vinh dự, làm nghề “nói láo” là làm một nghề đặc biệt ít ai dám đem ra khoe khoang. Thực vậy, đa số các nhà làm báo bây giờ nghe thấy danh từ “làm báo nói láo ăn tiền” ngoài mặt thì có vẻ bất cần, nhưng thâm tâm thì hơi giận: tại sao làm một cái nghề cao quý như nghề báo, tại sao lãnh một cái sứ mạng nghiêm trọng là hướng dẫn dư luận, tại sao phụng sự một quyền lực lớn mạnh vào bực thứ tư trên trái đất này mà có người dám bảo là làm nghề “nói láo”?

Thú thực có lắm lúc tôi cũng tưởng là tôi oai, mà nghề tôi là nghề ghê gớm thực; nhưng gặp lúc mây chiều gió sớm, mình rất thành thực với lòng, tôi cảm thấy rằng nghĩ như vậy, chỉ là mình tự dối mình. Để lòng lên bàn tay, tôi chỉ thấy tôi là một anh nói láo trường kỳ, nói láo vô tội vạ, nói láo ra tiền, để kết cục đến bây giờ mang lấy cái nghiệp vào thân, không sao gỡ được, đành là cứ phải tiếp tục nói láo cho đến chết - vì tôi biết chắc sẽ không thể nào thoát được hai bàn tay sắt bọc nhung của bà chúa báo. Ngay khi bắt đầu làm cái nghề điều đứng này, có phải tôi đã nghe thấy các bậc đàn anh lập đi lập lại câu nói của Jules Janin: “Nghề báo đưa người ta đi đến bất cứ đâu - miễn là thoát được nó ra”?

Tôi không tin như vậy. Lúc còn ít tuổi, tôi không tin gì hết: tôi không tin thuốc phiện có ma, tôi không tin có nghiệp chướng làm cô đầu, làm đĩ điếm, tôi không tin câu nói

của Nguyễn Du:

Đã mang lấy nghiệp vào thân,

Cũng đừng trách lẫn trời gần, trời xa.

Tôi chỉ biết một điều: thích thì làm, thích làm báo thì viết báo, chớ cũng chẳng xây mộng lớn lao gì hết.

Không bao giờ tôi nghĩ như Carlyle: “Cao quý thay nghề làm báo! Mỗi ông chủ báo có khả năng há chẳng phải là một nhà cai trị thế giới vì là một trong những người thuyết phục thế giới; mặc dầu không do thế giới cử mà chỉ do mình cử mình thôi; tuy nhiên cũng được đảm bảo bằng những con số báo bán ra cho thiên hạ đọc”.

Tôi không “trì” quá khứ như Goethe coi thường nghề làm báo: “Từ lâu, tôi vẫn tin rằng báo chí sanh ra đời là để cho đại chúng người ta tiêu khiển giết thời giờ và lòn bịp họ nhất thời; hoặc vì có một sức mạnh nào đó ở bên ngoài ngăn viên ký giả nói ra sự thực, hoặc vì tinh thần đảng phái đánh cho y lạc hướng đi; vì thế tôi không đọc một tờ báo nào hết”. Mà tôi cũng không khinh miệt báo chí, gọi tuốt là lá cải, là giẻ rách, là đồ bỏ như thi hào Beaudelaire: “Bất cứ tờ báo nào cũng vậy, từ trang đầu đến trang cuối cũng chỉ là một cái ổ chứa những cái gì gớm ghê, kinh tởm. Chiến tranh, giết chóc, trộm cướp, hà hiếp, hành hạ, tội ác của các vua chúa, tội ác của các quốc gia, tội ác của các tù nhân, biết bao nhiêu là sự say sưa cuồng loạn của vũ trụ loài người. Ấy thế mà người ta dùng báo để làm đồ khai vị, vì người văn minh đã dùng tờ báo để làm đồ khai vị, cho bữa ăn buổi sáng. Tôi tin rằng không có một bàn tay trong sạch nào cầm lấy tờ báo mà không cảm thấy buồn nôn buồn mửa”. Không. Đối với nghề báo, tôi không đứng ở thái cực nào. Tôi chỉ nhớ rằng thuở nhỏ tôi ưa đọc sách là vì nhà tôi là nhà bán sách, ngoài thời giờ học bài; tôi phải ngồi bán sách, xếp sách để gửi bán đi khắp nước. Lúc rảnh, tôi vò lấy sách để đọc; từ đọc sách tôi thích đọc báo; đọc mãi thấy hay hay thì tôi làm thơ, tôi viết báo, thế thôi, chớ chẳng vì lý do gì hết. Bài báo thứ nhất của tôi đã viết ra hồi Phạm Tất Đắc xuất bản cuốn “Chiêu Hồn Nước”. Bài báo ấy vền vẹn có mấy câu đại khái:

“Chúng tôi kính biểu quý báo cuốn sách nhỏ này và xin quý báo, nếu tiện, cho đăng mấy dòng sau đây: Sách ”Chiêu Hồn Nước” của Phạm Tất Đắc đã có bán ở khắp các hiệu sách, rất hay, rất lâm ly, xin hải nội chư quân tử tìm đọc ngay kẻo hết”.

Các bài đặc biệt ấy dớ dẫn đến thế mà có báo hồi ấy đăng lên thật. Tôi đọc đi đọc lại mãi đến thuộc lòng; chưa đủ; tôi cắt ra dán vào an bom. Và từ đó tôi thấy mình là nhà báo thực sự mà chính tôi không tự biết, cũng như ông Jourdain trong bài kịch “Trưởng Giả Học Làm Sang” của Molière nói lên văn xuôi mà không biết mình làm văn xuôi.

Tôi mê nghề báo từ lúc đó.

Lúc đó báo ra kỳ có “Nam Phong”, “Hữu Thanh”, toàn bàn về vấn đề xã hội và văn hóa. Người viết báo, nói thực ra là làm văn chớ không phải làm báo. Một cái đoản

thiên ngắn bao giờ cũng bắt đầu bằng một đoạn tả cảnh biển ngẫu, kiểu “Tuyết Hồng lệ sử”; còn xã thuyết thì bàn về chữ “tín”, chữ “nghĩa”, và thường là phải bắt đầu bằng câu “Phàm người ta ở trên đời”. Vì thế, người viết báo trước hết phải tập viết văn cho nhịp nhàng, thánh thót.

Làm báo là làm một nghề không có trường, không có thầy. Tôi thích viết báo và muốn làm nghề đó quá, nhưng biết làm sao bây giờ? Không có cách gì hơn là bạ tờ báo nào cũng đọc, bạ cuốn sách truyện nào cũng coi, rồi... học thuộc lòng từng đoạn, kiểu mười bốn, mười lăm tuổi đi chim gái, các chàng trai mới lớn lên mượn mẫu thư tình, cóp lại để vứt vào trong nhà người yêu lý tưởng!

Tự nhận mình là nhà báo chính cống, tôi khổ công mài giũa, rèn luyện văn chương con cóc. Thơ và văn xuôi của Tản Đà, Nam Hương, Nhưộng Tống, Thi Nham, Đàm Xuyên làm cho tôi bái phục. Học thuộc lòng chưa đủ, tôi còn phải cắt ra dán vào một quyển sách để gói đầu giởng.

Đến đây, tôi xin mở một dấu ngoặc.

Lúc còn nhỏ, đi học, tôi không đến nỗi dốt quá, nhưng trí nhớ rất kém, cho nên không thể nào học được về môn toán. Lên đến trung học, giáo sư toán chê, liệt vào ngoại hạng, cho một hột vịt không đủ, phải cho hai hột mới đã. Kịp đến khi lớn hơn một chút, tôi sa đọa, hút xách, rượu chè be bét, trí nhớ lại càng tồi. Rồi đến giai đoạn cai rượu, cai thuốc phiện: trí nhớ tôi hoàn toàn bị

“liệt”. Vì thế, coi tập hồi ký này, xin các bạn đừng buộc tôi phải ghi năm tháng, đừng bắt tôi phải nhớ hết các báo chí tôi đã làm mà cũng đừng bắt tôi nhớ hết tên các nhà báo, nhà văn liên hệ. Nhớ được đến đâu, nhớ được cái gì, tôi cứ viết đại ra. Nhưng nói thế không có nghĩa là tôi viết ẩu, viết không có hệ thống.

Mục đích của tôi là thuật lại thật đúng các giai đoạn làm báo nói láo ăn tiền của tôi để nhân đó may ra các bạn có nhận thấy diễn tiến của nghề báo ở nước ta ra thế nào. Thêm nữa, tôi bắt đầu làm báo từ khi người mình còn sống dưới sự đô hộ của Pháp; qua thời kỳ Nhật vác kiếm lê trên mặt đất, đá Pháp một cú vào mông rồi đuổi đi; đến Việt Minh bí mật; rồi Nhật thua, Việt Minh nắm chính quyền; quân đội Lư Hán tiếp thu rồi quân đội Pháp lại trở về Việt Nam; dân ta kháng chiến... rồi Pháp thua ở Điện Biên Phủ, ký hiệp định Genève chia đất nước làm đôi, con sông Bến Hải chia hai ân tình, vác va ly vào Sài Gòn hầu hạ Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu, cho tới bây giờ sống nhờ vào quân đội Mỹ “ô kê, salem...” rất có thể cứ thuật lại hết những giai đoạn nói láo của mình, chưa biết chừng mình lại vẽ lại được một giai đoạn lịch sử đau thương, tang tóc đã qua. Nếu quả được như thế thì hay biết mấy.

Bây giờ tôi xin khép ngoặc lại.

Vậy là tôi học thuộc lòng văn của người khác rồi bắt chước tứ văn và cả ý văn của họ để viết bài. Bây giờ, tôi không còn nhớ những bài văn ấy ra sao, chỉ mang máng là ngoài mấy cái truyền đơn in thạch phản đối Pháp bắt Phạm Tất Đắc, tôi có làm

một tập thơ đủ các loại: lục bát, song thất lục bát, ngũ ngôn cổ phong, yết hậu... và mấy vở hát cải lương Nam Kỳ theo kiểu “Bội phu quả báo” ký tên là An Sơn, Thu Tâm Tử... Có nhiên những tác phẩm ấy không bao giờ được ra đời. Như vậy cũng là một cái hay, bởi vì nếu hồi ấy tôi có phương tiện in thành sách, mà văn khố thư viện còn giữ đến bây giờ, có lẽ chính tôi phải “tử” tôi, vì sao tôi lại có thể liêu lĩnh và ló lảng đến thế!

Nhưng lúc đó mình mới có mười hai, mười ba tuổi, có biết thế là ló lảng đâu. Tôi vẫn yên trí là một nhà văn ghê gớm thực sự và có triển vọng đi xa, đi rất xa như Nguyễn Du, Ôn Như Hầu... Nói cách khác, tôi hy vọng một ngày kia thành một “tên tuổi trong nền văn chương quốc tế”. Vì nghĩ như thế, tôi tìm các lý do để hạ các nhà văn tiền bối, mặc dầu tôi vẫn phục. Tôi tìm cách hạ thềm họ ở trong bụng để mình lại đánh lừa mình rằng mình có khả năng tiến xa hơn cả họ, mình sẽ là một “ken coong” chứ không phải chỉ là một nhà văn, nhà báo quen có vài ngàn người đọc.

## Cái đèn lồng

---

### MỘT ĐÊM ĐÔNG Ở KHÂM THIÊN

Mười bảy ngày trước Tết Nguyên Đán năm 1950, một phái đoàn nghị sĩ Việt Nam ở Sài Gòn ra Bắc để cứu xét mấy vấn đề chính trị và kinh tế. Bây giờ tôi không nhớ rõ phái đoàn có bao nhiêu người, chỉ biết trong đó có bốn người mà tôi quen biết. Bốn người quen biết đó gồm một kỹ sư, hai chủ báo và một người trước đây làm việc cho một công ty bảo hiểm.

Vì đi dự mấy phiên họp đầu, tôi gặp bốn người bạn đó rủ đi ăn. Để đáp lễ, hôm phái đoàn sắp ra về, tôi mời họ đi hát Khâm Thiên. Cả bọn đều nhiều lần nói với tôi rằng ăn mãi cũng chán, muốn thưởng thức một cái gì rất lạ và rất Bắc Kỳ; mà nếu có vẻ thơ mộng nữa thì càng hay.

Tôi nghĩ không có gì hơn là mời họ đi nghe hát cô đầu. Tối hôm đó khi lên xe tôi thấy một người thứ năm. Một trong hai ông nhà báo giới thiệu:

- Ông bạn già đây không phải là nghị sĩ. Ông ấy là người Nhật giúp việc cho một tờ báo Nhật và được cử sang Việt Nam cùng với phái đoàn Nhật để quan sát và gửi tin tức về cho tòa soạn.

- Hân hạnh. Cuộc tao phùng hôm nay chắc chắn sẽ nhờ đó mà vui vẻ đậm đà hơn.

Tôi cúi đầu chào ông nhà báo Nhật. Ông đưa cho tôi một tấm cạc đề tên ông:

Foumiko Tayabashi.

Thưa ông, ông là quý khách. Tôi rất hân hạnh được mời ông đi thưởng thức một nghệ thuật có nhiều dân tộc tính của nước tôi.

Ông Foumiko Tayabashi là một người đã có tuổi, nhưng không khỏe mạnh như những người Nhật khác mà tôi thường gặp. Ông bao nhiêu tuổi? Tôi đoán có lẽ đến

năm mươi, nhưng trông da mặt và cặp môi nhăn nhúm cùng với vẻ buồn rầu ở đuôi hai con mắt của ông có người cho ông khoảng sáu mươi hay sáu mươi mốt.

Khi trống và bàn đèn chiếu rượu dọn ra rồi, tôi hỏi thăm mới biết ông là ký giả kiêm văn sĩ. Trước khi Nhật, Đức, Ý kết liên thành Trục đánh Đồng minh, ông đã xuất bản hai quyển sách ngụ ngôn nói bóng nói gió nhiều đến cái nạn quân phiệt Nhật, một cuốn thơ và mấy cuốn tiểu thuyết xã hội nói về “số kiếp con người”.

Ông Tayabashi có ý mến tôi hết sức. Không hiểu ông mến tôi như thế là vì câu chuyện của tôi nói với ông hay chỉ là tại ông thấy tôi là bạn văn chương thanh khí đồng ý với ông rằng nền văn minh, văn hóa Đông Phương chưa chắc đã dở như một số người ở các nước khác vẫn tưởng. Bây giờ ngồi thuật lại chi tiết câu chuyện, có lẽ không phải dễ... Tôi chỉ nhớ là khoảng mười một, mười hai giờ gì đó; chúng tôi gặp nhau không bao lâu mà đã trở thành đôi bạn tuy nhất kiến vi kiến nhưng thương yêu nhau thật tình y như thể đã quen biết nhau từ lâu lắm. Tôi nói:

- Trước đây, tôi có một lần đi qua Nhật ở một ngày. Quý quốc đẹp lắm, nhưng bây giờ, sau Thế Chiến Thứ Nhì, chắc chắn là thay đổi nhiều lắm. Qua những bài phóng sự đăng trên các báo ở Âu Mỹ mà tôi được đọc, con người ở quý quốc cũng có ít nhiều đổi thay, nhưng chẳng biết về phong tục thì có thay đổi gì không? Riêng ở nước chúng tôi đây, chiến tranh cũng làm đảo lộn hết cả trật tự từ ngày xưa để lại. Trái gái dĩ bõm nhiều hơn. Đó là chuyện trong thời chiến...

Khoảng một giờ đêm thì ba người về. Còn lại một ông chủ báo ở lại trò chuyện với ông Tayabashi.

Đêm đông ở Bắc buồn như một đám tang đi trong rừng. Chúng tôi nói hết với nhau về thảm cảnh chiến tranh và mỗi người có ít nhất vài ba chuyện để kể cho nhau nghe những oan khổ lưu ly do chiến tranh đã tạo ra cho xứ sở.

Ông bạn chủ báo của tôi đang nằm vội ngồi nhòm dậy hỏi:

Tôi hỏi thật hai ông: những người gây ra chết chóc, những người tàn sát không gớm tay, có bị một đấng vô hình nào trừng phạt không?

Ông Tayabashi và tôi, trước câu hỏi đột ngột đó, lặng yên không đáp. Ông chủ báo nói tiếp:

- Phần tôi, mặc kệ ai chê là hư bại và chậm tiến, tôi lúc nào cũng tin có quả báo và hồi hận. Đây là một chuyện tôi cam đoan chính tôi nghe thấy và trông thấy: một viên trung úy người Thượng, nhảy dù trong trận đánh Thái Nguyên, có tiếng là đã sát và hãm hiếp đàn bà con gái xong thì giết chết nhưng đánh trận nào cũng thoát chết. Đến trận cuối cùng, không hiểu vì hơi bom hay đạn bắn xuyên qua hàm lên óc nên ông ta bị mù hai con mắt. Ông ta được giải ngũ và đưa sang Phi Luật Tân để chữa bệnh. Nhưng chữa không khỏi. Ông ta điên điên khùng khùng... muốn chết không chết được... điên vì theo đúng lời ông ta thuật lại cho bạn hữu nghe khi tỉnh cơn điên rằng cứ mỗi đêm khuya ông thấy từ trong hai con mắt mù lòa của ông có những

người bé tí nhảy ra, đi đi lại lại và bàn bạc với nhau những chuyện gì nghe không rõ sau đó rồi trèo lên mũi lên trán ông gõ chân theo nhịp và hát cho đến sáng lại chui vào hai lỗ mắt...

Nhưng thế là sự hồi hận? Là ảo ảnh? Hay là ma quỷ hiện ra để chọc ghẹo ông?

.....

Mưa phùn mùa đông ở miền Bắc có cái đặc biệt là hình như biết bay và thấm qua tường và cửa sổ để làm ẩm ướt, giá lạnh cả những căn phòng đóng kín. Khêu to cái bắc lụi của ngọn đèn dầu lạc, chúng tôi thấy tê buốt đến chỗ sâu thẳm nhất của lòng. Ở trên trời khuya, gần sáng có tiếng sếu kêu buồn đứt ruột.

Ông Tayabashi nhìn tôi hỏi:

- Ý ông ra thế nào?

- Thú thật với ông, tôi theo Tây học từ thuở nhỏ, người ta dạy tôi không có ma không có quỷ, chết đi là hết, nhưng tôi không cho thế là đúng. Trái lại, những chuyện như chuyện ông bạn vừa kể đây, tôi tin rất có thể là thực, nhưng tại sao lại thế thì tôi không giải thích được vì tôi chưa học về thần linh học, ma quỷ học. Nhưng tôi không vì lẽ chưa học, chưa tìm tòi, chưa thí nghiệm mà đã khẳng định là không có ma, không có tiền kiếp, không có luân hồi, không có báo ân báo oán.

Ông Tayabashi hút điếu thuốc thứ ba xong, rồi nói:

- Tôi cũng như ông vậy. Tôi cho rằng ở đời không có cái gì “hết”, hóa rồi lại sinh, sinh rồi lại hóa. Người Tây không tin có luân hồi vì tại họ chưa học, chưa thấu, chưa hiểu. Mà họ không tin có ma có quỷ, không tin có quả báo, trừng phạt, không tin có tiền oan nghiệp chướng, không tin có âm phù dương trợ, đó là quyền của họ. Nhưng tôi không thể viện cớ nói họ không tin mà tôi vẫn nhắm mắt cúi đầu tin theo họ.

Các ông đã đọc truyện “Liêu Trai” nhiều rồi phải không? Tôi cũng đã đọc, không phải đọc bản dịch ra tiếng Nhật mà đọc nguyên văn chữ Hán.

Đọc rồi, có nhiều người cho rằng “Liêu Trai” là chuyện bịa đặt tưởng tượng ra để răn đời. Đó cũng lại là cái quyền của những người đọc sách. Nhưng riêng tôi thì tôi tin một cách thành thật là tác giả truyện “Liêu Trai” đã kể lại nhiều chuyện có thực vào thời đó.

Tại sao tôi lại tin như thế? Là vì chính tôi đã thấy ma, thấy trước Thế Chiến Thứ Hai, thấy sau khi nước tôi thua trận và chính vào thời kỳ đó những chuyện có thực mà có về Liêu Trai đã diễn ra khá nhiều mà chính mắt tôi đã được chứng kiến.

Tôi rất tiếc không đem theo một cuốn tiểu thuyết mà tôi viết trước đây đã in thành sách và dịch ra tiếng Anh và tiếng Pháp, để biểu hai ông.

- Ông bạn viết gì trong đó?

- Tôi viết một truyện có thực, nhưng vốn biết rằng nếu truyện thực ấy mà nói là có thực thì nhiều người không tin nên tôi phải ghi là tiểu thuyết. Tiểu thuyết ấy có nhan

đề “Cái Đèn Lồng”. Nếu các ông không ngại mất ngủ, tôi xin thuật lại câu chuyện ấy để các ông nghe.

- Vậy thì còn gì hơn nữa. Những đêm như thế này, có muốn ngủ cũng không tài nào ngủ nổi. Được một nhà văn kiêm nhà báo danh tiếng như ông kể chuyện cho nghe, chúng tôi rất lấy làm hân hạnh.

Câu chuyện “Cái Đèn Lồng” của ông Fumiko Tayabashi như thế này:

#### NGƯỜI ĐẸP VÀ Ả NỮ TỶ XÁCH ĐÈN LỒNG

Sau mười năm đèn sách cần cù, Đại Thông Thái Lang đã chiếm được bằng vàng để có thể làm cho chàng sau này có một địa vị khá cao trong nước.

Chàng vội vàng từ giã cái tỉnh lỵ nhỏ bé mà chàng ở bấy lâu để đến Yên Đô, cái kinh thành có trăm nghìn phù hoa sa vọng mà người ta có thể hy vọng lập được sự nghiệp lẫy lừng. Những ước mơ của Đại Thông Thái Lang thực không bờ bến: trẻ tuổi, đẹp trai, mà lại tài hoa, còn có gì ở đời này có thể cản trở được chàng?

Những người đàn bà nhan sắc nồn nà say mê cái vẻ mặt khô ngô tuấn tú của chàng lúc nào như cũng vợ vẫn một mối buồn não ruột: cái miệng chàng mới dễ thương làm sao, nó đã làm cho biết bao nhiêu trái tim rung động và mất chàng lúc nào cũng chói lợi sự hiền ngang, khí phách.

Chàng đến Yên Đô để tìm bước tiến thân, nhưng ở đó, chàng đã gặp một mối tình: Ngọc Hân Nương, một cô gái ngây thơ, trong trắng như một đóa hoa đào chớm nở. Đại Thông Thái Lang không nghĩ đến chuyện làm ăn sinh sống nữa.

Ngọc Hân là con một của một vị phú thương, được cha mẹ yêu thương cưng chiều, mà vị phú thương ấy lại coi người tình của con gái như là con trai ruột.

Sau ngày cưới, cặp uyên ương đưa nhau đi giấu hạnh phúc ở một làng hẻo lánh rất nên thơ đó là làng Hối Tử, ở ven hồ Bình Hoa thơ mộng. Trong một năm tròn, cặp vợ chồng trẻ yêu nhau quên cả tháng ngày. Nhưng, sang đến mùa xuân năm sau thì Ngọc Hân bị cảm mạo và vỡ vàng đi, nhan sắc nàng tàn tạ. Rồi một đêm kia, nàng bỏ chàng ở lại, để sang bên kia thế giới.

Mọi người đều tưởng Đại Thông Thái Lang phen này bị thất tình có lẽ đến điên. Suốt ngày chàng kêu khóc và gục đầu xuống một cái áo dài hầy còn thoang thoảng hương yêu của người đàn bà bạc mệnh. Sự khổ não của chàng làm cho người ta tưởng rằng chàng yêu vợ lúc chết gấp trăm lần lúc sống. Chàng gọi những chuyện sầu thảm, não nùng đến với lòng như thể xem sự sầu thảm và não nùng nó bao la đến bậc nào. Ngày ngày chàng ra áp mộ vợ để kêu thương khóc lóc. Ngọn cỏ ở trên mồ vẫn còn chưa xanh.

Bước một, cúi đầu, cõi lòng tan nát, chàng đi ra cái hồ đựng nước phép và lấy một cái gàu múc nước, kính cẩn tưới lên trên mộ để cho người nằm bên dưới được mát mẻ linh hồn. Đoạn, chàng khóc nức nở, cổ họng chàng như bị nghẹn; nước mắt chàng trào ra và như đốt cháy con người vậy... vì những tháng ngày hạnh phúc bên



Ngọc Hân lại hiện về trong tâm trí...

Một ngày đẹp trời, chàng cùng Ngọc Hân dắt tay nhau đến đền Mỹ Đế cạnh hồ Bình hoa để viếng thăm mộ của các bậc trung thần và cả những ngôi mộ của gian thần.

Đại Thông Thái Lang nhớ lắm.

Ngọc Hân Nương, cũng như trăm ngàn người mộ đạo đã đến cái quán ở gần đó mua nước phép để rảy lên mộ. Nhìn cái dáng yêu kiều của nàng yêu kiều diễm lệ làm sao. Tóc nàng xức dầu thơm bóng lẩy như lông quạ, nàng cài những cái trâm nạm ngọc và cái lược đồi mồi vén tóc nàng lên để lộ một cái gáy thanh tân, trắng muốt. Như thấy tôi nhìn âu yếm, nàng quay lại mỉm cười. Tôi nói với nàng rằng:

- Em ơi, rảy nhiều nước lên mộ bậc tôi trung nghĩa kia đi, còn anh thì anh sẽ làm vấy bẩn những nắm mộ của kẻ gian thần bạc ác. Và điều đó đã trở thành tục lệ: nước tốt thì dùng để cho linh hồn của những bậc anh tài khí dũng, mà cái gì xấu thì lại cho những con người đê tiện."

Nàng quý xuống một cách rất nhẹ nhàng. Hai mắt đen lay láy của nàng như chan chứa một niềm kính cẩn và thương xót. Nàng khẽ trách tôi:

- Không anh ạ. Những người ác cũng như những người hiền, một khi đã nhắm mắt, không còn khác nhau gì hết. Linh hồn của những người tội lỗi, em nghĩ rằng chúng ta phải an ủi nhiều hơn linh hồn của những bậc sĩ hiền. Nếu đứng vào địa vị của anh, em sẽ rảy một ít nước lên mộ này, anh ạ. Ta chớ nên đùa ở trước linh hồn của những kẻ đã khuất.

Ngọc Hân ơi, em đã sống, em đã được cha mẹ chiều chuộng, em không hề bao giờ biết sự đau khổ và lòng thù hận như thế nào. Em chính là một viên ngọc quý giá vô cùng, em mềm mại thơ ngây như một con chim vô tội, em đem một tấm lòng trong trắng để yêu thương cả một đời mà chúng ta đã sinh sống với nhau. Ở trong khung tóc đen lay láy của em, hai lúm đồng tiền lúc nào cũng làm tăng vẻ đẹp của đôi má hây hây đỏ như hoa anh đào, nhan sắc của em tươi thắm như buổi sáng mùa xuân. Chao ơi, người con gái của mùa xuân ơi, em tựa như hoa mới nở chưa gì đã tàn mất rồi. Em chết. Không, không, hình dáng em, kỷ niệm của em sẽ mãi mãi như một cánh hoa, một nụ thắm ở trong tay anh, em ạ...

Cõi lòng tràn tiếc nhớ thăm thương, Đại Thông đứng dậy, không nghĩ nữa. Chàng đi lang thang ở quanh hồ Bình Hoa và nói lảm nhảm một mình:

- Hồ hỡi hồ, bao nhiêu thi sĩ đã ca tụng vẻ thần tiên của hồ, nào là những buổi chiều xuân, tiếng chuông đền Mỹ Đế làm rung động làn không khí đầy hương ngát hoa và tiếng chim họa mi ca hát ở trong những rặng anh đào nở tung bừng như một buổi bình minh; nào là những đêm hè nóng bức mà cây thông cô độc ở trên đồi Kha La Sĩ lại còn ưa nhìn hơn những đóa hoa trắm sắc, và người khách bộ hành đi dưới chân dãy Hoang San đưa tay ra vút quạt đi để tận hưởng sự vuốt ve của gió mát lùa qua những cành cây bên hồ.

Hồ ơi, sau những bài thơ như bướm đẹp của thi sĩ Bảo Sơn Điền, còn ai lại dám nghĩ đến sự đề vịnh những buổi chiều thu ở bên hồ Diễm Tứ, những đàn ngỗng trời bay ở trên đỉnh núi Cao Kha bay ở trên đỉnh Huyền kéo dài những tháng ngày mùa đông giá lạnh ngán ngủi trong khi thuyền bè trôi mát hút trên mặt nước mịt mù của Hải Vi Giang.

Đại Thông yêu mến những cảnh hữu tình đó, những cảnh từng chứng kiến biết bao nhiêu kỷ niệm của chàng. Ngày nào cũng vậy, vào lúc mặt trời bóng xế, chàng cũng chấp tay sau lưng đi từng bước bên hồ, mặt mày sầu đau, làm cho người nào trông thấy cũng cúi lòng ngoảnh mặt, không dám nhìn lâu.

Thế rồi chàng bỏ căn nhà mà chàng đã hưởng một năm trời hạnh phúc với Ngọc Hân trong căn nhà nhỏ mà mỗi đồ vật đều nhắc nhở chàng nhớ đến người vợ đã chết yêu quý của chàng. Nào là cái bàn trang sức mà mọi khi nàng đã trau giồi nhan sắc để làm vừa lòng người yêu; nào là những cái gương nào đã soi; nào là những cây trâm kẹp tóc nhỏ xinh xinh, nào là... nào là... tất cả những vật dụng mà tay nàng đã cầm hay làm mắt nàng đã trông; cả khí trời nữa cũng là khí trời nàng đã thở.

Cho dù Đại Thông ở ẩn dật trong một gian nhà sơ sài, ngay trên đười cái đi từ Hối Tử đến Bình Hoa. Tuy vậy ký ức của chàng vẫn không để cho tim óc chàng quên lãng được những chuyện đã qua.

Một mùa xuân nữa lại qua đi. Con chim cá mà trong văn thơ Nhật, các thi nhân vẫn bảo là tiếng kêu thương của mặt trăng; Đại Thông kêu khóc người vợ bạc mệnh của chàng và dần dần thất thanh đi. Cái cười cái vui vẻ của chàng không còn đến với chàng nữa. Cho tới rạng đông ngày hội lễ Quần Tính...

Ngày mai đây, nếu trời đẹp thì Chức Nữ sẽ đi qua dãy Ngân Hà để gặp Ngưu Lang. Đại Thông ngồi cạnh bên mộ vợ than khóc:

- Ngọc Hân em ơi, ngày mai đây là ngày hội của Ngưu Lang, Chức Nữ. Năm ngoái, em nhớ không? Em lo sợ vì trời giăng mây âm u quá làm em cầu Phật Trời đừng mưa để cho đôi lứa ấy gặp nhau. Em đã viết bao nhiêu bài thơ thán trên giấy ngũ sắc và cắt những hình người hình thú để treo lên ngọn tre trước nhà để chúc cho hạnh phúc đôi ta bền lâu và cầu mong trời kéo mây đi để nắng lên cho Ngưu Lang Chức Nữ được gặp nhau.

Thế mà... Thế mà năm nay em không còn, số phận anh không bằng Ngưu Lang bởi vì Ngưu Lang, Chức Nữ một năm còn gặp mặt một lần, chứ như anh đây thì mãi mãi, mãi mãi...

Sầu biết bao nhiêu, khổ biết ngàn nào! Đại Thông đi thơ thẩn không thiết gì đến thời gian. Sau cùng, chàng định quay về thì bóng tối lúc ấy đã rải rác ở dưới những tàng cây trên đồng ruộng. Con đường đất nằm dài trước mặt chàng như một dải lụa quấn lấy người chàng. Chàng thấy những cây sồi ngã những bóng đen nặng nề ở

vòm trời, như một bức tranh thủy mặc. Buổi hoàng hôn làm cho cảnh vật nhuốm một vẻ mơ hồ, huyền ảo. Ánh sáng còn sót lại của ban ngày biến đổi thôn quê thành một thế giới hãi hùng, rùng rợn. Những con dơi bay là là mặt đất và chạm cánh vào vai khách bộ hành đi chơi về hơi khuya...

Hôm nay, chàng về trễ hơn ngày thường. Mọi khi ở đây, chàng thường gặp con sen ngổi rữa chén đĩa ở bờ suối, bên gốc thùy dương, cạnh một căn nhà trắng bệch một cách phi thường. Hôm nay, nó cũng đã về từ lúc nào, và chàng lấy thế làm sợ nên ôm đầu chạy, chạy thật nhanh.

Không bao giờ đường về đối với chàng lại xa thẳm như thế này. Chàng chạy mãi, sau tới một cái miếu u uất mà chàng chưa thấy bao giờ cả. Hay là chàng lầm mất đường rồi? Tuy vậy, chàng cứ tiến, và sau cùng, đi tới một cái cổng tiêu điều, cột kèo xiêu vẹo, trông có vẻ thê lương làm sao. Những cái tường bằng đá xám, có rong rêu bám từng chỗ nứt ra một cách mệt nhọc; những cánh cửa đã tróc sơn từng mảnh. Chàng lơ mơ nhìn thấy ba chữ đại tự này ở phía trên "Tào Sơn Điền", ba chữ sơn son thiếp vàng, nhưng vì đã lâu ngày nên chỉ còn trơ những vết sơn then, một đục.

Đại Thông nhìn vào trong, qua những cái liếp ngang thì thấy cỏ dại mọc khắp nơi, bìm sậy leo lên cả mái nhà, trong đền thì vắng ngắt không một tiếng động, không có một bóng người lui tới.

Vừa sợ, vừa lo, chàng cảm thấy một cái gì ghê gớm ở trong cái điều tàn, cô quạnh này. Chàng bèn chạy, chạy ở trong bóng tối yêu ma, nó đuổi theo chàng ... Chàng nghe thấy những tiếng động khe ở đằng sau; chàng quay vụt lại để nhìn xem cái gì đang đuổi mình trong cảnh hoang vắng đang say sưa trong giấc ngủ.

Một người đàn bà đẹp tuyệt trần ở trong bóng tối từ từ bước tới gần chàng.

Người đàn bà ấy đẹp vô cùng mặc một cái áo dài rất chèn thêu toàn những hoa lá mùa thu, vừa hồng nhạt vừa xanh xám. Dáng điệu của nàng rất nhẹ nhàng yếu điệu mà sắc đẹp của nàng thì không có một tí gì có vẻ là người dương thế; nàng đẹp như tiên nữ: mặt hoa, da phấn, lông mày vòng nguyệt xinh xinh quyến rũ lòng người kỳ lạ. Đôi mắt nàng như chan hòa ngân lệ và mái tóc xõa dài bay theo gió và xòa cả xuống vùng trán trắng mịn của nàng.

Đại Thông như ngây dại, đứng nhìn nữ lang không chớp mắt. Chàng cảm thấy lo sợ; lo sợ vì người đàn bà kiều diễm có nhan sắc này vừa làm cho chàng kinh hãi, vừa làm cho chàng say mê. Sau cùng, chàng nghĩ thầm nếu cứ trân trân nhìn người ta như thế thì bất nhã nên chàng quyết định phải hỏi một câu:

- Thưa tiểu thư, kẻ này có lời xin lỗi tiểu thư. Chắc tiểu thư cũng ra tỉnh như tôi. Tôi đi chơi thơ thẩn ở bên hồ Bình Hoa và lúc về tôi quá bước nên lạc lối.
- Thưa ngài vâng, thiếp ra tỉnh với con hầu vì ngày mai đây là ngày hội Quần Tinh, mẹ già thiếp sai thiếp đi mua vài thứ cần để ngày mai nhà cúng.

Nói đoạn, nữ lang quay lại bảo con hầu:

- Đêm khuya mà đường vắng, cô cháu mình lại được tiên sinh đây cùng đi, thực là may mắn.

Rồi nàng lại hỏi Đại Thông:

- Xin hỏi tiên sinh, như thế có tiện không? Tiên sinh bằng lòng để cho chúng tôi cùng đi một thể cho vui chứ?

Đại Thông thấy lòng mình như mở hội. Không khách sáo gì hết, chàng cùng nói với nữ lang đi song song ở trên con đường vắng vẻ, theo sau là đũa nữ tỳ mặc thanh y, trông y hệt một con đúm (đúm là một thứ búp bê của Việt Nam ngày xưa kết bằng vải mụn), có một cái mặt không hồn, còn mắt, mũi và miệng thì trông như dẹt ở trên tơ lụa.

- Thưa tiểu thư ở gần đây?

- Dạ, vâng, ở gần đây, sau cái miếu cổ này.

- Cái miếu cổ đìu hiu vắng vẻ này, chắc là không có ai ở cả?

- Thiếp không rõ, nhưng hình như có một vị tăng già và một chú tiểu tu ở đó.

- Thưa tiểu thư, cảnh thôn dã này buồn day dứt cả ruột gan. Đối với một người đẹp như tiểu thư, một cảnh trí như thế có vẻ âm thầm quá, thê lương quá.

- Chao ôi, thưa tiên sinh, ngài cứ dạy quá lời, chứ nhan sắc của thiếp liệu đã được bằng ai. Thiếp biết: phu nhân ta ở nhà còn đẹp gấp trăm, gấp ngàn lần thiếp.

Đại Thông giật mình:

- Vậy ra tiểu thư cũng biết đến tiện nội sao?

- Sao lại không? Ở Hốt Tử này, còn người nào lại không biết Ngọc Hân Nương và gia quyến của nàng. Thực là một trang tuyệt thế giai nhân chỉ có thể đem ví với một cánh hoa mà thôi.

Đại Thông cúi đầu xuống và lẩm bẩm một mình:

- Chao ôi, nàng đã chết, giữa một mùa xuân tươi đẹp.

- Thiếp đã biết rồi. Và thiếp biết cả rằng ngày nào tiên sinh cũng ra mộ để cầu nguyện và than khóc. Tiên sinh thực là một người chồng thủy chung khả kính: Ngọc Hân Nương đã mất rồi, nhưng ở dưới suối vàng nàng cũng được ngậm cười sung sướng.

Tiếng nói của nữ lang rung động một sự ham muốn và một cái gì tựa tựa như muốn làm vừa ý người bạn đồng hành.

Vốn không quen nghe những lời nói ngọt ngào, tăng bốc. Đại Thông thấy máu chảy mạnh ở hai bên gò má. Chàng ngượng nghịu trả lời:

- Thưa tiểu thư, người đàn ông yêu kính tiểu thư chắc sẽ còn làm vui lòng tiểu thư hơn là tôi đối với Ngọc Hân Nương nhiều lắm. Tôi chắc vậy.

Nữ lang dừng bước lại, nghiêng đầu: nàng có vẻ âu sầu hơn trước và cắn hai làn môi hồng lại hai làn môi xinh tươi lạ lùng mà phong tình thay, nó lại điểm một màu

son phần ưả nhìn, nhưng đã hơi khô một chút.

Đại Thông Thái Lang, đoán chừng nàng kia đang có một mối sầu u uẩn trong lòng, chàng bần khoản hết sức và đổi câu chuyện mà chàng đương nói:

- Thừa tiểu thư, xin đoán ngày mai hội Quần Tinh có vui không? Và thời tiết sẽ như thế nào? Đêm nay, mây trời hơi vẫn đục. Chẳng biết đến mai, tiểu thư có lại còn đi ra tỉnh nữa không?

- Cái đó, thiếp không lấy gì làm chắc lắm. Bởi vì mẹ già thiếp ở nhà nghiêm khắc lạ lùng; sở dĩ hôm nay, thiếp được phép đi như thế này cũng là vì bà mệt, thiếp phải đi thay để mua bán những thứ cần dùng, kéo không thì không có đồ cúng ngày mai.

- Hôm nay tiểu thư phải đi mua bán thế này thì tôi tưởng đêm mai tiểu thư rất có thể xin phép cụ thưởng công cho phép đi ra tỉnh, bởi vì đêm mai là đêm hội của bàn dân trong nước.

- Vâng, thưa tiên sinh, nếu ngộ thiếp được đi xem hội thì sao?...

- Thì tôi sẽ lại đưa tiểu thư đi, như hôm nay chứ gì! Tiểu thư bằng lòng không? Tiểu thư biết nhà tôi rồi thì phải. Nhà tôi ở trên đường, trước cửa là một rừng thùy dương. Vậy là đêm mai, tôi có thể cứ chờ tiểu thư ở dưới bóng thùy dương, phải không tiểu thư?

- Chẳng dám giấu tiên sinh, thiếp không ưả đi xem hội bởi vì đông người quá.

- Nếu thế càng hay. Mời tiểu thư quá bộ lại nhà tôi nói chuyện và dùng trà với nhau.

- Ô, thiếp! Thiếp mà lại nhà tiên sinh làm gì?

Nhưng nữ lang lại tiếp ngay:

- Nói thế mà thôi, còn đến thì cứ đến, chớ có gì đâu mà ngại?

Đôi má nàng không đỏ vì máu bốc lên đó nhiều, nhưng đôi mắt huyền bí của nàng liếc nhìn Đại Thông thì chứa chan tình tứ, dịu dàng và não ruột.

Sáng sớm hôm sau, Đại Thông dậy thực sớm và thấy lòng thênh thênh thản thản như là nở hoa. Đã lâu lắm, chàng chưa thấy vui như thế.

Suốt một ngày, chàng quét dọn nhà cửa và xếp đặt những đồ vật ở trong nhà cho có vẻ thật ưả nhìn. Chàng đặt cái này, chàng xếp cái nọ đến hàng trăm bận mà vẫn như không bằng lòng. Đến chiều, chàng tắm rửa thật cẩn thận và chải đầu, xức tóc cho thật láng mượt; đoạn chàng đi ra mắc lấy một cái áo lộng lẫy nhất bận vào cái áo mà từ khi vợ mất đến nay chàng chưa bao giờ nghĩ lấy đem ra mặc. Rồi chàng ra tựa gốc cây thùy dương đợi người nữ lang tuyệt sắc mà sự tình cờ đã cho chàng gặp gỡ đêm qua.

Giải Ngân Hà in rõ trên nền trong xanh như một dải dây lưng dát bạc. Phong cảnh hữu tình trong cái lặng lẽ dịu dàng của đêm khuya. Những tiếng vọng của hội hè đưa lại tưng bừng, rộn rịp: tiếng cười, tiếng nói, tiếng não bạt, tiếng thanh la, tiếng chuông, tiếng sáo hòa với tiếng đàn “sa-mi-sen” não ruột...

Ở dưới mái nhà, trong một góc tường kia – như báo một điềm bí mật, như báo một

tai nạn vậy - một con nhện lớn đương giăng tơ chăm chỉ bồng sa xuống ở trước đèn ba dây.

Ngay lúc ấy, người láng giềng của Đại Thông là Kim Tứ ở trong nhà đi ra. Thấy Đại Thông tiên sinh! Hôm nay, tiên sinh ăn bận đồm đàng lấm, chắc tiên sinh xem hội cho tiêu sầu thì phải. Tôi hoan nghênh ý kiến tiên sinh lấm lấm.

Kim tứ là một ông thầy tiên định lừng danh. Ông đoán vận hạn, xem tướng bói giỏi nhất vùng này và có thể xem tay, lấy số, đoán vận mạng cát hung như thần.

Ông mình hạc, xương mai và râu ria đã bạc trắng cả ra rồi, nhưng cặp mắt vẫn tinh anh và quắc thước. Một nụ cười luôn luôn nở trên môi, làm cho hai gò má hơi nhăn một chút.

Kim Tứ chăm chú nhìn người bạn láng giềng. Đại Thông nói:

- Xin kính chào Kim tiên sinh! Kẻ hậu sinh này, hôm nay, không đi xem hội. Kẻ hậu sinh này, hôm nay, có một người đàn bà đến thăm. Thế cũng là hội chứ gì?

- Kỳ thú! Kỳ thú! Tiên sinh nghĩ chí lý. Phải, ta phải đổi cuộc đời đi, chứ cứ sầu bi, than khóc mãi thì cái buồn khổ nó cứ ám ảnh hoài, chẳng làm được vì gì, tiên sinh ạ. Nói thực với tiên sinh, tôi rất lo sợ cho tiên sinh. Có một hôm, tôi xem tướng cho tiên sinh, thấy tiên sinh gặp một cái tai nạn đấy. Phải coi chừng một chút, nhưng rồi cũng qua được.

Nói đoạn, Kim Tứ vuốt râu, thi lễ rồi đi xem hội, trong khi Đại Thông cứ đứng ở gốc cây thùy dương để trông chờ người đẹp.

Trên đường, thiên hạ kéo nhau đi tấp nập: từng đoàn trai thanh gái lịch xách đèn đi và cười nói huyền thiên.

Mãi tận khuya, mới vắng người. Cảnh thôn dã lại chìm vào trong bóng tối lạng lờ, dày đặc. Chỉ còn có cái cửa sổ chiếu một thứ ánh sáng vàng vọt xuống bóng tối của đêm khuya.

Đại Thông không ngừng mắt nhìn con đường mà nữ lang sẽ đến với chàng. Chàng thắc mắc và nóng ruột. Đột nhiên không nghe thấy một tiếng guốc hay một tiếng hài đi trên mặt đất, Đại Thông thấy hiện ở giữa khoảng thình không một cái đèn lồng đỏ vẽ toàn hoa mẫu đơn. Rồi một tiếng người rung động nhỏ nhẹ ở bên tay chàng: "Xin kính chào tiên sinh!"

Dụi mắt, chàng nhìn thấy hai người thiếu nữ tiến lại phía chàng: người nữ thì cầm cái đèn lồng mắc vào một ngọn cây tre và, sau lưng, thì là nữ lang, vẫn kiêu diễm như đêm qua, mà ăn mặc vẫn lộng lẫy như đêm qua vậy.

Thoạt tiên, Đại Thông cũng hơi lầy lăm ngạc nhiên sao nàng không chọn một màu áo gì lạ để mặc vào ngày hội, nhưng sau vì sung sướng quá, thành cũng không nghĩ đến điều đó nữa. Chàng mời nàng vào trong nhà và pha trà mời uống, trong khi ở nữ thì vẫn không nói một câu, xin phép chủ đi ra tỉnh. Những ngọn nến cháy rực rỡ, gió lay động những ngọn lửa chập chờn. Bánh trái, hoa quả xếp đầy những cái đĩa

lớn đặt trong những cái khay sơn đỏ.

Sau khi đã rửa bức châu liềm xuống rồi, chàng và nàng ngồi cạnh nhau ở trên chiếu và nàng kể đời nàng cho chàng nghe:

- Em vốn sinh đẻ ở Na La, tên em là Giáng Tuyết. Thân phụ em vốn là nhà kinh doanh giàu có, nên chung quanh vùng em ở có nhiều đũa tiểu nhân nó thù hằn. Một hôm, một bọn người cáo xưng thân phụ em giết người nên thầy em bị hình ngục và đã bỏ mình một cách khổ não ở trong chốn sâu thành đó.

Em và thân mẫu em cực nhục quá không dám ở Na La nữa, đành phải dắt nhau về ở đây, từ mùa Xuân. Mẹ em và em có ý định chọn nơi này vì ở đây vắng vẻ, mẹ em chắc chắn có thể sống một cuộc đời kín đáo, không bận rộn mà cũng chẳng phiền ai hết.

Đến ở đây được ít lâu thì em gặp anh đi với vợ vào đền Mỹ Đế. Anh bận một cái áo như cái áo hôm nay, anh trông dễ thương quá và vợ anh thì đẹp và tỏ vẻ vô cùng sung sướng. Chẳng dám giấu gì anh, em đã có lúc ghen cái hạnh phúc của vợ anh...

Giáng Tuyết nói thế xong, nhìn chàng một cách thơ ngây. Chàng nói:

- Em bảo gì? Đẹp như em, sao lại phải nói đến một câu như vậy?

Bằng lòng lắm, nàng cười:

- Em xin anh. Anh đừng nên nói những điều anh không nghĩ.

Đẹp một cách mê li, quyến rũ, Giáng Tuyết ngồi ở một chỗ mờ tối sáng, cách xa hẳn ánh đèn mà hình như nàng có vẻ sợ sệt, có vẻ muốn xa lánh vậy.

Cũng như đêm hôm qua, vài sợi tóc sòa xuống trán nàng. Đầu nàng hơi nghiêng về một bên; nàng có vẻ lạnh lẽo và tinh nghịch, nhưng đôi mắt của nàng êm dịu và chăm chú nhìn chàng trẻ tuổi, như nói hết cả những điều mà nàng muốn giấu kín trong tim óc.

Nàng nói:

- Em đến thăm anh hôm nay, thực cũng vất vả, gian truân quá.

Chàng hỏi tại sao.

- Em xin anh, em van anh. Em khổ tâm quá lắm rồi, anh đừng hỏi làm gì nữa cho em thêm đau đớn.

Nói đoạn, nàng dấn mình vào trong một cơn mơ mộng nào nùng miêng lắm bầm những lời nghe không rõ, in như một đũa trẻ ngây thơ tập nói và lấy hai bàn tay trắng như ngà ra vò nát cái áo nhẹ nhàng như mây khói.

Hôm nay, Đại Thông uống nhiều rượu "sa-kê" hơn ngày thường nên hơi nóng bốc lên mặt bừng bừng và quả tim chàng đập mạnh. Chàng chống tay vào cằm, chăm chú nhìn Giáng Tuyết có đôi bàn tay đẹp lúc ấy bắt đầu run lẩy bẩy. Nàng ngước mắt nhìn chàng và cười, trong khi chàng ngồi lại gần nàng mà khẽ nói rất dịu dàng.

- Em ơi, anh yêu em ngay từ buổi gặp gỡ đêm qua, ở bên ngôi miếu cổ. Chiều nay,

anh trông đợi em không biết ngần nào và anh có cảm giác rằng nếu em lỗi hẹn thì... thì... Nhưng mà thôi, em đã đến với anh rồi, còn nói đến chuyện ấy làm gì nữa? Anh chắc rằng trời đã run rủi cho anh được gặp em, hoặc chính Ngọc Hân Nương đã xui khiến ra như thế để gây lấy một mối hạnh phúc cho anh vậy. Áng chừng Ngọc Hân thấy anh thương tiếc nàng quá nên đã muốn đem em đến để thay nàng... Nếu anh quả thực không có ý tưởng đó trong đầu thì anh không thể không bao giờ lại tiếp một người đàn bà lạ ở trong căn nhà này. Anh xin lỗi vì đã không thể thu xếp để tiếp em thực chu đáo, nhưng anh xin nói để em biết anh còn quý em hơn là anh đã quý Ngọc Hân Nương nhiều lắm. Nay, em xem trái tim anh đập vì em...

Đại Thông cúi xuống và hôn vào cái cổ ngà ngọc của Giáng Tuyết cái cổ lạnh như băng giá.

Giáng Tuyết thở nhè nhẹ và ôm lấy chàng.

Đêm lúc ấy đã khuya. Xa, chỉ còn tiếng ếch ương và tiếng dế kêu sàu ở xa trong những cánh đồng tối đen, vắng ngắt. Những tiếng vang dội của đám hội từ phương tây đưa lại nhỏ dần, nhỏ dần. Thỉnh thoảng lắm, người mới lại nghe thấy tiếng đàn sa-mi-sen nào ruột như tiếng khóc.

Giờ này, chẳng hiểu sao con nữ tì còn ở ngoài tỉnh chưa về?

Cửa phòng khách mở rộng. Ở buồng bên, hé lộ một bức màn riềm đỏ như chờ đợi, như sẵn sàng chờ đợi... Những cái gối xếp rần chắc cũng bọc lụa màu: đó là những kỷ niệm cuối cùng của Ngọc Hân để lại. Ngọn nến để trên án thư sắp tắt, reo sè sè trong đêm khuya. Đại Thông ôm chặt lấy nữ lang kiều diễm. Nến tắt hẳn. Ở ngoài kia, cái đèn lồng mẫu đơn mà con nữ tì để lại chiếu vào căn buồng một thứ ánh sáng đỏ tờ mờ...

Sáng hôm sau, Đại Thông không ra nghĩa địa thăm vợ nữa và từ đó trở đi, cứ mỗi buổi chiều, vào khoảng giờ Tuất, giờ Hợi thì Giáng Tuyết lại đến với chàng, bí mật và kỳ dị, theo sau lúc nào cũng có con hầu quái lạ trông giống hệt một con "đúm" bằng mụn vải và không bao giờ rời bỏ cái đèn lồng mẫu đơn.

Đại Thông bắt đầu sống một cuộc đời kỳ lạ, suốt ngày chỉ ngủ, ngủ những giấc ngủ nặng nề có toàn những ác mộng đến thăm. Chàng yếu sút trông thấy. Ông già bên hàng xóm, Kim Tứ, nhận thấy điều này, hết sức để ý đến Đại Thông và một buổi trưa mùa thu nọ, đập cửa nhà Đại Thông mà gọi Đại Thông thức giấc.

Mặt trời đã lặn dần về phía trời tây, Đại Thông nằm nghỉ trong buồng kín. Nghe tiếng ông bạn già gọi, chàng giật mình choàng dậy.

Mắt hãy còn nặng trĩu giấc ngủ dở dang, chàng bước qua mảnh vườn con, mở cửa và hai người ngồi cạnh nhau trò chuyện.

Giấu hết nỗi băn khoăn của mình, Kim Tứ thản nhiên nói:

- Chào Đại Thông tiên sinh, cả ngày tôi không thấy tiên sinh đâu. Ngài có đau yếu gì không?



- Tôi hơi bị mệt và không hiểu ít lâu nay sao lười tẻ.

Nhận thấy da mặt Đại Thông vàng như nghệ và khí sắc kém hẳn đi, Kim Tứ nói tiếp:

- Đó là điều bất thường khi người ta đã trẻ lại có nhân tình. Nhưng tại sao tiên sinh lại có vẻ mệt mỏi khác thường và gầy róc đi như vậy? Xin tha lỗi cho tôi đã đường đột nói đến chuyện riêng của tiên sinh, nhưng vì tôi mến phục tiên sinh nên phải chạy tới hỏi thăm và mong tiên sinh hãy bảo toàn quý thể.

Kim Tứ hút một hơi thuốc. Tin chắc rằng có điều gì bất thường xảy ra đây. Đại Thông bèn nói:

- Tôi gầy lắm thực ư? Tiên sinh làm cho tôi sợ hãi.

Vừa nói chàng vừa giơ bàn tay xanh mướt như bàn tay kẻ chết rồi, sờ lên má.

Kim Tứ bỗng háng giọng, nói to:

- Thật lạ! Tiên sinh để tôi bói thử một quẻ xem sao.

Nói đoạn, ông lấy ở túi áo ra những cái thẻ nhỏ bao giờ cũng mang theo trong mình, rồi ông cúi đầu xuống khấn, nhắm mắt lại, vớt bỏ thẻ xuống đất. Rồi ông mở mắt ra, ngả người xuống, chăm chú nhìn như để tìm cho ra bí mật, với một điệu bộ thất vọng, ông giơ tay lên rên rỉ:

- Trời ơi, một tai nạn lớn. Tiên sinh sẽ chết trong vài ngày, hay cùng lắm là một tháng nữa thôi.

- Ôi!

Đại Thông vừa kêu được một tiếng thì mặt đã tái lại và gần như muốn xỉu.

Hai người bạn lặng yên không nói trong sự hãi hùng, nhưng chỉ trong khoảng khắc mà thôi.

Sau Kim Tứ nói trước:

- Nếu tiên sinh có quý sinh mệnh của tiên sinh thì xin trả lời rất thành thực những câu hỏi của tôi. Tôi biết rằng cứ đêm đêm thì lại có một người lén đến tìm tiên sinh. Có lẽ đó là nhân tình của tiên sinh. Tiên sinh biết người đó đã bao nhiêu lâu nay rồi?

- Trước ngày hội Quần Tinh ạ.

- Có phải nàng đến với tiên sinh lần thứ nhất nhằm đúng hôm hội phải không. Tôi hãy còn nhớ nàng đến với tiên sinh đêm ấy với một chiếc đèn lồng?

- Vâng, nàng đi với một ả nữ tỳ đem theo một chiếc đèn lồng ạ.

Đông mắt Đại Thông mơ màng như nhớ lại cuộc gặp gỡ ban đầu.

- Tiên sinh gặp nàng ở đâu.

- Gần đền Mỹ Đế mà tôi đi làm đường trở về lối hồ Bình Hoa.

- Mỹ Đế! Đền Mỹ Đế! Có phải đền ấy ở về một miền quê hẻo lánh, chung quanh không có nhà cửa gì phải không?

- Thưa, đúng thế.

- Còn nàng tên gì?

- Tên là Giáng Tuyết. Hình như tôi đã nói cả với tiên sinh rồi thì phải. Đúng rồi. Nàng nói với tôi rằng nàng vốn là con nhà danh gia vọng tộc, nhưng mẹ nàng và nàng bắt buộc phải ở cách xa thành phố.

- Thật ư? Tiên sinh hãy nghe tôi kể chuyện nàng: Cha nàng là nhà nho. Nàng được nuôi dạy theo một nền giáo dục khuôn mẫu. Mẹ nàng rất nghiêm ngặt, không cho nàng ra ngoài, dù đi với một ả nữ tì. Vì thế nàng phải trốn đi ban đêm. Khi mẹ nàng ngủ, nàng trèo qua cửa sổ để đến với tôi. Đó là điều nàng đã thuật với tôi trong những buổi gặp gỡ sau này.

- Trời ơi, một người đẹp mà phải trèo qua cửa sổ! Tiên sinh mê nàng quá. Với tôi câu chuyện thật là quái dị; gặp gỡ một thiếu nữ ở gần một cái miếu hoang tàn, rồi thiếu nữ ấy đến nhà người yêu một cách dễ dãi ngay tối đầu! Tôi chẳng thấy dấu gì là dấu đôi bàn chân nhỏ xíu ấy trèo qua cửa sổ. Thưa tiên sinh, những sự việc ấy quả bất thường. Phiền tiên sinh tả cho tôi biết mặt mũi nàng ra sao? Nàng ăn mặc thế nào?

- Nàng đẹp một cách lạ thường, dù nét mặt có đượm một vẻ buồn triền miên. Nàng chỉ bận một thứ áo và không bao giờ thay đổi... Quả thật tiên sinh đã làm cho tôi phải suy nghĩ nhiều... Cho đến con nữ tỳ cũng đến vào một giờ nhất định, mang theo một cái đèn lồng cũng không thay đổi, mà đặc biệt là con nữ tỳ không hề mở miệng một câu. Tôi tưởng nó câm, tiên sinh ạ.

- Câu chuyện mỗi lúc lại thêm lạ lùng.

Kim Tứ nghĩ đến sự bí mật ấy và tự hỏi không biết hai thiếu nữ ấy là ai. Mà Đại Thông thì không tin được nàng Giáng Tuyết - một nữ lang đẹp như tiên - lại có thể cầm được sinh mệnh của chàng trong tay.

- Đại Thông tiên sinh, bây giờ đã đến lúc ta phải quyết định rồi. Ta phải tìm cho biết gốc tích nữ lang ấy. Nếu không thì tính mệnh tiên sinh chẳng khác ngọn đèn trước gió. Vậy tiên sinh đã có ý kiến gì chưa?

Chàng thanh niên lắc đầu. Trán ông già nhăn lại vì suy nghĩ:

- Nhà tiên sinh chỉ cách nhà tôi có một bức tường thôi, phải không?

Chàng thanh niên gật đầu.

- Như thế tôi sẽ quay về nhà đục một lỗ tường để có thể trông sang xem người con gái đáng sợ ấy ra sao. Tôi van tiên sinh hãy lánh xa ả ấy đi. Thôi, xin phép tiên sinh tôi về, vì đã muộn.

Nói đoạn, Kim Tứ nhặt những cái thẻ ở dưới đất, cầm điếu thuốc ra về.

Ngoài vườn, mấy cụm hồng rung động dưới làn gió nhẹ. Đại Thông đứng dậy bước nặng nề vào nhà trong.

Ngày hôm sau, vừa mới bình minh, Kim Tứ đã sang gõ cửa ông bạn hàng xóm.

Trông thấy Đại Thông, ông thốt lên một câu kinh ngạc:

- Ô, hãy còn sống! Mở toang các cửa ra cho ánh sáng lùa vào.

Lần này, Đại Thông tỉnh táo lắm.

- Thế nào, ông có trông thấy nàng Giáng Tuyết của tôi không? Nàng là ai? Hôm qua nàng đưa cho tôi một nhành hoa lê. Ông trông đấy, nàng có thật và tôi có bị ám hại gì đâu! Không sợ!

Nói câu ấy xong, Đại Thông cười có vẻ khoái trá và lấy tay trở nhành hoa lê để trên cái án thư bằng gụ đen bóng như mun.

Kim Tứ trông thấy mà ngạc nhiên vô cùng:

- Tiên sinh ơi, hãy tỉnh ngộ lại và thử ngắm mà xem. Tiên sinh há chẳng biết mùa thu thì làm gì có hoa lê, có chăng chỉ có hoa hoắc lê là cùng.

- Quả thế, khi nàng Giáng Tuyết biếu tôi nhành hoa, nàng cũng đã nói rồi: Em đưa đến cho anh một đóa hoa buồn, em vẫn biết anh thích hoa đào đơn. Sau này, anh gặp gỡ một bạn tình vui tính và chắc rằng anh sẽ quên em ngay. Rồi nàng ngả đầu vào vai tôi mà khóc. Tôi an ủi nàng đừng có ngờ vực một điều nhỏ mọn, tôi yêu tất cả các thứ hoa mà bông hoa tôi yêu hơn cả thì là nàng vậy.

Nhưng có điều Đại Thông không nói ra và không nghĩ đến là trong tháng này, chẳng vườn nào lại có hoa lê nở. Một nỗi lo sợ không tên xâm chiếm lòng chàng, hai tay chàng nắm chặt lấy ông thầy tiên định:

- Vậy tiên sinh có thấy gì khác thường không? Tiên sinh làm cho tôi sợ hãi quá...

- Tôi phải nói để tiên sinh biết sự thật hãi hùng. Can đảm mà nghe mới được, vì tôi muốn cứu tiên sinh.

... Thiếu nữ đến với tiên sinh chết đã lâu lắm rồi. Tay tiên sinh sờ vào thân ma, môi tiên sinh hôn hít thân ma... Khi tôi trông thấy người yêu của tiên sinh đưa biếu nhành hoa lê, tôi đã định kêu lên. Nhưng trấn tĩnh được, tôi muốn tìm cho ra bí mật; với cái tinh thần của tôi, tôi có thể cho tiên sinh biết: nàng Giáng Tuyết chỉ là ma hiện ở dưới mả lên. Tiên sinh si tình thấy nàng đẹp đẽ uyển chuyển; tôi thì tôi thấy ghê sợ và kinh tởm?

Đại Thông hoảng sợ, níu lấy áo ông bạn già lạy van xin cứu cho sinh mệnh, nếu còn kịp thời giờ.

Kim Tứ nói:

- Đêm nay, tôi không ngủ, mặc dầu suy nghĩ nhiều. Chắc chắn thế nào tôi cũng tìm ra bí mật ở ngoài đền Mỹ Đế. Nhưng vì nghề nghiệp của tôi, các nhà sư sẽ tìm cách làm khó dễ. Tiên sinh làm ơn đi thay tôi. Ngay hôm nay, tiên sinh đến đó dò hỏi nhà sư trụ trì một cách khôn khéo để họ khỏi nghi ngờ gì mình. Tôi chắc có một cái bí mật gì ghê gớm ở trong ngôi đền ấy. Tiên sinh nên đi ngay, làm thế nào đến được trước khi mặt trời lặn. Tôi nóng lòng chờ tiên sinh quay về. Biết được tiên sinh thấy những gì ở đó, tôi sẽ tùy cơ cứu tiên sinh.

Đại Thông có cái cảm tưởng như mình không còn sống nữa. Dù sao chàng cũng cố

sức sửa soạn ra đi thật nhanh.

Một bụi rậm gai góc chắn ngang lối vào đền. Đại Thông không dám vượt qua, đành phải gõ cửa.

Một nhà sư già lấm, gầy đét như con mắm, bận một cái áo xanh đã bạc màu ló mình ra ngoài cửa sổ và hỏi:

- Ông hỏi gì?

- Bạch cụ, vụ tha lỗi cho câu hỏi tò mò, ở đền ta đây có bao nhiêu vị tăng ni?

Trông thấy bộ quần áo sang trọng của Đại Thông, nhà sư dịu dàng nói:

- Thưa ở đây chúng tôi chỉ có hai người thôi, tôi và một chú tiểu. Ngài trông đấy, ngôi đền điều tàn lăm, khách thập phương không hề để chân đến lễ bái bao giờ.

- Thế có nhiều người làm ma chay gì không? Đại Thông hỏi.

- Bây giờ thì không có nữa. Tuy vậy, cách đây không bao lâu cũng có một đám.

Vâng, đúng hai tháng, đám ma một thiếu nữ. Tôi biết mẹ của nàng, còn nàng thì tôi chưa bao giờ gặp mặt.

- Thế nàng không phải là người ở đây sao?

- Mẹ nàng ở tận Nam Hải. Bần tăng nghe nói nàng là thiếu nữ chưa chồng, chẳng biết vì chuyện gì, một đêm ra một cây đa quéo thắt cổ trên cành tự vận.

Đại Thông nghe mà muốn tắt thở, cổ họng chàng khô lại. Chàng lại hỏi:

- Thế bạch cụ, cụ có nhớ tên thiếu nữ là gì không?

- Hình như tên nàng là Giáng Tuyết.

- Giáng Tuyết?

- Vâng, thuộc về dòng họ Ngân Điền. Nếu ngài muốn biết rõ nữa, tôi sẽ chỉ để ngài biết quan tài nàng vì hãy còn để ở trong đền này. Mẹ nàng giao cho tôi coi cái quan tài ấy mà đã hai tháng trời nay rồi, họ hàng cũng không có ai đến nhận. Không được phép, tôi không dám chôn. Ngài sẽ thấy ngay trên quan tài có treo một cái đèn lồng rất đẹp.

Đại Thông run lên như cái lá trước gió thu, hai hàm răng đánh vào nhau cầm cập.

Chàng muốn té xỉu xuống ngay lúc đó. Tuy vậy, chàng cũng cố hỏi thêm một câu:

- Bạch cụ, cụ có thấy sự gì thay đổi lạ lùng ở trong đền này không?

Vị sư già không hiểu ý nghĩa câu hỏi, mở to mắt tỏ vẻ ngạc nhiên và nghĩ có lẽ người này điên chẳng, bèn trả lời một câu có vẻ đùa cợt:

- Không, không, chẳng có gì cả. Tuy vậy tối nào tôi cũng bị mất một cây nến. Tôi chắc chú tiểu ăn cắp để bán lấy tiền mua bánh, nếu không phải là chú chuột tha đi.

Đại Thông lạnh toát người, bỏ chạy, quên cả chào vị tăng già đứng sững ra đấy, vừa buồn cười mà lại vừa bâng khuâng không hiểu chuyện gì cả.

Câu chuyện của ông Foumiko Tayabashi kể cho chúng tôi nghe đến đây thì trời vừa hửng sáng.

Không thể nằm lâu hơn được, chúng tôi đành phải đứng dậy ra về. Riêng tôi thắc

mắc không chịu được vì không biết câu chuyện đến đây đã hết chưa, mà tiếc một nỗi là ông Tayabashi lại không nói cho chúng tôi được biết.

Tôi định ngay tối hôm đó sẽ mời cả bọn đi hát nữa để hỏi ông Tayabashi câu chuyện hết chưa và nếu chưa hết thì rồi ra sao, nhưng chẳng may, đến buổi trưa hôm đó, phái đoàn nghị sĩ nhận được một bức điện kêu về gấp vì một biến cố chính trị mới xảy ra tại Sài Gòn.

Tàu bay cất cánh hồi ba giờ chiều. Tôi không kịp ra tiễn mấy ông bạn và do đó không biết gì hơn về chuyện “Cái Đền Lồng” của ông Foumiko Tayabashi, nhất là không biết sau này có ai đến nhận chôn thi hài Giáng Tuyết không?

#### NGỌC HÂN, GIÁNG TUYẾT VÀ Ả NỮ TỖ XÁCH ĐÈN LỒNG

Tháng Giêng năm 1967, tôi có dịp đi chơi thăm mấy nước Á Đông. Sau hơn một tháng ở Thái Lan, Phi Luật Tân, Đại Hàn, đáng lẽ phái đoàn báo chí của chúng tôi về nước, nhưng không hiểu vì lý do gì chính trị hay ngoại giao, ông Đại Sứ ở Nhật lại đánh điện sang Đại Hàn mời ghé qua Nhật. Theo chương trình ấn định, phái đoàn chỉ lưu lại Nhật ba ngày ba đêm, nhưng đến giờ chót thì máy bay không có, chúng tôi phải chia nhau thành ba nhóm, để về cách biệt nhau.

Vì ngân Sài Gòn một phần mà phần khác cũng vì yêu mến nước Nhật thơ mộng, tôi xin ở lại để về chót. Tưởng là chậm vài ngày, không ngờ chuyến này tôi lưu lại Nhật đến gần nửa tháng. Bao nhiêu xí nghiệp, thông tấn xã, báo quán, đài ti vi, bao nhiêu bộ phủ, cơ quan quân sự tôi đều đã đi thăm hết cả trong những buổi đầu rồi, tôi chỉ còn biết la cà đi vào các “đề-các-tô” để xem hàng hóa rồi nay quán này, mai từu lâu nọ để xem xô (show) và thưởng thức miếng ngon Nhật Bản. Chính lúc ấy, tôi nhớ đến nhà văn kiêm ký giả Foumiko Tayabashi và tôi đã nhờ một người Nhật, thông thạo tiếng Pháp và tiếng Việt từng mở tiệm kem máy ở đường Hàng Trống trước Thế Chiến Thứ Nhì vẽ đường cho tôi tìm đến nhà ông.

Ông ở mãi trên một ngọn núi ở cách xa thành phố Đông Kinh chừng hai mươi cây số. Tôi đến thăm ông vào một buổi sáng rét dưới năm độ không. Đứng ở trên căn nhà gỗ nhìn xuống con đường quanh quào trong vách đá, rộng thênh thang đủ cho hai xe hơi đi lại dễ dàng, tôi thấy những cây thông phủ tuyết trắng xóa, còn sông nước ở đằng xa thì đóng thành băng, người lớn và trẻ nhỏ chơi trượt tuyết đông như hội. Nhưng ở căn nhà gỗ của ông Tayabashi trên đỉnh núi thì im lặng hoàn toàn như một cái am. Cửa đóng kín như bưng, tôi kêu mãi mới có một cô bé chừng mười một, mười hai tuổi ra mở cửa. Đưa lá thiệp vào trước để tự giới thiệu mình, tôi được một bà trạc lục tuần ra tiếp. Bà này nói tiếng Nhật. Không nghe kịp, tôi xin lỗi. Lúc ấy bà mới nói tiếng Anh. Tôi nghe lờ mờ không hiểu rõ, nhưng câu được câu mất, tôi biết đại khái bà là vợ của văn sĩ Foumiko Tayabashi. Bà lòa cả hai con mắt. Chồng bà chết hai năm nay rồi vì bom nguyên tử, bởi vì hồi đó ông ở Xung Thành để theo dõi tình hình chiến sự. Bây giờ bà ở với một đứa cháu nuôi làm con nuôi, bởi vì hai

con gái và một con trai bà cũng đã chết trận sau chồng bà chừng độ dăm sáu tháng.

Tôi buồn não ruột khi nghe bà nói đến gia cảnh của bà. Tôi nói:

-Thưa bà, bao nhiêu lời chia buồn đều vô ích. Tôi đau khổ bằng cái đau khổ của bà. Ông nhà với tôi là bạn, không ngờ buổi chia tay bữa ấy ở thủ đô Bắc Việt lại là ngày vĩnh biệt.

Bà Foumiko nhất định giữ tôi lại vài ngày. Tôi cố từ chối nhưng không được, đành phải ở lại một ngày. Ăn xong hai bữa, tôi lại được đưa cháu nhỏ đưa đi các vùng lân cận để thăm các đền chùa miếu mạo. Buổi tối, chong một ngọn đèn mờ lên uống nước trà do chính tôi học pha lấy theo lối Nhật, bà Foumiko Tayabashi kể lại cho tôi những thảm cảnh chiến tranh, nhưng bà không khóc, kể cả những khi nhắc đến chồng con đã qua đời. Tôi nói với bà:

-Thực ra tôi không được tiếp chuyện ông nhà nhiều, nhưng chỉ trò chuyện một đêm, một đêm thôi, tôi đã biết ông nhà có một tâm hồn khoáng đạt, giàu tha thứ và dù trải rất nhiều biến thiên, ông vẫn giữ nguyên vẹn dân tộc tính và tỏ ra một lòng ái quốc sâu xa.

Câu nọ giắt câu kia, tôi nhắc lại chuyện “Cái Đèn Lồng” mà ông Tayabashi đã kể cho tôi nghe vào một đêm đông ở xóm Khâm Thiên, Hà Nội và tôi cũng cứ thực tình nói với bà rằng tôi rất tiếc là không được biết câu chuyện ấy đã kết thúc chưa.

Nghe tôi nói, bà Tayabashi ngạc nhiên không hiểu. Nhưng sau khi đã dùng hết tuần trà, bà có vẻ như nhớ dần dần ra một chuyện đã mờ trong trí óc và bảo tôi:

-À, bây giờ tôi nhớ ra rồi. “Cái Đèn Lồng”... Phải, chồng tôi lúc sống có viết một cuốn truyện như thế bằng tiếng Nhật và dường như đã đăng từng kỳ trên hai tờ báo Anh Ngữ và Pháp Ngữ.

Nói đoạn, bà gọi cô cháu nhỏ ra nói một hồi lâu bằng tiếng Nhật. Cô cháu đi vào.

Sáng hôm sau, cũng vào lúc dùng trà, bà Tayabashi đưa cho tôi một tập giấy và nói:

- Hôm qua, cháu đã tìm được tập bản thảo này đây. Ông nói đúng: chuyện “Cái Đèn Lồng” do chồng tôi kể cho ông nghe chưa hết. Tập này viết sau khi nhà tôi ở Việt Nam về, định đưa đăng tiếp, nhưng chẳng may thất lạc nên đành xếp đấy, mà tôi cũng chẳng nghĩ đến việc gửi cho nhà báo làm gì. Bởi vì ông thiết tha đến câu chuyện ấy, tôi xin kính biểu ông để ông coi. Còn tôi, vô phúc cho tôi là bị hư mắt cả hai con mắt vì chất phóng xạ nguyên tử, tôi không thể đọc được nên cũng không biết gì. Ông đọc sẽ thấy câu chuyện rồi sau kết thúc ra sao. Tôi xin vì vong hồn của chồng tôi cảm ơn ông vì ông đã yêu mến chồng tôi và đến thăm chúng tôi ngày hôm nay...

Xe xuống đến chân núi, tôi ngừng đầu nhìn lên hãy còn thấy bà Tayabashi đứng dựa vào cánh cửa tiễn tôi và vẫy tay chào.

Muốn giơ tay ra chào lại, mà biết rằng có vẫy tay thì bà ta cũng chẳng thấy gì, tôi cảm thấy chưa buồn như thế bao giờ.

Về đến khách sạn, tôi nằm úp mặt vào cái áo kimônô mới do cô hầu phòng để sẵn cho khách thay mỗi sáng và bảo bồi dưỡng mang cơm lên sáng đó. Người bồi hỏi tôi: - Ông bệnh? Có cần phải nói với bác sĩ không, bởi vì khách sạn lúc nào cũng có bác sĩ trông nom.

- Khỏi cần. Nhưng nếu có rượu mà không phải rượu “sa-kê” đem cho tôi một chai nhỏ uống chơi cho đỡ lạnh. Cả buổi trưa hôm đó, tôi cứ ngồi nhấm rượu một mình, vừa nhấm vừa giở tập bản thảo của ông Tayabashi ra đọc tiếp truyện “Cái Đèn Lồng: để xem có ai đến nhận chôn người con gái tự tử quàn ở trong Tào Sơn Điện gần hồ Bình Hoa không.

Chẳng có ai đến nhận xác Giáng Tuyết, kể cả người tự nhận là mẹ nàng đến xin với vị sư trụ trì làm chay cho nàng.

Thế là nghĩa lý gì? Tại sao người ta lại bỏ Giáng Tuyết như thế? Mà Giáng Tuyết tại sao lại tự tử để rồi nằm chết thân một mình trong ngôi đền hoang vắng thê lương? Thì ra muốn biết đầu đuôi câu chuyện này, người ta phải quay về sống lại một khoảng thời gian đã mờ rồi, cách đó bảy năm trời.

Bảy năm về trước, Tào Sơn Điện đã là một cái đền bỏ hoang không có bóng người qua lại vì không có ai dám đến tu ở đó. Lau sậy mọc tràn lan cả lên trên tường vách, mái nhà. Ngói lợp mái ở nhiều chỗ đã sút cả ra; có nhiều bức tường nứt rạn và đêm đêm cây cối vẫn đến họp nhau ở đó. Cũng có người bảo rằng bọn trộm cướp lấy nơi đó để hội họp nhau chia công cắt việc làm lễ Đức Ông rồi từ đó xuất phát để “làm ăn”, nhưng hầu hết mọi người thì tin rằng đó là một vùng đất dữ, có ma, đêm đêm vẫn hiện về tác yêu tác quái, làm cho người dân ở chung quanh hoảng sợ, cứ từ chạng vạng tối cho đến sáng không dám bén mảng từ ngôi đền ấy cho đến hết địa phận hồ Bình Hoa, nhất là ở chỗ cây đa Quéo và cồn “Cơm Toi”.

Một hôm, có một người ở xa xôi đến sinh sống ở đó, nghe thấy câu chuyện đồn đại ấy, không tin, bèn thủ một chai rượu lớn vào ngôi chính giữa Tào Sơn Điện uống rượu một mình để xem ma ra thế nào. Hai đêm liền, anh ta đều uống rượu như thế và không thấy gì. Anh ta cười ha hả và bảo những người chung quanh:

- Các ông xem, toàn là chuyện láo toét cả. Tôi ngồi hai đêm mà có thấy gì đâu!

Người đàn ông bạo dạn này, ngờ là trong những lời đồn đại phao truyền ấy có một âm mưu đen tối của một lũ gian nào đó, bèn cố tìm hiểu tại sao lại có chuyện ma mãnh trong ngôi đền. Một bô lão cho biết:

- Theo chỗ tôi biết, Tào Sơn Điện trước đây vẫn là một nơi họp của tuần tráng phụ trách canh gác vùng này. Một đêm kia, vào mùa rét, có ba người con gái đi qua đó nhờ độ đường, vào xin tuần tráng cho tá túc một đêm để sáng hôm sau đi chợ Na La sớm. Thấy ba cô gái xinh tươi, nói năng ngoan ngoãn dễ thương, bọn tuần tráng

ưng liền và xếp một cái ổ rơm cho ba cô nọ nghỉ ngơi. Trong khi đó, bọn tuần tráng quây quần bên một ngọn đèn dầu uống rượu suông.

Một cô gái thấy thế bèn nói:

- Các ông uống rượu thế này, không có cái nhắm, buồn chết. Nhân chị em chúng tôi đi chợ sớm, có mang sẵn thức ăn sáng sớm mai, các ông cho phép chúng em được mời các ông.

Vừa nói, cô vừa lấy ở trong tay nải ra hai cái giò heo. Trời thì rét, cảnh thì buồn, uống rượu suông ngán thực, bọn tuần tráng thấy hai cái giò heo tự nhiên sáng cả mắt lên. Thế là họ chia nhau ra, kẻ thì nhúm lửa, người thì chạy đi lại những ngôi nhà gần đấy mượn nồi, luộc hai cái giò heo lên rồi thái ra mấy đĩa đầy, cùng xoay ra chén trong khi ba cô gái ngồi bên lò lửa nói chuyện làm ăn và tính toán việc buôn bán sớm mai.

Đến gần sáng, cả bọn lăn ra ngủ, nhưng một ông sợ có xảy ra chuyện gì không hay, cố gương mắt để ngồi canh. Thấy một cô trong bọn trần trọc không ngủ được, anh ta lại gần tán chuyện gẫu. Thế rồi việc phải đến đã đến, hai anh chị đưa nhau ra bụi rậm ở gần đấy bày chuyện nguyệt hoa. Rồi một anh nữa lôi cô thứ nhì ra. Anh thứ ba thấy anh thứ nhất và thứ nhì hành động như vậy, cũng nổi nóng tán tỉnh cô thứ ba. Đến sáng thì cả ba ông đều hả hê, còn ba cô thì vội vã cảm ơn và từ tạ để lên đường đi chợ Na La cho kịp.

- Câu chuyện như thế có dính líu gì đến ma?

- Không. Ông cứ để cho tôi kể tiếp. Vậy là ba cô gái đi chợ Na La. Còn ba ông tuần tráng kia thì hết phiên canh rồi, vội vã về nhà đi ngủ. Một tuần qua đi. Cả ba ông đều bị bệnh chết bất đắc mà không có ai biết nguyên nhân. Họ chết thì thiệt thân họ, cũng chẳng ai buồn để ý, chỉ thương hại cho vợ một anh trong bọn, vì chồng chết hết kế sinh nhai, phải đi tha phương cầu thực rồi đến lúc cùng đường, ẵm hai đứa con nhỏ ở hai tay nhảy xuống hồ Bình Hoa tự trầm.

- Thế sau người đàn bà và hai đứa con ấy hoá ra ma?

- Chính tôi cũng không được rõ. Nhưng theo lời những người đã được thấy ma hiện thì không phải chỉ có một người hay hai người nhưng là nhiều người khác nhau, khi thì là một người đàn bà đẹp đi guốc kêu lóc cóc, khi thì là một bà có thị nữ theo hầu như mệnh phụ phu nhân, nhưng cũng có khi là đàn ông không đầu đi cà kheo, hay một lũ lạc loài rách rưới lê những cái thân hình tàn phế, đầy thương tích nối đuôi nhau than khóc.

- Ông nói không thể nào tin được. Nếu có, sao hai đêm tôi ở đó không thấy một con ma nào hiện ra?

- Cái đó, tôi lại cũng không biết nữa. Tôi biết thế nào, nói thế ấy, còn tin hay không tin là tùy nơi ông.

- Ông nói tức quá. Đêm nay tôi lại đi nữa và nếu không thấy, mai tôi lại đi nữa xem



sao.

Người đàn ông ở phương xa mới tới lập nghiệp ở Hốt Tử nói thế và làm thế thật. Nói cho thật đúng, anh ta muốn tìm biết ma thì ít, nhưng lấy có đó để thi hành một âm mưu thì nhiều. Là vì anh ta vốn không phải là người lương thiện, ngay từ lúc còn tám bé đã sinh sống về nghề đạo chích. Anh ta lấy có đó để dễ làm ăn; vì cứ đêm đêm mà ở nhà ra đi, không vì lý do gì hết thì hai bên hàng xóm nghi ngờ và do đó dễ để lộ thủ đoạn và nghề nghiệp bất chính của mình ra. Bất lấy câu chuyện tìm ma ở Tào Sơn Điện, anh ta ngồi đần đến chừng nửa đêm thì đi “làm việc”, thực không còn gì kín đáo hơn.

Một đêm, anh ta cũng mang một chai rượu đến ngồi như thường lệ, tạ sự là để rình ma nhưng chính lúc đang xếp đặt kế hoạch để vào ăn trộm một nhà giàu có ở trên con đường đi từ Hốt Tử đến hồ Bình Hoa thì tự nhiên thấy ở dưới bàn thờ Đức Ông chui ra một người gầy ốm, nhưng hết sức lanh lẹ, giắt ở sau lưng một con dao quai, đầu chít khăn tai lợn màu xanh, rảo bước đi ra phía vườn, mà tay thì cầm một cái dây thòng lọng. Tự nhiên, người ăn trộm ở Hốt Tử cảm thấy ngay là người vừa chui ở gần bàn thờ Đức Ông ra không phải là ma, nhưng chính là một gã ăn sương đồng nghiệp với anh chờ giờ tốt đi làm ăn gần đấy.

Anh lẩm bẩm: Thằng cha này cũng định bắt heo đây. Ờ, ta thử xem tài nghệ nó ra thế nào. Nhưng chẳng biết nó định bắt heo nhà nào vậy?

Đêm ấy có trăng. Trăng thượng tuần tỏa ra một ánh sáng xanh xao lạnh lẽo, làm cho người đi đêm, mặc dầu ăn sương đã lâu đời, cũng cảm thấy nao nao ở trong lòng. Thêm nữa, tiếng con chim cái ở đằng xa vọng tới lại càng làm cho đêm khuya thêm vẻ náo nùng, rùng rợn.

Điền Bá tên người ăn trộm ở Hốt Tử theo dõi người đàn ông gầy ốm chui ở dưới bàn thờ Đức Ông ra được một quãng rất xa, bỗng dừng bước, lấy tay đập vào trán mấy cái mà nói một mình:

“Ủa, sao “nó” lại đi đằng này? Hay là nó cũng định làm ăn ở nhà Đông Bích tiên sinh?”

Đông Bích tiên sinh là nhà phú hộ ở xóm Cổ Gà, ngay ở ngã tư Na La, nổi tiếng là giàu có nhất vùng. Trước đây, tiên sinh đi khắp đó đây để buôn bán kinh doanh, tạo ra được một gia tài ỨC VẠN, nhưng vì buồn nổi để đứa con nào chết đứa con nấy nên vợ chồng ông rút về ở vùng này lấy cây cỏ làm thú tiêu dao ngày tháng, rồi sau đó ít lâu thì có tin chết trong ngục tù. Chắc chắn tiền mặt ông còn nhiều, nhưng hình như lúc ông mất, bà Đông Bích để ở một nơi kín đáo ở tỉnh thành, một tháng đôi lần lại ra lấy một ít về tiêu; nhưng gà, chim, heo, vịt ở nhà ông thì có cả trăm con, thỉnh thoảng vào làm một hai con heo đem sang vùng khác bán cũng đủ ăn cả tháng. Chính Điền Bá, đêm hôm ấy, định vào “làm” mấy con heo ở nhà Đông Bích tiên sinh thì chính lúc sắp ra đi để động thủ thì lù lù hiện ra anh chàng ăn sương, gầy ốm thủ

một con dao quắm ở lưng, tay cầm dây thòng lọng, xăm xăm tiến về phía nhà ông Đông Bích. Điền Bá lặng lẽ theo dõi anh chàng để xem y hành động ra sao, và nhân tiện cũng muốn học thêm nghề nghiệp nếu anh ta tỏ ra có một tài đặc biệt.

Dưới ánh trăng khuya lạnh, tên ăn trộm ồm o đi như gió, làm cho lắm lúc Điền Bá phải chạy theo mới kịp. Thình thoảng, y lại quay lại nhìn lại đằng sau. Mắt y sáng như mắt con cây trong đêm tối, nhưng mỗi khi y quay lại thế thì Điền Bá, nhanh như con beo đã kịp thời lẩn vào bụi rậm, lùm cây để trốn cho y không nhìn thấy anh ta. Quả là tên ăn trộm đi nhanh như gió đến nhà Đông Bích thật. Đột nhiên Điền Bá cảm thấy như tắc thở. Mắt anh ta vừa nhìn thấy gì? Tên ăn trộm ồm o, mà anh theo dõi từ nãy tới giờ, không chui vào trại Đông Bích do nơi cửa cái mà cũng chẳng lách hàng rào như tất cả những gã ăn sượng khác. Nhẹ như một mũi tên, y nhìn ra sau một cái, nhìn ra trước một cái, rồi giơ hai bàn tay lên trời, phi hành lên trên mái nhà chính của ông Đông Bích. Điền Bá dụi mắt, tưởng mình mê ngủ. Sau một phút định thần, anh ngồi sụp xuống một bụi ô rô gần đó và ghé mắt qua một chỗ lá thưa, nhìn thật kỹ từng hành động của tên đạo chính cừ khôi.

Lúc ấy đã khuya lắm, tứ bề im lặng như tờ. Nhưng ở gian giữa nhà Đông Bích, người ta vẫn thấy le lói một ngọn đèn dầu. Điền Bá bò xuống bò lên tìm một chỗ ẩn núp thật kín đáo mà lại vừa có thể nhìn kỹ vào trong nhà để xem tên ăn trộm, một khi từ trên mái xuống được dưới nhà, thì làm ăn ra thế nào. Nhưng nói thế mà thôi, chớ “làm ăn” sao được? Là vì Điền Bá trông thấy rất rõ ràng, ở bên cạnh ngọn đèn, có một cô gái đẹp lạ đẹp lung đang xoa tóc ngồi thêu. Hình như tất cả nhà đều ngủ, chỉ còn có cô con gái kia thức mà thôi.

Có người thức như thế, hẳn là anh trộm kia phải đợi. Điền Bá đoán chừng như thế, nhưng anh ta lầm. Là vì mắt anh trông thấy rõ rệt từng ly từng tí – không thể nào làm được – anh trộm ở trên mái nhà không đợi mà cũng không chờ, nhưng ngồi xuống mái nhà, dỡ ngói ra một khoảng to bằng cái nong.

Ồ, lạ thật, vậy ra y không sợ cô gái đương ngồi thêu kia biết hay sao? Thôi thôi, phải rồi, mình lầm to. Đây không phải là một tên chích cựa như mình đã đoán, nhưng hẳn đây là một gã hoa tường liễu ngỗ, vào nhỏ ra to với người con gái đẹp đang ngồi đó. Mà người con gái này chắc chắn là có tình ý với y tự bao giờ rồi, cho nên giờ này vẫn chưa chịu ngủ, cố tình đợi người yêu đến để bày trò hoa nguyệt, không sai, Điền Bá tự nhủ:

“Cứ xem cách thức anh chàng này tới đây một cách quen thuộc rồi dỡ ngói mái nhà một cách hết sức tự nhiên, đủ biết là anh chịch mè chuột theo lối đó đã lâu rồi.”

Gió thổi rào rào vào bụi cây. Con chim cá - tiếng kêu thương của mặt trăng - hét lên một tiếng khắc khoải, vừa náo nùng vừa ghé rợn. Bao nhiêu thời khắc đã trôi qua? Điền Bá cảm thấy cảnh tượng đương diễn ra trước mắt anh mỗi lúc mỗi ly kỳ bí hiểm hơn. Tên ăn trộm ồm o dỡ xong ngói ở mái nhà Đông Bích rồi, không trèo

xuống mà cũng không ra một dấu hiệu gì để kêu cho cô gái ngừng đầu lên. Rõ ràng, hai năm rở mườì, Điền Bá thấy tên ăn trộm kỳ lạ thò đầu xuống qua lỗ hồng của mái ngói mới dỡ ra, nhìn xuống dưới nhà. Ở xa, nghe không rõ, nhưng Điền Bá cảm thấy y không nói gì cả, chỉ thở một hồi rồi đứng thẳng lên trên mái nhà.

Nhưng đúng rồi, nhất định là anh chị này mèo chuột với nhau, vì sau đó một lát thì cô gái đẹp nọ đứng lên, nhìn trước nhìn sau một hồi lâu rồi rón rén đi ra ngoài sân, sau khi đã vịn ngọn đèn nhỏ xuống. Dưới ánh trăng về gần sáng, Điền Bá thấy da cô gái trắng nõn nà, nhưng có một vẻ gì như lạnh lùng, như thơ thẩn. Điền Bá lại nghĩ:

“Ý hẩn cô này giận dỗi gì đây cho nên gặp tình lang mà không tươi cười. Chắc hẳn là tại anh chàng đến chậm, làm cho cô ta phải chờ đợi trong đêm giá lạnh.”

Vì chú ý đến cô gái nhiều và suy nghĩ vấ vợ một mình như thế, Điền Bá quên hẳn anh chàng ăn trộm (bởi vì theo Điền Bá thì ăn trộm tiền, ăn trộm heo hay ăn trộm tình, chung quy cũng chỉ là ăn trộm mà thôi). Khi quay lại, Điền Bá đã trông thấy y phi hành từ trên mái nhà xuống đất từ lúc nào rồi và đứng đợi ở ngã ba cây quéo. Cô gái đẹp đi thẳng đến đó một cách rất tự nhiên. Anh chàng ăn trộm đi trước, cô gái nọ đi sau. Điền Bá, từ trong bụi ô rô bò ra, cũng nín thở đi theo để cho biết câu chuyện “trên bực trong dẫu” ra thế nào.

Thì y như rằng: cô gái và anh ăn trộm đưa nhau lên một mô đất cao gần đó, cây cối um tùm như thể một khu rừng. Chung quanh mô đất là một cái khe, về đêm, im lặng quá, người ta nghe thấy nước vỗ vào bờ ì à ì ộp. Điền Bá đợi cho họ lên được đỉnh mô đất rồi, cùng bò lên trốn vào một chỗ khuất có lá xum xuê che kín, trợn con mắt lên để nhìn rõ xem chàng trai và cô gái làm những trò gì. Điền Bá nghĩ thầm:

“Hai người này thực là kỳ lạ. Thường thường, trai gái nào gặp nhau thì cũng phải chuyện trò, mà giả thử cô này có giận ít ra cũng phải trách anh chàng vài câu chớ sao cả hai lại cứ lặng im không nói không rằng như thế?”

Anh cho là lạ kỳ lắm và óc tò mò của anh càng bị kích thích nhiều hơn. Một lát sau, anh thấy tên ăn trộm thở mạnh mấy cái rồi cô gái quỳ xuống rồi đứng dậy liền. Cùng lúc ấy, tên ăn trộm gỡ cuộn dây thòng lọng ra quăng lên một cành cây. Trời ơi, Điền Bá lúc mới đầu trông thấy tên ăn trộm từ Tào Sơn Điện bước ra, cầm ở tay cuộn dây thòng lọng, tưởng đâu rằng cuộn dây ấy là dùng để bắt heo, anh ta có biết đâu rằng tên ăn trộm lại quăng cái dây lên cành cây như thể làm phép lạ. Mà phép gì thế? Quăng sợi dây lên cành để làm gì? Điền Bá cảm thấy như ngực mình muốn vỡ, mà trái tim sắp sửa nhảy ra ngoài: cô gái đẹp đưa cái đầu vào trong thòng lọng, đạp chân một cái xuống đất và thân cô trong nháy mắt treo tòn ten lưng chừng trời. Điền Bá nhắm mắt lại, hét lên một tiếng hình như lớn lắm, đoạn nhảy ba bước lại chỗ cô gái vừa thác cổ. Thì nhanh đến thế là cùng. Tên ăn trộm đã lủi đầu mắt hút, không còn để lại một vết tích gì. Không kịp suy nghĩ lâu la, Điền Bá sẵn con dao quai giấu

ở trong túi áo vội vàng chạy lại cắt sớ dây thòng lọng xuống và đỡ cô gái vào lòng. Thân thể cô lạnh buốt, nhưng chưa chết, vì đặt tay vào miệng hầy còn thấy hơi thở nhẹ.

Dưới bóng trăng tà, Điền Bá công cô gái trên vai, chạy về con đường Na La để trở lại nhà Đông Bích. Lúc ấy trời gần sáng, một vài con gà rừng đã gáy te te, nhưng chưa có người nào đi lại. Đến cổng, anh đặt cô gái xuống, giở tài nghệ ra mở cổng trong chớp mắt và xốc cô gái đi qua khoảng vườn, đẩy cánh cửa bức bàn khép hờ vào chỗ cô gái ngồi thêu hoa lúc canh khuya. Ngọn đèn dầu vẫn le lói một làn ánh sáng lơ mờ. Anh kêu to ngọn đèn lên, nhìn một lúc thấy ở gần đấy có một cái giường có gối thêu đệm gấm. Anh bế cô gái đặt lên trên giường rồi mới kêu người nhà thức dậy. Thấy có người lạ mặt đột nhập vào nhà mà Giáng Tuyết tên cô con gái nằm thiu thiu chưa tỉnh hẳn, cả nhà hoảng sợ và kêu lên. Mấy người hàng xóm ở gần đấy nghe thấy tiếng kêu đổ tới và hỏi Điền Bá đầu đuôi câu chuyện. Điền Bá thuật lại hết câu chuyện, không bỏ một chi tiết nào. Nghe thấy thế bà Đông Bích run lên cầm cập, muốn té xỉu, phải gọi mãi mới tỉnh. Tất cả nhà và những người hàng xóm bấy giờ mới chia nhau tíu tít đi tìm rượu và gừng làm thuốc hỏa thang để thoa vào khắp mình mẩy chân tay cho Giáng Tuyết. Đến sáng thì nàng tỉnh. Mọi người xúm lại hỏi sao cô lại mở cửa ra đi như thế và người nào đã dụ cô lên cõn nọ để cho đầu vào trong thòng lọng thì Giáng Tuyết quả quyết là nàng không biết gì hết và tưởng là mình đang cùng với hai người bạn gái đương ngồi trò chuyện vui đùa với bọn tuần tráng ở Tào Sơn Điện và thái hai cái chân giò heo cho bọn tuần tráng nhậu nhẹt cho quên buồn trong khi canh gác.

Tại sao lại có chuyện lạ lùng như thế? Thì ra, truy cứu mãi, người ta mới biết rằng Giáng Tuyết nguyên là một trong ba cô con gái đi chợ Na La một đêm rét mướt kia đã cùng với hai người bạn gái khác đến xin nghỉ đêm ở Tào Sơn Điện. Không hiểu vì sự tình cờ nào đó, một hôm ông Đông Bích đi thuyền qua chợ, ghé lên mua đồ, gặp cô và thấy cô xinh đẹp, có duyên mà lại tỏ ra nét na đứng đắn, ông nhận cô làm nghĩa nữ và đem về nhà nuôi. Vì ông Đông Bích không con, Giáng Tuyết được thương yêu cưng chiều như con đẻ, cho học hành, dạy thêu thùa. Giáng Tuyết nghiêm nhiên thành ra một tiểu thư nhan sắc, tinh thông thi, họa, cầm, kì nhưng không hiểu tiền oan nghiệp chướng ra sao, cô không mấy lúc được vui và thảnh thỏang lại tỏ ra như lãng trí.

Cô không biết người đàn ông đến rủ cô đi lên cõn đất. Cô quên hẳn cái đêm ngủ ở Tào Sơn Điện rồi bất tình với một anh tuần tráng, làm cho nhà cửa anh này tan hoang để rồi đi đến kết cuộc thảm khốc là vợ anh bế hai tay hai đứa con nhảy xuống hồ Bình Hoa trầm mình. Cô không muốn gì hết, chỉ mong có một điều đừng ai nói tới mình và đừng ai nói đến quá khứ của cô.

Từ đó, cả nhà bà Đông Bích giữ gìn cô cực kỳ cẩn thận không rời cô nửa bước.

Cuộc đời trở lại bình thường, nhưng dùng một cái chùng sáu bảy tháng sau đó Giáng Tuyết một hôm đi chơi về với một con nữ tỳ, lẩn vào cái mô đất trước đây, thất cổ trên cây tự tử và lần này thì chết thật.

Con nữ tỳ thấy chủ chết hoảng sợ chạy như điên trong đêm tối và vấp phải một rễ cây, lẩn xuống khe cùng chết ngay trong đêm ấy! Về sau này, những người biết chuyện kể lại với nhau rằng con nữ tỳ ấy là một người bạn cũ của Giáng Tuyết, trước đây cùng Giáng Tuyết đi buôn bán ở chợ Na La và chính là một trong ba cô gái đã xin nghỉ trọ một đêm ở Tào Sơn Điện và bày trò nguyệt hoa với một anh tuần tráng. Anh tuần tráng ấy bị bệnh hiểm nghèo, không chữa nổi, cầm dao rạch bụng ra tự tử để lại một bầy con và một người vợ, vì túng đói phải đi tha phương cầu thực rồi chết cả trong một trận dịch đậu mùa.

Còn người con gái thứ ba xin nghỉ ở Tào Sơn Điện? Người đó không ai khác hơn là Ngọc Hân Nương người vợ bạc mệnh mà Đại Thông Thái Lang lấy ở Yên Đô, cái kinh thành có trăm nghìn phù hoa xa vọng mà Đại Thông đã đến ở đó với hy vọng lập được những sự nghiệp lẫy lừng. Riêng về cô gái này, người ta không biết rõ tại sao cô có thể từ Na La trôi nổi về đến Yên Đô và tại sao cô ta từ một cô gái buôn bán tầm thường lại thành ra con gái một đại phú thương để rồi gặp Đại Thông kết duyên thành vợ chồng chung sống một cuộc đời hoa gấm ở Làng Hốt Tử. Theo lời một số người buôn bán ở chợ Na La sau này kể lại với nhau thì Giáng Tuyết, Ngọc Hân, và Anh Vĩ (tên con nữ tỳ của Giáng Tuyết) là ba bạn chí thân nhưng về sau vì một chuyện lải lơi gì đó cãi nhau rồi xa nhau.

Ngọc Hân về quê ở Linh Yên nhưng vì không chịu được cuộc đời khổ cực, trốn nhà lên Yên Đô và tại đó nàng lấy một phú thương, nhưng vì bà vợ phú thương này quá ghen nên đem nàng bán cho một nhà chơi làm con hát đàn. Lúc Đại Thông lấy Ngọc Hân, nàng đang làm nghề đó, nhưng bởi vì vợ chồng chủ nhà chơi khéo bịp bợm và dàn cảnh nên Đại Thông tưởng nàng là con nhà quý phái, có cha là phú thương và được tặng tiu chiều chuộng như hòn ngọc.

Đem tất cả câu chuyện nghe được mà chấp nối lại với nhau, về sau người ta mới biết tại sao lúc Đại Thông gặp Giáng Tuyết đêm Quần Tinh hội, Giáng Tuyết nói ngay với Đại Thông rằng nàng biết Ngọc Hân và có ý ghen với số kiếp của Ngọc Hân.

Bây giờ thì cả ba người đẹp ấy cùng chết cả rồi, mỗi người chết một cách nhưng cùng chết khổ sở như nhau. Người ta bảo là tại vì mấy anh tuần tráng bị ba cô làm tan cửa nát nhà, vợ con bị điên đảo mà chết oan chết uổng nên theo dõi mà trả oán.

Sau khi biết hết đầu đuôi câu chuyện. Kim Tứ mỗi chiều lại làm bùa yểm, tự đi dán la liệt ở các cửa ngõ nhà Đại Thông.

Như thế, ma sẽ không đến trêu chàng được nữa. Đại Thông một hôm hỏi:

- Thừa tiên sinh, tôi vẫn nghe thấy nói ở đời lấy ân mà trả oán, chớ lấy oán mà trả oán, oán ấy không bao giờ tiêu tan. Sao những người tuần tráng kia không lấy ân trả oán?

- Tiên sinh nói rất đúng. Nhưng lấy ân trả oán, họa chẳng chỉ có Đức Phật làm được mà thôi, chớ thế nhân tâm thường thì thường vẫn lấy oán trả oán, cho nên Nho giáo đã có câu: “Quân tử oán tam niên, tiểu nhân oán nhĩn tiền”. Người ta đang sống yên vui, bình dị, tự nhiên có người ở đâu đến làm xáo trộn gia cang của họ làm cho gia đình tan nát, vợ con chia lìa và chết tức chết tưởi, cái oán ấy không phải không hữu lý.

- Thế về phần tôi, tôi có tội tình gì mà ma quỷ đến ám ảnh tôi như vậy?

- Cái đó cũng không lạ nữa. Ông bị ám ảnh, trêu ghẹo vì ông là người đẹp trai mà lại có tài. Thiên hạ xưa nay vẫn ghét những người như thế. Nói rộng ra thì nước này đối với nước kia cũng vậy, người ta chỉ muốn chiếm những nước giàu có, bờ xôi ruộng mật, chớ ai lại đi xâm lăng những nước nghèo khó bao giờ.

Kim Tứ cấm Đại Thông bất cứ vì một lẽ gì cũng không được ra khỏi cửa trong hai mươi một ngày, và cứ vào khoảng giờ Sửu mỗi đêm lại phải thức dậy đọc một bản kinh cứu khổ.

Linh hồn nàng Giáng Tuyết hẳn cũng có đến lảng vảng ở nhà chàng, nhưng chỉ lảng vảng ở ngoài, không vào được trong nhà vì có những đạo bùa yểm rất linh thiêng. Hai mươi một ngày trôi qua, Đại Thông đã quên dần Giáng Tuyết và sức khỏe đã hồi phục. Mùa đông qua đi, xuân tới với một bầu trời xanh ngắt và xanh lá non. Ngoài vườn, sự nức mùi hoa thủy tiên. Trên các cây anh đào, hoa nở đỏ như các cô tiên mặc áo hồng đang múa.

Trông hoa nở, Đại Thông trạnh lòng nhớ đến hai người con gái là Ngọc Hân và Giáng Tuyết, muốn đến thăm mộ Ngọc Hân và tìm đến Tào Sơn Điện xem quan tài Giáng Tuyết có ai đến nhận không, nhưng nhớ lời dặn bảo của Kim Tứ, chàng lại thôi, không dám. Nghe những người ở chung quanh đấy nói nhỏ với nhau: vì ba bốn tháng sau gia đình ông Đông Bích cũng không thấy lại nên sự cụ trụ trì ở đó phải tự ý đem chôn nàng ở miếng đất sau chùa.

Đó là vì gia đình Đông Bích sau khi làm chay ở chùa về được mấy ngày thì gặp tai biến. Nguyên trước đây ông Đông Bích lúc còn buôn bán ở tỉnh thành có giao du với một bọn quân nhân. Bọn này, đi đánh trận xa ở Á Đông, có gửi ông một số vàng khá lớn. Yên trí họ đi là chết, Đông Bích cướp sống cả chỗ vàng rồi dọn về Hốt Tử, nhưng chẳng may trong bọn quân nhân đi chiến trận ở xa xôi lại có một vài người trở về. Thăm dò tin tức, biết được chỗ ở của ông Đông Bích, họ bèn tìm đến để hỏi thì bà Đông Bích không chịu trả mặc dầu có chữ của ông Đông Bích biên nhận rành rành. Những người quân nhân mất của, vô cùng uất hận, một đêm đột nhập nhà Đông Bích giết bà và mấy đứa cháu, không chừa một người nào.

Thi hài của Giáng Tuyết vì thế đành bỏ thối ra đến nửa năm trong một gian phòng nhỏ, âm thấp, đêm đêm le lói một ngọn nến. Đứng ở đầu hòm, có một cái hình người trông như hình con đúm, tay xách một cái lồng đèn mẫu đơn.

Một hôm, một người bạn thân của Đại Thông tên là Bán Phúc đến thăm chàng và rủ chàng đi du ngoạn.

- Ở nhà mãi làm gì? Cảnh trời sáng lạng biết ngần nào. Cứ giam mình trong học mãi thế này thì ốm mất. Chuyện “ma” ấy đã cũ lắm rồi.

Đại Thông khoác cái áo mỏng và bình tĩnh ra đi với bạn...

Đại Thông thấy rất khoan khoái đã được dự một buổi du ngoạn thú vị bên hồ Bình Hoa.

Nước hồ lăn tăn gợn sóng, phản ánh màu da trời xanh ngắt. Đỉnh núi Hữu La, thay vì tuyết băng trắng xóa bắt đầu có lá xanh tươi, dưới chân núi hoa đào đua nở, hương thơm ngát cả bầu trời.

Hai người bạn thân vô tình cùng hát lên một câu:

“Nếu không có rượu Hoàng Hoa...”

Rồi họ rủ nhau vào một quán rượu bên bờ hồ, ngồi xuống chiếu trải sẵn và uống hết chén này đến chén khác. Đến chén thứ chín, thứ mười Bán Phúc tiên sinh đã ngà ngà say, nói huyền thuyên. Tiên sinh đến ngồi bên bác lái buôn ở thành Hoàn Tân để nói chuyện về mối tình duyên kỳ ảo giữa ma và người. Đại Thông lấy làm khó chịu nên bỏ ra đi chỗ khác.

Chàng đi chệnh choáng theo ven hồ vừa hát vừa cười một mình thì thấy ở ngay đấy có một chiếc thuyền bỏ không, chàng bèn bước xuống nằm nghỉ một lát cho đỡ mệt. Chàng nằm xuống sàn thuyền, lấy tay làm gối, và ngủ một giấc thật say. Bỗng chàng hé mắt vì vừa ngủ thấy một mùi thơm thoang thoảng... Xa xa, tiếng chuông chùa vẫn ngân vang rền rĩ... Đại Thông giơ hai tay lên ôm lấy đầu. Chàng tưởng như trông thấy trong bóng tối một làn ánh sáng đỏ hé ra... ánh sáng của chiếc đèn lồng. Đại Thông một tay cầm mào tằm ngàn còn một tay cầm nhánh hoa có ai đó để trên thuyền tự lúc nào để lên mũi người. Mùi thơm của hoa làm chàng ngất ngây...

Hoàng hôn đỏ xuống ở bên kia sông. Du khách đã lả tả ra về. Bỗng nhiên một tiếng chuông chùa ngân nga đâu đó làm Bán Phúc tiên sinh như chợt tỉnh vội hỏi:

- Ông bạn của tôi đâu rồi?

Nói đoạn. Bán Phúc vội trở dậy đi tìm quanh hồ và gọi àm lên. Không một tiếng trả lời, có chăng chỉ là tiếng vang đáp lại như giễu cợt. Ông lại quay về chỗ cũ, trong lòng bối rối. Chính lúc đó ông trông thấy trong khoang thuyền mập mờ cái mào đỏ của Đại Thông và bên cạnh còn có một cành hoa lê còn đẫm sương...

**Sài Gòn, trọng xuân Kỷ Hợi.**

**Vũ Bằng**

## Chàng Kim người Bắc, cô Kiều người Kinh

---

*Chàng Kim đẻ ở Hà Nội.*

*Cô Kiều là gái Huế.*

*Chàng Kim mười sáu tuổi.*

*Cô Kiều vừa mười lăm.*

*Chàng Kim tên là Hải.*

*Cô Kiều tên là Trâm.*

Trâm và Hải biết nhau và khổ vì nhau như sau này: Ông Cả Lâm và bà Cả Lâm, sinh ra Hải, vợ nợ ở Bắc. Ông bà vào Huế thuê nhà ở Đông Ba Bến Tượng mở một ngôi hàng vừa bán giấy, vừa bán tạp hóa. Hàng tạp hóa không chạy. Giấy chạy hơn. Đêm đêm họ ngồi trên gác nghe những câu "hò" ở ngoài sông vọng vào và đếm giấy từng "lam" năm trăm tờ để cho người nhà nhuộm ra màu xanh, tím, đỏ, vàng.

*... Hò ơ!*

*Anh là người đáo xứ đường xa,*

*Nghe em có nghĩa bôn ba đến hò...*

*... Hò ơ!*

*Tàng bằng âm chất lưỡng tương phò,*

*Tới đây kiếng đẹp ai rủ hò hò chơi!*

Hai vợ chồng bác Kiểm nả Hồ Sĩ Hòe, sinh ra Trâm, thì làm đậu hủ bên An Cựu. Họ không rán đậu như ở Bắc. Người Kinh ăn đậu sống. Ông Cả Lâm và bà Cả Lâm, ngày nào cũng cho Hải sang mua. Đồng chịu, đồng trả, hai nhà thành quen biết.

Bỗng có việc này xảy ra:

Ông Cả Lâm, một hôm có khách ở Bắc vào, cho Hải sang mua mười bìa đậu và dặn lấy những bìa đậu tốt. Những bìa đậu của bác Kiểm nả đưa cho Hải cầm về gửi chua loét và đếm ra chỉ có tám bìa. Bác Kiểm nả xưa nay vẫn có tiếng là luộm thuộm, nhưng, lần này, thì không thể bỏ qua được, bởi vì ông Cả "có khách ở tận ngoài Bắc vào chơi". Ông Cả sai Hải cầm sang đổi lấy những bìa đậu tốt và "bảo cho bác Kiểm biết rằng lúc nãy bác đếm thiếu mất hai bìa". Bác Kiểm bảo "chỉ có đậu hủ thế thôi, muốn ăn thì ăn" và lại có ý nghi ngờ Hải ăn vụng mất hai bìa, về nhà, sợ, nói dối ra như thế!

Ông Cả Lâm không nói gì cả. Đến chiều, ông cho người nhà sang bên An Cựu đòi hai hào bác Kiểm nả còn chịu lại. Hôm sau, ông bảo bà Cả và Hải:

"Sơn bắt cao, thủy bắt thâm, nam đa trá, nữ đa dâm", thiên hạ nói chẳng sai bao giờ.



Bà Cả bảo: "ừ!" và không cho Hải sang bên An Cựu nữa.

Bác Kiểm nả và vợ, lâu lâu không thấy bà Cả và Hải sang chơi, bắt đầu còn hỏi han sau dần dần cũng quên đi. Họ nói:

- Muốn qua thì qua, không qua thì thôi, không cần.

Trâm nghe thấy bố mẹ nói với nhau như thế lảng ra chỗ khác. Nàng thấy xốn xang tắc lòng. Trâm sợ rồi ra không được gặp Hải nữa. Vì Trâm yêu Hải lắm. Trâm kém Hải một tuổi: gái hơn hai, trai hơn một, như thế thì tốt. Về phần Hải, Hải lấy việc biết Trâm là một điều rất may. Hải thích hai cái má Trâm và đôi guốc Trâm đi. Hải thích Trâm vì Trâm là gái Huế đội nón ngựa và mặc quần chạt ống, khi nào đi trên bờ sông Hương thì bóng lưng linh dưới nước xanh. Và lại, những buổi chiều hè, khi ngồi cạnh nhau bên cái chõng kê dưới bóng sấu đông ngoài vườn, Trâm và Hải nắm lấy tay nhau lúc vắng người. Lần nào cũng vậy, cứ mua đậu hủ xong ra về thì Hải cũng đứng lại ở hàng rào, ghé mắt vào chỗ Trâm ngồi làm đậu mà gọi: "O Trâm! O Trâm".

Trâm giả như không nghe thấy Hải gọi, hò khe khẽ:

*Hiêu hiêu gió thổi bờ đê,  
Cửa nhà bỏ phế mảng mê lời mình.  
Lam thao chùi sáng, để dưới ván thấy hình.  
Chè đậu xanh, đường cát trắng, em thương mình quên ăn...*

Hải thích lắm, ngắt mấy cái hoa dại, lấy lạt buộc lại, vút qua hàng rào vào cho Trâm và ra về. Có khi Trâm nhận được mấy cái bánh tét gói vào một cái khăn con; có khi chỉ là một cây mía đỏ nhét qua đám ô dô vàng.

Vợ bác Kiểm nả thấy hai trẻ như thế thuật chuyện lại với bà Cả Lâm. Bác nói với Hải: Cháu Hải có bộ thương con Trâm lắm, hỉ!

Bà Cả Lâm mỉm cười:

- Ôi chào! Không cần! Bây giờ, hai nhà giận nhau rồi.

Hải là một đứa trẻ ngoan nết. Hải ít lời. Hải đã đỗ bằng Sơ học yếu lược và trông hàng cho bố mẹ, cả ngày, không vào cửa hàng Thượng Tứ với những trẻ con bên cạnh để bắn chim bao giờ. Trâm là một cô gái hơi vô nghĩa lý. Bạ cái gì cũng cười duyên, chỉ được hai cái má đẹp, đôi mắt hữu tình và điều này: Trâm hò để thương lắm. Nghĩ mà phiền cho Hải.

Hải biết rằng đã xảy ra chuyện gì hôm gặp Trâm đi đong gạo ở chợ Đông Ba. Hải đi gần Trâm ngoảnh mặt nhìn ra phía khác, không chào hỏi gì cả trong lúc chào hỏi này còn vừa kịp. Trâm cũng làm như vậy, chứ biết "mần sao?". Con gái không bao giờ chào con trai trước. Người ta trông thấy sẽ cười là mê trai. Ngay lúc ấy Hải thấy hối hận. Chàng muốn lại được đi như lúc này để chào Trâm một câu, cho Trâm khỏi phiền.

"Chữ cận là gần, chữ viễn là xa; tui với mình cách trở tại mẹ cha ở nhà".

- Tội nghiệp cho Trâm! Mình gặp mà mình cũng chẳng hỏi han gì cả.

Hải về nhà trong dạ xôn xao và mong đợi ngày mai lắm lắm. Hải giúp sức cả cho sự tình cờ nữa. Hải đã biết Trâm thường đi chợ Đông Ba đong gạo vào lúc nào. Và sửa soạn để gặp Trâm. Lần này Hải biết xử thế nào. Chàng chào: "Chào o Trâm!". Trâm trả lời: "Dạ, chào anh Hải!". ở bên ô tô thường vắng người qua lại, Trâm và Hải lại quay cả lại mà cười với nhau nữa. Ngày nào, họ cũng rình chào nhau như thế. Họ chào nhau, cả những khi đông người.

Một hôm, có một chuyện lạ xảy ra.

Chủ nhật Hải đi chơi một mình ở xóm Vị Dạ. Nước sông Hương xanh chảy lặng lờ; ghe đò qua lại êm đềm như trong mộng; sau đám hàng rào ô dô, ẩn hiện những ngôi nhà trắng. Hải đi thơ thẩn đến một con đường rất vắng có những cây cổ thụ mọc nghiêng ra mặt nước thì gặp một cô gái đội nón ngựa, đi đôi guốc vàng. Tự nhiên Hải thích ngay: chàng thấy ở dưới cái áo vải phin của cô gái ấy hẳn lên một cái "coóc sê" xanh. Cái coóc sê cùng một màu với coóc sê Trâm mặc. Ngay lúc ấy Hải nhận ra rằng không phải là Trâm, nhưng Hải hơi ngạc nhiên một chút: Hải đi quá lên mấy bước, nhìn cô gái kia và thấy như muốn chào: "Chào o Trâm!" và tưởng như sắp nghe thấy: "Dạ, chào anh Hải!".

Hải rất có thể yêu người con gái ấy, chỉ vì một lẽ người con gái ấy đi guốc vàng và mặc một cái "coóc sê" giống của Trâm.

Song, chẳng biết giọng hò ra thế nào...

||

Chuyện ấy không phải là chuyện cuối cùng.

Một buổi chiều mùa nực, Hải lại gặp một chuyện đẹp hơn. Ngày nào, ăn cơm chiều xong, Hải cũng sang Gia Hội, trèo lên cầu nhìn xuống sông Hương xem nước chảy và ghe đò lặng lờ trôi như tiếng guốc lách cách ở đằng sau. Vô tình Hải quay lại - mà cũng vì tò mò nữa. May chửa! Người đi guốc lách cách ở sau chàng là Trâm. Trâm đi ở đấy bình dị như trời sinh ra. Trâm nhận ngay ra Hải và khẽ mở cái miệng xinh ra nói. Trâm nói rằng:

- Em mà, anh Hải! Mẹ em sai em qua Gia Hội để bảo thầy Hương Tam, sớm mai đừng qua nhà lấy đậu hũ vì nhà em không "mần".

Tức thì, Hải cất lời ngay. Hải nói:

- Hôm qua, anh trông thấy em ở chợ Vị Dạ. Em đang mua đường cát. Anh đã định đợi em mua xong cùng về, sau lại không dám.

Trâm đáp:

- Em, hôm bữa tê, em cũng thấy anh đứng ở dưới gốc giã ở Bến Tượng. Em thấy bóng anh ở dưới nước sông. Em định lại chào anh, nhưng sau thét em cũng không dám nữa.

Trâm không có vẻ vội vã lắm. Vừa đi vừa nói chuyện, nàng đi quá nhà thầy Hương. Chốc về nếu mẹ Trâm rầy nàng về nỗi đi chậm, Trâm sẽ nói với mẹ rằng thầy Hương vắng nhà, nàng phải đợi. Đã lâu lắm, Hải và Trâm không cầm tay nhau. Bây giờ, họ gỡ lại thì giờ đã qua. Hải thấy những ngón tay Trâm thôn thôn ở đầu và da dẻ thì mịn màng như sa tanh. Hải bảo:

- Đã lâu lắm, anh không được nghe em hò. Em hò một câu khế cho anh nghe nào: Trâm và Hải ngồi ở dưới một gốc thông um tùm, hai chân thả xuống nước trong. Trâm để tay vào tay Hải và hò khế ở bên tai:

*Mưa sa nhỏ giọt đọt cà,  
Làm sao cho đặng ba mạ già nuôi chung.  
Chặt hào cá lội sen rung,  
Choàn ngan cổ bạn, anh ơi, hun em cho đỡ lòng.  
Nón nan hai túi lòng thòng,  
Trực nhìn ngó thấy, trong lòng xót xa.  
Gửi lời về thăm mạ với ba...*

Buổi hoàng hôn xuống chậm chậm. Hải và Trâm đi thong thả trên những con đường xanh xanh và nghe tiếng hát nhẹ nhàng của con sông đưa lại. Trâm và Hải đi được một lát lâu thì Trâm nhớ tới việc mẹ sai và bảo Hải quay lại. Trong khi Trâm đến nhà thầy Hương, Hải đứng chờ ở cách đấy độ năm, sáu thước. Trâm trở lại và nói rằng:

- Thầy Hương đã ngủ rồi. Em đứng ở ngoài rào, em nói to những lời mẹ em bảo em.

Trâm và Hải đi trở lại phía cầu Gia Hội về nhà. Bóng họ sát vào nhau ở dưới nước chảy gầm cầu. Đến đầu cầu, nếu không sợ có nhiều người trông thấy mà phải từ biệt nhau bất thành tình quá, Trâm đã rẽ sang tay phải về nhà rồi. Hải nói:

- Thì hai đứa mình hãy đứng rón thêm vài phút nữa để nói với nhau đôi lời.

Trâm bảo:

- Anh ơi, hai đứa mình nói với nhau thì bao giờ cho hết lời.

Trước mặt họ, có một con đường trắng hai bên trồng toàn cây xanh. Thỉnh thoảng có một hai dinh cơ có vườn cảnh và non bộ. Những dinh cơ ấy phần nhiều đóng cửa cả ngày. Dây bìm bìm leo đại trên giàn; những bông hoa đỏ, tím, vàng, xanh chen nhau; mấy cái lá dừa tây cao vút lên trên trời. Một tiếng đàn tam thập lục bay ra và rung động trong không khí. Thỉnh thoảng lại một câu ca: "Biết ai tâm sự như mình, cho mình hỏi thiệt...".

Đó là con "đường tình". Những cặp trai gái hay dắt tay trò chuyện trên đường này. Hải và Trâm đi vào. Họ đi qua một cái cầu khác vào thành và đi mãi, đi mãi. Thật đẹp. Cây cối um tùm, đèn tạ cổ kính có cái vẻ buồn mơ màng. Trâm và Hải trèo lên một mô đất cao, nhìn ra xa. Gió thổi tóc bay, phát phới. Ở đằng kia, người ta nhìn thấy tất cả xứ Huế: hoàng thành, núi Ngự Bình, sông Hương uốn khúc chảy lặng lẽ. Phú Văn Lâu, trời đất, và mặt trăng bắt đầu mọc ở một góc. Hải ngắm cảnh để nhận chân rằng chàng yêu Trâm hơn cả trời đất và mặt trăng, núi Ngự Bình, hoàng thành và sông Hương uốn khúc chảy lặng lẽ.

Sau Trâm nói:

- Anh ơi, em phải về. Mẹ em ở nhà, chắc trông em lắm lắm.

Hải bảo:

- Ừ.

Và Trâm và Hải sẽ dắt nhau về thực, nếu ở gần đây không có một người con trai và một người con gái hát đối đáp. Hải và Trâm đi đến một cái nhà tranh thì tiếng hát đầu tiên bay ra. Chưa nghe thấy tiếng hát, tiếng hát vừa bay ra, tiếng hát vừa vọng lên, Trâm và Hải đã biết ngay người con trai và người con gái yêu nhau lắm. Trâm và Hải dừng chân lại. Hải bỏ tay Trâm ra và ra hiệu bảo Trâm đứng im.

Người con trai hát:

*- Chon mang xuyên, cở lại mang gông,  
Chết tui tui chịu chết, tui không bỏ nàng.*

Người con gái hát:

*- Sống làm chi mình một ngả, tui một đàng,  
Năm tay nhào xuống suối vàng chết tươi.*

Khi hai người ấy đã hát xong rồi, Hải mới bảo Trâm:

- Hai anh chị chắc khổ lắm.

Trâm đứng im không nói gì. Trong giây lâu, nàng như hỏi lòng mình, bởi vì nàng đáp:

- ắt khổ lắm thực.

Trâm và Hải cùng nghĩ ngợi đến những lời vừa nói. Mãi sau, Trâm mới nhớ ra.

- Cha ôi! Khuya lắm mà. Chừ, tôi không dám trở lại nhà nữa đâu.

Bác Kiềm nả không phải là người ác. Nhưng muốn giữ tiếng cho con. Cho nên giả dụ, có hội chợ, bác Kiềm gái không muốn cho con đi xem. Trâm bỏ hết cả những tư tưởng của nàng đi để tự nhủ rằng: "Thế nào mẹ cũng đập em, trời ôi!". Bây giờ là mấy giờ rồi? Chuông đồng hồ ở chợ Đông Ba điểm mười hai tiếng mơ hồ: có ai ngờ Trâm và Hải đi chơi và nghe đôi trai gái hát đối đáp lại mất nhiều thì giờ như thế! Trâm và Hải cố rảo bước nhưng không kịp; cửa Thượng Tứ đóng mất rồi.

Trời ơi là trời!

III

Suốt một đêm, Hải và Trâm không biết làm gì cả.

Nhưng Hải và Trâm thấy được gần gũi nhau thì dễ chịu trong lòng lắm lắm.

Hải và Trâm dần dần không ngưng nghỉ nữa. Họ ôm lấy nhau. Trâm nghĩ đến câu đồng dao: "*Đứng gần đây một chút bó chàng, em hun một cái đặng em thỏa chút lòng vàng, anh ơi, kéo mà luống những mơ màng đêm đông*". Trâm áp má vào má Hải. Và Hải và Trâm "hun" nhau, bạ chỗ nào cũng "hun": vào tóc, vào trán, vào mắt, vào tay, vào cổ. Họ không dám hôn nhau vào môi, bởi vì hôn nhau vào môi không tốt. Họ cùng khóc cả với nhau một chút.

Cảnh vật náo nùng lắm. Xa xa tiếng cú cầm canh; những ánh đèn lù mù ở trong những rặng cây bí mật; tất cả xứ Huế nhỏ nhỏ khóc nốt mỗi buồn thiên vạn cổ.

Chuông hoàng thành điểm một tiếng. Trâm nói:

- Anh Hải, anh có muốn như thế ni hoài không? Anh có muốn hai đứa mình không bao giờ cách xa nhau không?

Trâm và Hải không cách xa nhau thực.

Khoảng hai giờ, họ ngồi trên bãi cỏ, dưới chân một cây thông để suy nghĩ cho thỏa tình. Ba giờ điểm rồi, họ vẫn ngồi như thế. Trâm nghĩ lại câu hát vừa nghe được khi nãy và thong thả nhắc lại từng chữ ở trong óc:

*"Sống làm chi mình một ngả, tui một đàng;*

*Nắm tay nhau xuống suối vàng chết tươi".*

Mãi khi chuông điểm bốn tiếng, Trâm mới nói:

- Hai đứa mình núp lén mà giao dượng thế ni, thực lỗi niềm ba, mạ.

Mãi về sau, trời dần dần đỡ tối và dần dần vẫn lên, thành màu sữa. Mặt khò khẽ ló ra và những con chim đầu tiên đánh thức buổi sáng dậy. Phía ngoài, người ta đã nghe thấy xe chạy trên mặt đường. Trâm và Hải rón rén ra khỏi thành. Chính lúc họ không ngờ nhất, họ trông thấy ở phía xa có một người đàn bà đi lại. Cùng một lúc, Trâm và Hải cùng chung một ý tưởng. Có lẽ đó là bác Kiềm gái, nóng lòng không hiểu Trâm đi đâu, đang đi tìm. Bác Kiềm gái ắt giận dữ lắm. Trâm nói:

- úy cha ôi, mình!

Trâm trốn vào một cái hốc cây sum sê, và nói tiếp:

- Em chờ mình nơi đây. Mình đi lè lẹ, coi ai đương tới tề...

Hải trốn ở đằng sau một cái hàng rào ô dô, và nhận rõ ra là mạ Trâm.

- Biết làm thế nào, chừ?

Hải nhìn mạ Trâm đi khỏi một quãng xa mới nói:

- Chúng mình còn nhỏ tuổi quá. Nếu không, anh quyết ra nói rằng anh muốn lấy em làm vợ.

Trâm khóc thút thít.

Hải cũng khóc thút thít vì tuy Hải nghĩ vậy, nhưng trong bụng, cũng như Trâm, rất sợ chốc nữa, về nhà bị đánh đòn. Nhưng sau Hải cũng nói nỗi lo sợ của mình cho Trâm nghe. Trâm khóc ròn.

- Mình ơi, mần sao chứ mình? Chứ ba, mạ mà đập mình, đau em lắm lắm.

Đi khỏi một quãng nữa, họ thấy ở trước mặt một người kéo xe đi lại: ấy là anh Trợ, ở bên An Cựu, vốn quen biết hai nhà đã lâu. Trâm và Hải vội trốn thật mau, Trâm và Hải đợi đã lâu lắm rồi. Trâm và Hải kéo tay nhau chạy miết. Trước mặt, là sông Hương trong như thủy tinh. Không bao giờ nữa, Trâm và Hải còn dám trở về nhà. Mà Trâm và Hải lại mệt quá không hiểu mình làm những gì, vì họ thức sáng đêm. Họ tới phía ga Thanh Long vào khoảng năm giờ. Còi rít lên, xe hỏa phun khói mù mịt rồi đem người ta đi đến những chốn thực xa.

Hải nói lại câu nói của Trâm:

- Em Trâm, em có muốn như thế này mãi không? Em có muốn hai đứa mình không bao giờ xa nhau không?



Cũng như Trâm, Hải nhớ lại câu hát đối đáp của anh trai và cô gái hồi hôm.

"Sống làm chi mình một ngã, tui một đàng, nắm tay nhào xuống suối vàng chết tươi".

Trâm và Hải bước tới phía cầu Bạch Hổ. Trước khi lên cầu, họ vào ngòi trên một nắm đất rất vắng vẻ ở dưới chân cây bồ đề. Lá cây bồ đề xòe ra như một cái tán, che khuất bóng mặt trời mới mọc. Trâm và Hải tưởng như chỉ có "hai đứa mình" ở trên đời và như lúc ấy hãy còn là bốn giờ đêm. Trâm dựa đầu vào vai Hải, hò cho Hải nghe lần cuối cùng:

*Chim bay về núi Sơn Trà,  
Chồng Nam, vợ Bắc ai mà muốn xa.  
Sự này cũng tại mẹ cha.  
Cho nên đũa ngọc mới xa mâm vàng.  
Phải chi lên đặng Ngọc Hoàng,  
Đặng coi bộ số, duyên em với chàng về đâu?  
Về đâu mà chẳng đặng kết bầu,  
Kết bầu chẳng đặng, chịu sầu ngàn năm.  
Tay cầm nhành quế lại kể nhành trâm,  
Thương nhau để dạ, chết còn mang khối tình.  
Trở về thì mang tiếng bạc tình.  
Trở về thì phụ mẫu đánh mình, đau tui.  
Cá sấu ai cá chẳng quạt đuôi,  
Như lang sấu huệ, như tui sấu mình.  
Tử sanh, sanh tử tận tình,  
Dầu ai ngăn đón, tui cứ mình tui thương.  
Bây chừ bác mẹ không thương,  
Chịu theo ngọn gió tui theo chàng bước nương,  
Tui với chàng dứt điệu tình thương,  
Giá như Kim Trọng dứt tình thương Thúy Kiều,  
Thương mình sớm dắc tối diều,  
Mỗi buổi sớm mai mỗi đợi, mỗi buổi chiều mỗi trông.  
Chỉ tơ quán ống tre bông,  
Gá dươn thẳng dặng, ôi! xuống sông trầm mình.*

Hò xong, Trâm và Hải dắt nhau chậm rãi bước lên cầu Bạch Hổ. Nước sông chỗ ấy trong suốt và sâu thăm thẳm. Hải và Trâm vịn vào một thanh sắt ở thành cầu nhìn xuống, thấy hai cái bóng chụm vào nhau rồi tan ra, chụm vào nhau rồi tan ra... Trâm thấy chóng mặt. Hải hoa cả mắt. Hải đưa tay cho Trâm vịn. Hai người dắt nhau quay lại. Ra khỏi cầu, Hải khẽ quàng tay vào mình Trâm để giữ cho nàng... khỏi ngã.

## Cháo cóc

Mùa này, vào những buổi chiều sấm tối có cơn dông, tôi vẫn thường nhớ đến một căn nhà thấp ở phố Hàng Gai, Hà-nội, quanh năm ẩm thấp, hễ có mưa rào thì nước dâng lên mấp mé chân giường. Nhà ấy là nhà của cụ tôi, sau để lại cho thầy mẹ tôi. Có lẽ vì sợ làm méch lòng các cụ, thầy tôi không dám sửa lại, thành thử mỗi khi mưa thì nhà dột đất ẩm, nửa đêm chợt tỉnh giấc nồng, cứ nghe òm ộp bên tai tiếng cóc nhái kêu gào như thể mình đang nằm giữa cánh đồng: ghét quá! Tôi còn nhớ có đêm, mất ngủ, tôi lén thức dậy thắp một cây nến nhỏ đi soi ở dưới gầm giường, bắt cóc, đem hành phạt. Mẹ tôi mắng: *Ố! Bắt nó phải thì tội chết!* Và mẹ tôi lại bảo: *Ồ! Minh nó có nhựa, chạm phải, hóa hủi, không thể nào chữa được!* *Ồ! Con cóc là cậu ông trời, Hễ ai đánh cóc thì trời đánh cho!* Từ đó, tôi không dám đánh cóc, giết cóc nữa. Và cũng từ đó, tôi yên trí rằng nhựa cóc sẽ sinh bệnh hủi cho mãi tới bây giờ... để thú thực rằng tôi đã ngạc nhiên và kinh sợ hết sức khi thấy có người ở đây ăn cháo cóc. Cóc ai mà lại còn không biết nó? Xấu đến thế là cùng! Nó nặng nề, ỉ ạch, lúc nào cũng ngồi chồm hổm, mắt cứ giương ra trừng trừng, mà da thì đen mai mai, lại sù sì, tòm quá. Nhìn bát cháo cóc mà tưởng tượng lại cái thân hình như thế, thực tôi không hiểu sao người ta có thể ăn uống *Ồ! lắm lắm!* như thế được... Nhưng đến khi liều chết, húp thử vài miếng xem sao thì mình cũng thấy nó có một hương vị lạ, ngon ngọt, thơm thơm, man mát như thể thịt có ướp hoa bưởi vậy. Thử cho mà biết như thế cũng hay. Có một thuở nào xa xưa lắm rồi, tôi đã ở trong rừng với người Chăm, lấy lá đu đủ nấu canh, ăn ốc ma leo ở hàng rào ẩm cả tháng mà không làm sao hết, trái lại vẫn cứ ngon... Có người sống hàng năm trong rừng ăn kiến, ăn gián còn ghê hơn tôi, mà có làm sao đâu. Còn ở tỉnh thành, ai mà không ăn ốc nhồi, ốc vặn, ai mà lại không ăn rươi, ăn ếch? Thế thì tại sao không thể bắt con chằng hiu nhấm rươi chơi, nướng con đế cơm lên lửa ăn với củ lạc rang và rửa con cóc cho sạch nhớt, lột da, chặt đầu nấu cháo ếch và cóc cùng thuộc loài *Ồ! lưỡng thể động vật!*

Người Tây phương ăn ếch chiên, ếch xào lẫn với hành và nuôi ếch *Ồ! to thế này này!* *Ồ! đóng hộp để xuất cảng thì nghĩ cho kỹ, cóc cũng chỉ thế mà thôi!* Người ta sợ ăn cóc chỉ vì có thành kiến về da nó, nhưng có ai đã được xem làm một mẻ cóc rồi mới biết *Ồ! tất đèn nhà ngói cũng như nhà tranh!* Thịt ếch cũng chẳng hơn gì thịt cóc. Cho tới bây giờ chưa có một ai bảo cho tôi biết da cóc có truyền bệnh hủi đích thực hay không, những trông một mẻ cóc chặt đầu, lột da rồi, để trên thớt chờ làm thịt, ta thấy thịt cóc hấp dẫn như thịt *Ồ! ba dọi!* vậy. Thịt ấy màu trắng ngà, thớ nhỏ, đàn mà ráo rẻ đáo để. Thử tưởng tượng để cho khô nước, chiên hành tỏi cho dậy mùi rồi bỏ thịt cóc vào mà xào, cái thơm tho tiết ra trong không khí quyến rũ khứu giác của người ta biết chừng nào! Ông nào nhậu, chờ cho thịt chín vàng, xúc ra đĩa,

gia thêm sả, hạt tiêu, ớt vào mà nhắm nhót có thể thấy thích thú hơn ăn thịt gà mái tợ Thịt dê dai lắm, mà thịt thỏ thì xác quá, không thể đem ra so sánh được với thịt cóc, mềm, mà nhai sừn sựt, ngọt nhưng ý vị, đậm đà, chớ không trơ trên như thịt ngan, thịt ngỗng. ỞBầm các cụ, chúng tôi xin lỗi, chớ ăn cóc như thế này, ngon nhất món gì? Ở Tôi đã hỏi ý kiến nhiều người sành ăn ở đây thì cóc ăm sượng nhất là món cháo

Thịt cóc luộc với cháo, ăn thanh cảnh mà không ngấy. Nhưng phần đông thích ăn cháo với thịt cóc xào. Ăn kiểu này, cũng như Ốcập tây Ở hay Ố kê ạp chú Ở, nghĩa là để cháo với thịt riêng ra, duy khác một chút là cá thì để tái, gà thì luộc Ở lòng đào Ở, còn cóc thì xào lên trước. Lúc ăn, trút thịt cóc vào cháo, quậy lên. Ai ăn được mà đầu, rẩy một chút lên cho thêm thơm, thêm béo; nhưng nếu không có thì cũng chẳng sao, bởi vì riêng thịt cóc, cũng đã thơm và ngọt lắm rồi. Vừa húp, vừa ngẫm nghĩ, ta có cảm giác cái thơm, ngọt đó tựa như cái thơm ngọt của tôm he và bào ngư hòa hợp với nhau để tạo thành một Ở lực lượng thơm thứ ba Ở vừa lành vừa mát. Thực thế, nhiều người bảo tôi rằng cháo cóc mát lắm, trẻ con, người lớn ăn vào giải nhiệt; hơn thế có ông lại bảo nó trừ được cả một vài chứng kinh, sưng và chứng khốc Ở dạ đề Ở của trẻ mới sinh - chẳng biết có đúng hay không? Nói thì nghe sượng lắm, nhưng bởi mình mới Ở tập sự Ở ăn cháo cóc nên vẫn cứ thấy rờn rợn, sợ một cái gì... Thì ra là mình sợ chết. Chớ sa ở Đọc báo hàng ngày, người ta há chẳng thấy đôi khi có đăng tin ăn thịt cóc chết người là gì đấy! Một ông bạn bảo tôi: - Có thể thực, ăn cóc có khi chết người, nhưng chết là tại người ta làm lòng không kỹ.

Lúc làm cóc cần nhất là phải sạch, đừng để cho dập mật, đừng để cho sót trứng vì nếu trứng cóc làm không kỹ, nó dính vào mỡ, ăn vào dễ chết như chơi. Mật lấy không hết cũng vậy. Người ta bảo rằng một nồi cháo cóc mà để xốt mười cái rúng ăn vào chỉ nửa tiếng đồng hồ thấy xây xẩm mặt mày lại, quỵ luôn. Các ông già, bà cả lại còn nói rằng thịt cóc tối kỵ củi cà và khoai mì. Nấu thịt cóc với rễ cây cà ti m phơi khô hay ăn thịt cóc lẫn với khoai mì cũng độc lắm, dễ chết người. Nghe thấy mà bắt ớn! Song le những người ưa thưởng thức món ăn ngon không vì thế mà chịu thôi thịt cóc. ở phải, cứ vào vụ mưa này đây, có ai về chơi thăm những vùng quê Cái-bè, Cần-giוע, ở lại nghỉ đêm ở Tân-phước hay Chợ Gạo mới thấy người ta ham bắt cóc ăn đến chừng nào. Mấy thằng nhỏ cởi trần trùng trục, đóng khóa, lội mưa, xách một cái đèn đi lúi lúi vào vườn nhà người ta rón rén tìm đến chỗ cóc kêu lầy xiên xiên từng con hoặc nằm xoài ra để chộp cho vào trong một cái giỏ đeo ở bên sườn. Nhưng đấy chỉ là những tốp người lẻ tẻ đi bắt cóc vô tổ chức. Muốn hiểu thế nào là bắt cóc Ở chân chính Ở, ta phải đi ra ngoài, đi quan sát dưới trời mưa, ở ruộng, hay dọc một con đê Hoàng hôn vừa lả xuống trên nội cỏ, đồng cây từ Laodung qua Trà-bến, từ Long-thành đến Lái-an từ Còn-lát đổ về, từ bờ sông cái

vọng sang, tiếng cóc ì à ì ộp liên thanh bất chỉ như một bản nhạc thô kệch nhưng xúc tích hương cau, mùi lúa Từng nhóm người bận áo đen quần cụt, làm làm lũi lũi đi ở trên bờ ruộng, vênh tai lên nghe xem tiếng nhạc cóc từ nơi nào vọng rạ Chỉ một giây, họ biết ngay nơi cóc ỞhộiỞ. Thường thường, đó là một cái gò cỏ rậm hoặc một lu đất bên cạnh những vũng nước dợ Chiếu một ánh đèn vào đó mà coi: chúng Ởbắt cặpỞ với nhau kỹ lắm; ánh đèn vừa chiếu vào, léo mắt, cặp nào cặp nấy nhảy đi ã đi ãch, nhưng cấm có cặp nào chịu rời nhau Một cuộc bố ráp diễn ra, làm cho kẻ bàng quan tưởng tượng như mình đương chứng kiến một cuộc bố ráp ở Chuồng Chó hay Ngã ba chú íạ Mươi cặp thì cả mươi bị tóm! Người Ởchuyên viênỞ thông thả giờ từng cặp bắt được, đưa lên ánh đèn dầu để coi nở một nụ cười khoái trá khi bắt được cặp cóc đen và mập. Cái giống cóc bụng đỏ là cóc bệnh, ăn chẳng ra cái chết gì, chỉ để dành trong nhà ăn với nhau, chớ không bán được tiền.Cóc được ưa chuộng phải là cóc ỞbựỞ, có nhiều ỞmọtỞ đen ở trên lưng, chân ỞnoỞ mà sáng. Người ta cho tất cả vào trong một cái vó tre hay thùng thiếc đem về, lột da rồi đưa ra chợ. Các chợ Sài-gòn, Phú-nhuận, Ngã ba ông Tạ... thường vẫn bán cóc cho người thủ đô mua xài Hồi cô Hai, cô Ba, Cô Sáu, cô Bảy.. cô Chín, cô Mười ơi! Gà nhúng hèm, ăn mãi bứ; chạo tôm, gỏi sứa, bì cuốn, dùng luôn cũng ngán! Hôm nào thử ra chợ mua một mẻ cóc về làm vài món ăn chơi, các cô sẽ thấy chồng bớt khó tính đi, và các ông sẽ vừa thưởng thức miếng ngon vừa kể những câu chuyện hay hay đáo đẽ:

- Em có biết tại sao về cứ mưa này, người ta bắt được nhiều cóc không?

Nguyên giống cóc, cũng như giống ếch nhái, là một loại động vật vừa nước mà vừa cạn. ỞCái trứng nở ra như mộ thứ ấu trùng, có mang để thở, ở dưới nước như loài cá. ít lâu sau, mang nó rụng đi, chân mọc ra, đồng thời cái đuôi mất nốt. ỞCứ vào cứ mưa thì cóc dưới nước lên trên bờ ở, nhưng cũng chính vào lúc đó, những cóc dậy thì, cũng như các cóc nạ giòng, lớn tuổi nằm trong những đồng ruộng đầy sao rụng, mơ chuyện â tình, thi nhau làm công việc truyền tử nhược tôn. ỞNhững tiếng kêu oai oái, có lúc như đau đớn, có lúc như thở dài, có lúc như rên rú, có lúc như nhõng nhẽo, chính là tiếng nói của tình yêu đấy, em thương ạ! ỞVây mà, tội nghiệp, đang lúc cóc mến thương trao nhịp thở chung tình với nahu trong đêm xanh mát rượi thì loài người từ khắp nơi đổ đến, vơ cả lũ rồi ném cả vào thùng. Hú vía! Có con sây sát cả mình; có con gãy đùi, sứt trán; lại có cặp bị đứt ngang ra, nhưng ãa tình thay là giống cóc! Bị sa cơ đến như thế, cặp nào cặp nấy vẫn không chịu rời nhau, nhất thiết kháng khí cho đến chết. ỞYêu là chết ở trong lòng một ítỞ có phải nhà thi sĩ ã viết như thế phải không, em? Với loài cóc, yêu là chết thực sự, chết ãừ ãừ, chết Ởtoàn diệnỞ, chết giã lên ãành ãchỞ; nhưng không hề gì, ở trong thùng, trong vó chùng vẫn Ởsong caỞ bản nhạc mê ly Vì thế, ãừng tưởng ăn thế này là chỉ ăn thịt cóc mà thôi, nhưng chính là ta ăn hương thơm đồng ruộng, ăn... những bản

nhạc dân ca, ăn... bao nhiêu cuộc ân tình ra rít? vào lòng...Ồ Người chồng nói tới đó, đưa mắt nhìn vợ, thì thấy long lanh cặp mắt lá khoai, hồng lên đôi má mịn màng... Đêm ấy, bên chùm dạ lý hương, hai mái đầu xanh sát lại.. Đầu đây, có mùi hoa bưởi thơm thơm...

## Gặp nhau lại xa nhau

---

Ngày xưa, có hai người gặp nhau...

(Maltamuti)

Sự tình cờ xui họ gặp nhau ở Quán Ngựa. Chàng giả tảng không trông thấy nàng. Chàng lên nhà sàn và tưởng nàng sẽ lên theo. Nàng không lên, mà lại lảng ra đứng cạnh hàng rào.

Chàng đành đứng dậy, đi lại phía nàng. Chàng làm ra vẻ ngạc nhiên:

- Kia em!

Nàng vẫn vui như trước. Thấy chàng, nàng nói ngay:

- Ôi chết chửa! Sao em nghe thấy người ta bảo anh mắc bệnh thời khí đã chết từ tháng trước?

"Đàn bà gì mà ngộ quá!", chàng hơi mịch lòng. Vậy ra, nếu chàng chết, nàng vẫn có thể sống như thường...

Nàng có vẻ "kềng" lắm. Thoạt trông, chàng thấy lạ hẳn. Mắt nàng bây giờ đánh thâm quầng, mi dài, môi đỏ, cái ngực hình như rần hơn. Chàng không biết chuỗi hạt nàng đeo cổ bằng ngọc, bằng kim cương hay bằng ngà. Chàng cũng không biết cả thứ hàng nàng mặc ở người. Chàng thấy một cái gì như sự hồi hận: chàng tiếc rằng sao mình lại còn dẫn đến trước mặt nàng. Bên cạnh nàng, chàng thấy mình lu mờ hẳn đi. Nhưng chẳng lẽ, gặp nhau lại không nói gì. Chàng bèn nói dớ da dớ dẩn:

- Dạo này, trông em có vẻ mập mạp hơn trước nhiều.

Nàng trả lời:

- Cũng may mà chúng mình xa nhau. Cứ như dạo trước, yêu nhau nhớ nhau, nghĩ ngợi về nhau mãi, chẳng mấy lâu mà chết.

Chàng đứng cạnh nàng như thế một hồi lâu. Nàng thì nhìn ngựa chạy và thỉnh thoảng lại reo lên "Bạch Hải! Bạch Hải! Thôi con Ivan được rồi!". Chàng thì có vẻ "đĩ tòng": nàng không lấy thế làm hợm lắm. Những người đánh cá ngựa, thoạt trông, đều nghĩ rằng chàng đương "quần" một người đàn bà mới gặp lần đầu. Và trong khi chàng hỏi:

- Em độ này ra sao?

Nàng vẫn nhìn ngựa chạy mà kêu: "Thôi chết! Con Peccador hồng rồi...".

Cuộc đua thứ tư, xong, nàng mới quay lại hỏi:

- Anh bảo gì?

Chàng nhắc:

- Em độ này ra sao?

- Cứ trông khác biệt: em mặc quần áo đẹp, em cầm dù, em đánh cá ngựa.

Câu chuyện cứ như thế đến cuộc đua thứ năm.

Có sáu ngựa chạy: Xích Long, Pompéi, Frankeinstein, Lady Lou, Xích Nghèo và Trombadour.

Nàng hỏi:

- Anh đánh con nào?

Chàng không đánh con nào cả. Chàng chờ cuộc đua sau, để đánh mạnh cái triple évent. Chàng định nói một câu gì nữa. Nhưng nàng đã gờ dù, chỉ về chỗ bán vé mà nói:

- Em phải ra chỗ kia.

Trước khi từ giã, nàng muốn tỏ ra về lịch sự bảo cho chàng biết. Nàng vốn là một người có học. Trước đây tám năm, nàng lấy chồng làm ở phủ Toàn quyền. Chồng nàng chết, nàng "biết" chàng. Già nhân ngãi non vợ chồng. Hai người đã định lấy nhau. Không ngờ chàng chán nản từ bao giờ. Đánh đùng một cái, chàng sinh sự rồi bỏ nàng, lấy vợ. Và hai người bạn ấy xa nhau mãi. Bây giờ lại gặp nhau. Nàng tỏ một cách miễn cưỡng cho chàng biết nàng là một người có giáo dục. Chàng không biết từ giã nàng ra thế nào. Biết đâu nàng chẳng đi phao với bạn hữu rằng chàng "bám" nàng và nàng đã "tẩy nhẹ" chàng. Có một cái bàn uống nước chanh, rượu bia ở cạnh đấy, muốn cho nàng đừng đi khoe khoang như thế, nên chàng mời:

- Em mua vé đi, rồi lại đây, ngồi uống nước với anh.

Nàng vô có, cười rữ lên, như có bàn tay nào cù vào nách. Đoạn, nàng nghĩ ngợi một chút rồi bảo rằng:

- Cũng hay. Được, để em ra mua vé rồi em quay lại.

Hai người ngồi xuống ghế. Họ ngồi đối diện nhau. Chàng uống bia, nàng dùng whisky soda. Người bán hàng mang hai thứ đó ra. Hai người vừa uống vừa nhìn ngựa chạy.

Tiếng vỗ tay, tiếng cười, tiếng đập chân.

Một người kêu: "Lady Lou! Lady Lou!".

Chàng hỏi nàng:

- Công việc ra thế nào?

"Công việc ra thế nào?", câu này chỉ ngụ ý hỏi nàng được cá hay thua cá mà thôi. Nhưng nàng không thể nhin cười được.

Đầu đuôi như thế này:

Trước đây, lúc hãy còn yêu nhau, chàng thường có tính, mỗi khi gặp nhau, thì hỏi vội một câu: "Công việc ra thế nào?". Câu đó nghĩa là: "Thế nào, công việc ra thế

nào, bao giờ chúng mình công nhiên lấy được nhau?". Đã sáu năm trời, họ không gặp nhau nữa. Bây giờ, vì một sự tình cờ, câu ấy lại đến ở dưới lưỡi chàng. Chàng lại nói câu chàng thường nói với nàng ngày trước.

Nàng gật đầu khẽ, lúc nghe thấy câu nói quen quen.

Về phần nàng, cũng có một chuyện tương tự thế.

Trước đây, nàng có thói quen hay lấy dầu thơm chải đầu cho chàng. Nàng sẵn sóc quần áo của nàng bao nhiêu thì rẽ đầu chàng cẩn thận bấy nhiêu. Nàng thường phải giục Hải đi húi đầu, vì chàng có tính hay quên. Nếu nàng không nhìn đến, có khi một tháng chàng mới đến nhà thợ cạo.

Vô tình, mắt nàng để đến đầu chàng và nàng nói:

- Thế thì thôi! Không có em, anh cứ để đầu bù lên không húi. Tối nay, đi húi đầu đi nhé.

Chàng cười. Đúng thế thực. Chàng lười quá, ngót tháng nay không húi đầu. Chàng úp bàn tay, vuốt tóc ở gáy. Nàng giở ví, rút cái gương ra đưa cho chàng. Chàng soi gương, lấy lược rẽ lại tóc. Và nàng mỉm cười, hai mắt tít đi.

- ừ, nghĩ buồn cười. Chúng mình đã xa nhau mà sao em thấy đầu anh không húi cẩn thận, em vẫn không bằng lòng.

Bây giờ, họ không ngượng nghịu như lúc mới gặp nhau nữa.

Chàng nói hết với nàng những công chuyện xảy ra trong sáu năm xa cách - y như chàng nói với nàng, trước đây, mỗi lần gặp nhau ở nơi hẹn hò.

Chàng cách biệt nàng được hai tháng thì lấy vợ. Chàng có hai đứa con: một đứa trai và một đứa gái. Đứa gái lên ba, đứa trai lên bốn. Chàng vẫn đi làm báo. Chàng ở trên Ngọc Hà. Hôm nay chàng lên Quận Ngựa vì có người rủ đi. Đã nói những chuyện ấy, tức là đã nói hết cả cuộc đời mình. Chàng ngồi im.

Nghĩ cũng lạ thực. Càng ngắm nàng, chàng càng thấy chưa bao giờ chàng nhìn kỹ nàng cả. Khi còn yêu nhau, chàng cứ tưởng rằng mắt nàng hai mí và xanh. Từ khi xa cách, đêm đêm chàng thường nhớ lại đôi mắt đẹp: và những khi rầu rĩ chuyện vợ con, không hiểu tại sao chàng cứ tưởng rằng mắt nàng đen và chỉ có một mí.

Đôi mắt lá rằm, đôi mày lá liễu, anh thương mình...

Chàng nhớ đến câu đồng dao. Và chàng nói cho nàng rõ những ý nghĩ của chàng.

Nàng cười và nói:

- Đấy, anh cứ bảo anh hiểu em mãi...

Nàng để ý đến tất cả mọi sự xảy ra trong đời chàng, sáu năm nay. Muốn biết thật rõ ràng, nàng hỏi:

- Thế chị ấy, chị ấy ra thế nào?

Chàng ngần ngừ một lát rồi đáp khẽ:

- Em ơi, em hỏi đến làm gì, hở em? Người ta chỉ yêu có một lần. Nếu sau này duyên nợ chẳng thành, người đàn ông phải lấy vợ, thì cũng chỉ là chuyện cửa nhà, bép

nước... cho có con...

Mặt chàng buồn rười rượi. Chàng nói mấy câu ấy như dao cắt lòng. Ôi! Nếu số phận chiều người, chàng và nàng lấy được nhau thì bây giờ đã êm ái biết bao! Chàng lại nói hết cả ý nghĩ của chàng cho nàng nghe. Chàng bảo:

- Em làm khổ anh. Hồi ấy, ví thử em yêu hơn một chút, ví thử em không mê thơ của thi sĩ Hoàng Hoa thì đâu ra nông nỗi này.

Giọng nàng êm ái và thật:

- Em biết làm thế nào, hở anh? Lúc ấy, em mới có hai mươi tuổi. Người ta còn trẻ thì người ta còn mơ mộng.

Nàng ngây thơ và ngoan ngoãn như khi mới yêu chàng. Lông mi nàng khể chớp, mắt nàng nhìn xuống, nàng lấy tay di những giọt nước đá đọng ở thành cốc.

Chàng hỏi:

- Vậy trong sáu năm trời xa cách, cuộc đời em ra thế nào?

Nàng trả lời:

- Anh ơi, anh hỏi em làm gì cho đau lòng nhau ra. Anh đã biết em góa chồng từ lúc còn trẻ tuổi vào giữa lúc tâm hồn đương ấp ủ những mộng tình xinh tươi...

Chàng bèn nói:

- Chúng mình đành lấy chữ duyên kiếp để khuây dần nhớ thương, chứ biết làm sao? Riêng anh, anh được thấy em như thế này, anh lấy làm mừng lắm.

Họ ngồi nói chuyện, mỗi người ở một bên bàn, như hai người bạn tốt, âu sầu, rầu rĩ.

Nàng xin lỗi chàng:

- Anh đừng giận em nhé. Lúc mới gặp nhau, em không muốn nói với anh, vì em sợ chúng ta cùng khóc mất. Em phải làm ra dáng vô tình. Có lẽ như thế lại hơn, phải không anh? Nói gì với nhau làm gì nữa cho thêm thương, thêm nhớ. Làm khổ nhau làm gì!

Họ không còn thì giờ nói chuyện với nhau lâu nữa.

Cuộc thi thứ sáu đã xong rồi. Chàng thua cá. Nàng cũng thua. Nhưng hai người đều không nghĩ ngợi điều gì, ngoài câu chuyện họ nói cả. Họ đứng dậy đi sát vào nhau về đường hồ Tây.

Trời thấp dần, mấy cái lá vàng xào xạc rơi xuống hồ và trôi ra xa xa.

Nàng nói:

- Hải ơi, thôi Hải về nhà sớm một chút không ở nhà mong đợi.

Chàng trả lời:

- Trăm ơi! Biết bao giờ chúng mình lại gặp nhau để than thở một đôi điều như hôm nay...

Họ nắm chặt lấy tay nhau, khốn khổ như hai người bạn không may trên đường đời.



## Mơ về một cuộc chơi trâu

Nào ai có ngờ đâu chỉ tậu có một con trâu mà vất vả khó khăn đến thế!

Bố con Khóa Mạc chiều chuộng Lái Quấy thôi thì chẳng còn thiếu một thức gì: cơm, rượu, phiện ph, đủ cả. Ấy thế mà cứ đụng vào con trâu nào thì Lái Quấy cũng chê bai bả. Con này sỗ toẹt được rặng nhưng hồng xoáy. Con này được xoáy nhưng kém sừng. Con này được sừng nhưng hồng cẳng.

Nghe mà cứ tức anh ách! Có một lúc ông Khóa Mạc đã ngờ rằng Lái Quấy làm khó để bố con ông, nhưng sau để ý mãi thì mới biết là không phải thế!

Chọn cái thứ trâu để chơi, khó lắm chứ có dễ đâu như chọn trâu cày. Thành thử ra bố con Khóa Mạc đành là cứ phải vâng vâng dạ dạ, nhất tề theo đúng lời chỉ dạy của Lái Quấy, không dám trái ý một ly. Bởi vì thưở cha sinh mẹ đẻ đến giờ, bố con ông Khóa có biết trâu chơi là gì, chọn trâu chơi ra sao. Mà Lái Quấy thì lại là... "một cây trâu chơi"!

Ngày nào cũng vậy, cứ cơm no rượu say rồi, Lái Quấy lại dẫn cha con Khóa Mạc đi các chợ lớn chọn trâu: chợ tỉnh, chợ Môi, chợ Tảo, chợ Kép... Một tháng tám phiên chợ mỗi cả chân, khăn cả cổ mà rút cuộc chẳng có con nào ưng ý thì có tức không, hờ trời! Giả sử là trâu cày, thì mua bừa lấy một con cho rảnh chuyện nhưng đằng này đâu có được, vì đây là trâu chơi, mà tậu một con trâu chơi đâu có phải là chuyện chơi? Danh dự, tương lai và may rủi của cả nhà mình trông cả vào con trâu đó, phải chọn cẩn thận lắm lắm, không có thì hối hận cả một đời người.

Vì thế mỗi khi thấy ông Khóa có vẻ nản chí, bà Khóa lại khuyến khích ông đừng ngại công ngại của, phải cố chọn lấy một con trâu "ra phết". Và cô Vang, chị gái của cậu Sóc, cũng xui em nên cố sức nhờ Lái Quấy tậu giúp một con trâu "ra dáng" để lấy tiếng với dân làng, bởi vì ai có một con trâu chơi thắng cuộc thì được quý nể và trọng vọng gần như một nho sĩ thi đậu vi quy bá tử.

Xã Dương Sơn, thuộc tổng Dương Thủy, huyện Mỹ Hoa có tục chơi trâu hàng trăm năm nay rồi.

Theo lệ làng, tất cả những con trai đến tuổi tráng đinh đều bắt buộc phải nuôi trâu chơi trong một năm để năm sau dự cuộc chơi trâu vào ngày mười bốn tháng giêng tức là ngày đại đình đám của hàng xã.

Tục truyền ông Thành Hoàng xã Dương Sơn, sinh thời là một gã mục đồng mười bảy tuổi thường tổ chức những cuộc chơi trâu ở ngoài đồng cỏ để làm tị tiêu khiển cho các bạn chăn trâu. Gã đã bị trâu húc chết trong một cuộc vui nguy hiểm đó và chết vào giờ thiêng nên được làng lập miếu thờ rồi sau được phong Thành Hoàng. Có người không tin ở tục truyền cho rằng tục chơi trâu do các bậc tiền bối trí giả trong làng bày ra để khuyến khích dân làng chú trọng đến việc nuôi dưỡng, săn sóc giống trâu là giống gia súc cần thiết cho nông nghiệp.

Dầu sao những cuộc chơi trâu cũng là những cuộc vui ồn ào, sôi nổi nhất ở Dương

Sơn, nhất là vào những năm được mùa thì tị đó thu hút hàng ngàn quan khách ở xa cũng như gần đến xem.

Năm Đinh Ty, tại thôn Dương Trung, con trai ông Khóa Mạc tên là Sóc đến tuổi nuôi trâu chọi. Theo lệ làng, nhà nào có tài lực phải tự xuất tiền ra để tậu trâu chọi, còn nhà nghèo thì có thể vay tiền ở hàng xã để mua. Số tiền vay đó sẽ trả lại cho quỹ của xã, bằng tiền mặt hoặc bằng cách cày ruộng công cho làng.

Ông Khóa Mạc là người khá giả trong thôn, cho nên phải tự xuất tiền mua trâu chọi cho cậu Sóc. Bỏ tiền ra mua trâu, không phải là việc quan trọng đối với những nhà tròi cho đủ bát ăn, nhưng quan trọng là vấn đề lựa chọn được con trâu chọi. Bởi vì sau một năm công trình nuôi trâu tốn kém, nếu trâu của cậu nào không được "đắc cử" để dự cuộc chọi trâu thì đó là cả một sự nhục nhã đối với dân làng. Chính vì thế trong hơn một tháng trời nay, Khóa Mạc khổ vì trâu chọi như ta đã biết. Ông Khóa sốt ruột quá rồi. Ông chỉ sợ lỡ không mua được trâu thì khổ. Vì thế, trong phiên chợ tỉnh hôm hai mươi bảy, ông nằng nặc đi mua con trâu bốn răng, hai xoáy, sừng trịn, cẳng chúm, trông rất tở, rất đẹp, rất khôn, nhưng Lái Quấy cứ chê quai quai:

- Không được! Trâu này quý thật nhưng chỉ tốt cày, chứ không chọi được. Trâu chọi cần ở cặp mắt, yếm cổ và bốn vé. Mắt đỏ, cổ lùn, yếm nạc, vó nai: đó là những đặc điểm của "trâu hùng". Loại trâu đó vừa khỏe, vừa dai sức, lại hiếu chiến. Tuy nhiên, đó là thứ trâu dữ, khó nuôi, khó điều khiển...

Lái Quấy giải thích một cách sành sỏi, khiến cho Khóa Mạc và nhất là cậu Sóc hết sức thán phục và vui lòng để cho Lái Quấy toàn quyền chọn trâu.

Được sự tín nhiệm của cha con ông Khóa Mạc, bác lái quyết đi lùng khắp các địa phương để mua kỳ được một con trâu chiến có nhiều hy vọng lọt được hai vòng tuyển lựa của ban thẩm sát và đoạt giải trong cuộc chọi trâu năm tới.

Riêng về việc tuyển lựa cũng đã hết sức khó khăn. Việc tuyển lựa này gồm hai đợt: đợt thứ nhất gọi là vòng sơ tuyển, do sự thẩm sát của một ban gồm các bậc cao niên hoặc có chức phận lớn nhất trong làng. Đợt thứ hai, gọi là vòng linh ứng, do sự quyết định của một cuộc gieo âm dương trước bàn thờ Thành Hoàng.

Việc tuyển lựa của ban thẩm sát căn cứ vào những điểm sau đây: trâu chọi phải "trai tráng và trong sạch", như những cậu trai tân, chưa vợ, đến tuổi chọi trâu. Vì những điểm quan hệ này, các cậu nuôi trâu chọi phải hết sức giữ mình cho thanh khiết, không được bắt tinh với gái và ăn uống chay tịnh trong suốt thời kỳ nuôi trâu.

Việc "gieo âm dương" trước bàn thờ Thành Hoàng có tính cách "chung thẩm", nhằm mục đích chứng tỏ rằng "đương sự" quả thật là một trai tân, hoàn toàn trong trắng, vì những hành động bất chính, ám muội của đương sự dù có che đậy được trước những con mắt phàm tục của ban tuyển lựa, cũng không thể qua "mắt thần" của Đức Thành Hoàng.

Sau khi làm lễ tạ thần để nhận trách nhiệm nuôi trâu, chuẩn bị tham dự cuộc chọi

trâu trong vụ đại đình đám năm sau, hai cha con ông Khóa Mạc bắt đầu lo việc tậu trâu.

Đây là một vấn đề chuyên môn, cần phải có sự giúp đỡ của một người rất sành về trâu, nên ông Khóa Mạc đã soạn một mâm rượu thết bác Lái Quấy, để nhờ bác này dẫn đi mua trâu chọi. Nhưng một tháng trôi qua, vẫn chưa chọn được trâu thì làm thế nào bây giờ?

Lái Quấy đành hẹn với cha con Khóa Mạc trong mười ngày sẽ đi kiếm được con trâu vừa ý.

Nhận sáu mươi quan tiền đồng để một mình đi tậu trâu, Lái Quấy phải thân hành đi cầu cứu một bạn đồng nghiệp ở hạt Đại Bái, phủ Thiệu Hạ.

Đại Bái là đất đồng sâu, thường có nhiều trâu tốt, cho nên sau năm ngày được bạn đồng nghiệp hướng dẫn đi quan sát những trâu thả ăn cỏ ở các cánh đồng Đại Bái, Lái Quấy đã tìm thấy một "trâu chiến" đang tơ, có nhiều "điểm hùng". Nhờ sự mối lái của bạn đồng nghiệp, Lái Quấy mua được con trâu này rất lấy làm sung sướng, mặc dù phải trả tới giá năm mươi bảy quan tiền đồng, đắt gần gấp đôi một "trâu cày loại lực điền".

\*

Khi Lái Quấy dắt trâu về đến thôn Dương Trung, mọi người trong thôn đổ ra xem như hội. Những tay sành trâu đều công nhận là một "chiến ngưu" hiếm có. Thực vậy, trên bãi Giang Đình ở đầu thôn, trong mười hai con trâu chọi vừa tậu về của mười hai nhà được vinh dự sắm trâu chọi, như nhà ông Khóa Mạc, trâu của cậu Sóc nổi lên vượt mức.

Cha con Khóa Mạc hết sức cảm ơn Lái Quấy. Và bắt đầu từ hôm ấy lại càng chiều chuộng Lái Quấy hơn, vì cậu Sóc còn phải nhờ Lái Quấy chỉ vẽ cho cách thức nuôi trâu chọi.

Bác lái không từ chối mọi sự nhờ cậy của Khóa Mạc, nhưng có một điều làm cho bác vô cùng thắc mắc: cậu Sóc không đủ tài điều khiển con trâu bất kham này.

Ngay từ hôm bắt đầu làm chủ con trâu, Sóc đã bị nó giựt thừng, bắt phục, xông ra chạy khắp các cánh đồng trong xã. Sóc không thể nào đuổi kịp để bắt về, phải nhờ năm bảy người khác phụ lực với Quấy dùng mẹo mới tóm được dây thừng cột mũi trâu.

Hôm sau, trâu lại dờ chừng nữa và lần này nó xông đến "độ sừng" với bất cứ trâu nào khác mà nó gặp trong cánh đồng. Hơn nữa, nó quàn phá nhiều đám ruộng mạ của dân làng làm cho ông Khóa bị phiền hết sức.

Cha con Khóa Mạc đâm lo vì con trâu quái ác. Chính Lái Quấy cũng hết sức thắc mắc. Họ lo nhất là rồi đây mỗi tháng, bắt đầu từ tháng tám cho đến tháng chạp, sẽ có cuộc "chọi thử" giữa sáu cặp trâu chọi trong thôn, Sóc làm thế nào để điều khiển trâu cho thuần thực? Không chỉ huy nó thì tập dượt làm sao được?

Lái Quấy bàn tính với Khóa Mạc:

- Nếu ông không quản tốn kém, chúng ta mời luôn chủ cũ của con trâu đến ở đây trong ít tháng giúp cho cậu Sóc điều khiển và tập dượt cho trâu vào khuôn vào phép. Ông nghĩ thế nào?

- Đối với việc thần thánh, tôi không hề quản tốn kém. Nhưng chúng ta làm thế nào mời được người ta đến ở đây hàng mấy tháng?

- Nếu ông vui lòng, tôi sẽ cất công đi thỉnh về đây và tôi chắc chắn là thỉnh được.

- Vậy thì còn gì quý hóa bằng. Tôi sẵn sàng nhờ cậu bác tất cả công việc này. Nhưng dù sao đi nữa đối với một việc có liên quan đến vấn đề nội trợ, ông Khóa cũng phải bàn qua với bà Khóa. Bà chất phác hỏi ông:

- Nuôi thầy dạy trâu có phải hầu hạ như thầy dạy học không?

Lái Quấy cười ngặt nghẽo:

- Nào có phải thầy bà gì đâu! Đây là anh Khoát, con trai ông cụ Hương ở Đại Bái. Anh Khoát chính là người đã tậu con trâu này ở Nông Cống về từ năm ngoái. Chính anh ta đã nuôi nó và điều khiển nó trong việc cày bừa cũng như trong các cuộc chọi ở vùng Phủ Thiệu. Anh ấy cũng là trai tân như cậu Sóc, có lẽ hơn Sóc đến sáu, bảy tuổi. Nhà ta mời anh ấy đến để làm bạn với cậu Sóc trong vài tháng, giúp cậu Sóc tập dượt trâu cho quen nết, chứ đâu phải là chuyện nuôi thầy, nuôi bà gì, mà bà Khóa lo ngại?

Bà Khóa tỏ vẻ ngại ngùng :

- Tôi thường nghe người ta nói "Trai Đại Bái, gái Kẻ Bôn"...

- Ý bà Khóa sợ trai Đại Bái hung tợn chứ gì? Không đâu, bà đừng sợ, câu "Trai Đại Bái, gái Kẻ Bôn" chỉ tỏ rằng trai Đại Bái khỏe mạnh, can đảm và tài giỏi cũng như gái Kẻ Bôn bạo dạn, đảm đang. Ai thì tôi không biết, chứ anh Khoát tôi cam đoan là rất nết na đứng đắn...

Ông Khóa Mạc, sốt ruột ngắt lời Lái Quấy:

- Nào phải chuyện mỗi lái vợ chồng, mà bảo phải nhiều lời với bà nhà tôi. Thôi trong công việc hệ trọng này, chẳng qua tôi cũng bàn sơ với bà cho phải phép vậy thôi. Bà để mặc chúng tôi lo tính. Tôi nhất định nhờ bác Lái Quấy đi mời anh Khoát về đây chỉ dẫn cho thằng Sóc.

Bà Khóa cười gượng, quay ra sân để phơi nột mấy thúng thóc với cô Vang.

\*

Cô Vang là chị Sóc, hơn Sóc hai tuổi. Cô đẹp vào loại nhất nhì trong xã, mà muện chồng nhất trong đám con gái nhà khá giả trong thôn.

Người ta bảo là cô cao số. Từ năm cô mười ba đến năm ấy là mười chín, ông bà Khóa đã có tới ba chàng rể hụt: Một là cậu Đông con ông Chánh Quỳnh ở thôn Thượng, hai là cậu Bái con bà Cửu Lan ở thôn Hạ, và ba là cậu Đạm con ông Đồ Loát ở cùng thôn.

Cậu Đông bị bệnh thương hàn chết hai tháng trước khi cậu định làm lễ cưới với cô Vang. Cậu Bái thì bị bắt đi lính khổ đờ sang Pháp đánh giặc "Đức" rồi biệt tích. Còn cậu Đạm thì bị ông bà Khóa từ hôn, trả lễ vì một vụ kiện tụng giữa hai họ thông gia. Sau đó ít lâu cậu Đạm lấy vợ, còn cô Vang vẫn là gái chưa chồng. Và cũng chưa có một người thứ tư nào dám hỏi.

Dương Sơn là một làng giàu có, chuyên nghiệp nông trang, gồm có ba thôn, thôn nào cũng nhiều ruộng tốt: Dương thượng, Dương trung, Dương hạ.

Trai Dương Sơn nổi tiếng là lực điền và giỏi nghề cày bừa. Gái Dương Sơn nổi tiếng là hát hay, cày giỏi và xinh, nhất là các cô gái Dương Trung. Mà cô Vang lại là cô đẹp nhất thôn Trung nữa! Trai gái Dương Sơn thường kết duyên với nhau, trai thôn Thượng lấy vợ thôn Trung, gái thôn Hạ lấy chồng thôn Thượng. Các họ trong xã thường thông gia với nhau. Họ hoàn lắm mới có cậu trai Dương Sơn lấy vợ ngoại xã, hoặc một cô gái Dương Sơn lấy chồng ngoại xã.

Đó là một thủ tục đặc biệt của xã Dương Sơn. Tuy thủ tục đó không bắt buộc nhưng nhà nào không theo thủ tục đó thì dân làng mỉa mai chê cười.

Chính ra cậu Khoát cũng không muốn sang thôn Trung chơi làm gì, nhưng vì nể Lái Quấy, cậu phải nhận lời với một điều kiện là chỉ ở chơi nhà ông Khóa Mạc năm bảy ngày để chỉ vẽ cho cậu Sóc chăn nuôi và điều khiển con trâu, chớ không chịu ở lâu. Hàng ngày, Khoát đưa cậu Sóc và trâu ra bãi Giang Đình để chỉ bảo cho Sóc biết những cách thức, mẹo mực khuất phục một con trâu bất kham; cách nắm mũi trâu như thế nào để trâu đứng yên; cách luồn yếm trâu để bắt dây thừng cột mũi, khi nào trâu sổng thừng, cách hô tiếng "họ" vừa ngọt ngào vừa oai nghiêm cho trâu vừa mển vừa sợ và phục tng; cách đuổi theo và chặn đầu trâu như thế nào cho trâu khỏi lồng chạy...

Đó mới chỉ là phương pháp sơ đẳng để điều khiển một con trâu "khó dạy". Phương pháp này chỉ trong một tuần, Khoát đã dạy cho Sóc thực hành với kết quả hiển nhiên.

Đến nghệ thuật tập dượt một con trâu chơi thì quả là cả một công trình ội hỏi nhiều thì giờ hơn. Nhưng theo lời đã hứa, Khoát không thể ở lâu tại nhà Khóa Mạc. Vợ chồng ông Khóa yêu cầu chàng ở lại dạy thêm, cậu nằng nặc không; mãi sau cô Vang lại khẩn khoản mãi, chàng mới hứa sẽ trở lại giúp Sóc trong một tháng sau khi thanh toán xong việc nhà.

\*

Từ hôm đó, dân làng, nhất là giới tráng đinh, thường kháo nhau về chuyện Khoát. Cậu trai làng "Đại Bái" được người ta nhắc đến luôn trong những lúc trà dư tửu hậu. Phần đông khen ngợi Khoát lanh lẹn, khỏe mạnh và dễ thương. Có lẽ những người khen ngợi Khoát hơn cả chính lại là cha con Khóa Mạc. Được thể, Lái Quấy lại càng đề cao đức tính và tài năng của Khoát, nào là anh ta rất thạo nghề làm ruộng, cày

cây khỏe gập hai những lực điền khác, tính nét khảng khái và "hùng" vào bậc nhất trong đám con trai Đại Bái.

Khoát lại còn giỏi vợ, giỏi vật và còn ăn cuộc nhiều vụ đấu võ, đánh vật tại suốt vùng Phủ Thiệu. Lái Quấy tỏ ý muốn nhờ Khoát dạy võ cho các tráng đinh Dương Trung, ý kiến đó được cha con Khóa Mạc nhiệt liệt tán thành. Ông Khóa Mạc tuyên bố sẵn lòng để cho Khoát mở lớp dạy võ tại nhà ông. Ý định của ông Khóa và bác Lái Quấy được Sóc khoe với các bạn tráng đinh trong thôn, mọi người đều tỏ vẻ hoan hỷ, đợi chờ Khoát trở lại để dạy võ cho họ. Bởi thế, khi Khoát trở lại Dương Trung lần thứ hai để giữ lời hứa với ông bà Khóa Mạc và cô Vang, anh ta đã có thêm cảm tình trong dân làng, nhất là trong giới tráng đinh. Và lần này, Khoát chỉ vẽ cách tập dượt trâu chọi không những cho Sóc mà còn cho tất cả những cậu trai có trâu dự cuộc chọi năm tới. Tuy nhiên, Khoát vẫn dành những mảnh lời đặc biệt về môn chọi trâu để chỉ vẽ riêng cho Sóc.

Chỉ trong một tháng sự huấn luyện của Khoát cho giới tráng đinh thôn Dương Trung và nhất là cho Sóc đã đem lại nhiều kết quả khả quan. Tiếp đó, các "môn đệ" của Khoát yêu cầu chàng dạy vợ. Đáp lại tấm thịnh tình của Lái Quấy cùng toàn gia Khóa Mạc, và cũng nhân dịp muốn lấy tiếng cho trai "Đại Bái", Khoát nhận lời ngay. Mỗi đêm, bắt đầu từ giờ Dậu, một số đồng tráng đinh trong thôn đến nhà ông Khóa Mạc để học nghề vợ của Khoát. Cả ông Khóa lẫn bà Khóa đều lấy làm hãnh diện. Còn cô Vang thì tươi hơn hớn, lúc nào mái tóc cũng như đầy sao rụng và môi lúc nào cũng nở hoa.

Tuy không có bổn phận phải phục dịch lớp dạy vợ, cô cũng vui vẻ chu tất trà nước cho mọi người đến học vợ hay đến xem thầy trị anh Khoát luyện vợ.

Riêng đối với Khoát, cô vừa quý mến vừa khâm phục. Quý mến vì Khoát có nhiều đức tính của một nam nhi, khâm phục vì Khoát giỏi vợ và giỏi quá.

Từ ngày Khoát đến ở nhà cô, cô cảm thấy trong nhà tươi sáng hơn, sống động hơn và trong lòng cô rạo rạt một niềm vui lạ vui lòng như tâm hồn hoan lạc, tương xứng của đứa trẻ trong ngày đình đám.

Cả nhà yêu quý Khoát, vì ngoài công việc tập luyện cho Sóc, Khoát còn giúp đỡ ông bà Khóa Mạc trong những công việc nặng nhọc như chuyển thóc ra phơi ngoài sân, hoặc chuyển thóc từ sân vào bực mỗi khi thóc phơi bị mưa bắt thàn. Đứng trông Khoát chuyển thóc, cô Vang cảm thấy lòng rạo rạt thương yêu. Và cô thẹn với lòng. Sự nhớ lại mấy cậu Đông, Bái, Đạm là những cậu trai trước kia đã dạm hỏi cô, nhưng không thành, cô so sánh họ với Khoát rồi cô thấy băng khuâng mơ ước một đám cưới sang sông... mà chú rể là một chàng trai Đại Bái.

Thế rồi có một hôm...

Hôm ấy là phiên chợ tỉnh, hăm hai tháng Chạp, ông bà Khóa đi chợ sắm Tết và mua các thức ăn để làm cỗ tiễn ông Công và nhân dịp để thết đãi Khoát, Lái Quấy và giới

tráng đình đồng tuế với Sóc, sắp dự cuộc chọi trâu vào đầu năm.

Sau khi tập dượt lần cuối cùng cho Sóc điều khiển trâu chọi ở bãi Giang Đình, Khoát trở về nhà ông Khoá giữa lúc cô Vang đang đuổi theo một con lợn sống chuồng. Hai má cô đỏ thắm, áo đầm mồ hôi, mà cô vẫn không đuổi được lợn vào chuồng.

Khoát vội vàng tiếp tay với Vang, chỉ đuổi vài vòng chung quanh mấy luống cải, Khoát đã tóm được một cẳng sau con lợn, xách bổng nó lên, đem thả vào chuồng. Trong khi quá vội vàng, anh bị một cái cọc chuồng heo đâm vào cổ tay, chảy máu. Quên cả e lệ, Vang cầm tay Khoát hỏi:

- Đau không anh? Để tôi đi lấy thuốc lào rịt cho anh.

Rồi nàng chạy vội vào trong nhà tìm ống thuốc lào của ông Khoá, rịt thuốc và buộc vải vào chỗ đau. Ngừng mặt lên, cô vừa gặp lúc Khoát đang nhìn cô đăm đăm. Hai má cô ửng đỏ, đôi hàng mi rung động như những con bướm bướm bé con.

Khoát nói một câu để phá tan bầu không khí ngượng ngùng:

- Tôi không đau đâu, cô Vang ạ! Tập võ còn nhiều khi bị đau hơn nữa...

Vang ngừng nhìn Khoát rồi vội nhìn ra cổng. Vang hỏi:

- Cậu Sóc đi đâu?

- Cậu ấy đi tắm trâu ở ngoài sông.

Hai người lại ngượng ngùng, im lặng. Vang đi lại bể múc nước rửa chân. Khoát nhìn theo, bần khoăn giây lát rồi bạo dạn bước lại gần bể nước, bắt chuyện:

- Hôm nay, cô không theo ông bà đi chợ Tết?

Vang thẹn thùng trả lời:

- Tôi phải ở nhà, sửa soạn để ngày mai tiễn ông Táo và...

- Và tiễn chân tôi về Đại Bái...

Khoát bạo dạn hơn:

- Không hiểu sao, lần này trở về Đại Bái, tôi thấy buồn buồn...

Mắt Vang sáng hẳn lên. Tim nàng đập rộn ràng. Vang muốn nói với Khoát, nhưng không thể nói nên lời.

Một phút qua đi, Khoát hỏi Vang về công việc trong thôn, việc đình đám năm sau và chuyện chọi trâu. Rồi sau cùng, anh thành thật hỏi Vang về vấn đề tình duyên. Vang không giấu một tý gì.

Khoát thú thật với Vang là anh yêu Vang từ lúc nào "cũng không biết nữa", nhưng quả là yêu thật. Anh hy vọng được làm chồng Vang. Cô đỏ mặt, không trả lời, nhưng Khoát cảm thấy tim cô cũng đập một nhịp chung tình.

Ngày hôm sau, Khoát từ biệt ông bà Khoá, bác Lái Quấy, cô Vang, cậu Sóc và các "học trò" của mình trở về Đại Bái.

Lòng chàng bâng khuâng như đánh mất một vật gì ở Dương Trung. Rồi sau đó năm hôm, nhân dịp cậu Sóc lên Đại Bái "tết thày", Khoát theo về Dương Trung để đáp lễ ông bà Khoá và viếng thăm Lái Quấy cùng bà con quen biết ở Dương Trung, nhân

tiện chào mừng tất niên.

Hôm ấy, cô Vang thừa dịp đi chợ Tào sắm Tết đã gặp Khoát tại bến đò Đức Giáo. Khoát cho Vang biết rằng cậu đã nói cha mẹ, sẽ nhờ Lái Quấy ngỏ lời với ông bà Khóa dạm hỏi cô.

Cậu cũng vừa đem chuyện này bàn tính với Lái Quấy. Khoát khuyên Vang nên chiều chuộng Sóc để cậu ấy tán thành cuộc hôn nhân.

Vang lặng thính nghe, tay mân mê một bông hoa dâm bụi. Nước sông lững lờ chảy giữa đôi bờ xanh xanh.

Thấm thoát đã đến ngày đại hội chọi trâu. Thôn Dương Trung rộn rịp từ tinh mơ.

Hầu hết mọi nhà trong thôn đều chật ních những khách khứa từ các xã lân cận đến xem hội. Khách nhà ông bà Khóa đông hơn hết.

Khoát đã có mặt tại đó từ hôm trước. Cuộc chọi trâu này có tính cách vô cùng quan trọng, vì kết quả có thể định đoạt cuộc tình duyên của cậu và Vang. Bác Lái Quấy có hứa với Khoát rằng sau cuộc chọi trâu, nếu Sóc thắng giải, bác sẽ thừa dịp vui mừng của ông bà Khóa Mạc mà ngỏ lời dạm hỏi Vang. Nếu Sóc thất bại, việc dạm hỏi phải chờ một dịp khác, dịp đó chưa biết đến ngày nào mới có. Bởi thế, Khoát còn sốt ruột hơn cả những cậu trai Dương Sơn được vinh dự tranh giải chọi trâu. Ngày mười bốn tháng Giêng, bãi Giang Đình ở đầu thôn Dương Trung được tổ chức thành một đấu trường chính thức, rộng ước năm sào, thiết lập ở giữa bãi, chung quanh có đóng cọc và cắm tre để phụng ngựa những con trâu hăng tiết lồng chạy ra bên ngoài.

Trước cuộc đấu, các trâu chọi được trình diện trước sân đình trong khi các tráng đinh dự cuộc phải làm lễ tế thần ở trong đình.

Sau đó cuộc gieo âm dương để cầu xin Thành Hoàng chứng giám cho sự trong sạch, chính đính của các tráng đinh và trâu chọi. Rồi đến cuộc rút thăm do ông Tiên Chỉ đích thân điều khiển và kiểm soát, để chỉ định từng cặp trâu chọi, tất cả có mười sáu con, chia ra làm tám cặp chọi sơ kết.

Những trâu nào thắng sơ kết sẽ được bắt thăm lần thứ hai để đấu bán kết, rồi chung kết.

Thường thường, ít có sự bốc thăm chung kết vì tất cả trâu chọi đã chết hoặc què trong vng sơ đấu hoặc bán đấu. Chỉ những trâu nào không bị què sau các cuộc đấu mới được giật giải thưởng danh dự, còn những trâu dù thắng đối thủ nhưng bị què chỉ nhận được giải thưởng úy lạo.

Từ xưa đến nay, trong các cuộc đấu trâu ở xã Dương Sơn, chưa hề có con trâu nào giật được giải danh dự, vì chưa có một con trâu nào sau cuộc đấu mà không trở thành phế ngưu. Các phế ngưu đó sẽ bị mổ thịt tế Thần và khao thết quan khách cùng dân làng. Những cuộc chọi trâu ở Dương Sơn sở dĩ hấp dẫn rất đông khán giả, có lẽ một phần cũng vì chung cục đã biến thành một cuộc đánh chén thịt trâu?



Không khí vô cùng náo nhiệt.

Một hồi trống và một hồi cồng nổi lên vang động cả cánh đồng. Khán giả hồi hộp chăm chú nhìn từng cặp trâu quần nhau, húc nhau, chém nhau bằng sừng một cách ghê rợn, hoặc đuổi nhau chung quanh bãi chiến. Tiếng cẳng trâu kêu huỳnh huỳnh. Bụi cát bay mù mù. Tráng đỉnh trong làng đứng bao quanh bãi chiến, cầm roi hèo hoặc đòn xóc giữ cho trâu không chạy được ra ngoài bãi chiến.

Có cuộc chọi không đầy năm phút đã kết liễu vì một "địch thủ", bị một "đòn đau", vội vã bỏ cuộc chạy trốn, nhất định không quay đầu lại.

Có cặp trâu ngang sức chọi nhau hăng nửa tiếng đồng hồ mà không hề thấm mệt. Gặp các cuộc đấu hào hứng như thế, những tiếng trống tiếng cồng lại càng nổi lên om sòm để kích thích hai đối thủ. Mặc dù biết trước rằng trong trường hợp kịch chiến ngang sức như vậy, hai con trâu thế nào cũng bị thương nặng - có thể cùng lăn ra chết, hai chủ trâu đều khoái chí và rất lấy làm kiêu hãnh. Trong khi ấy, các khán giả hò hét, reo mừng cổ vũ cho cặp trâu tử chiến, rồi họ lại thét lên những tiếng thương tiếc khi cả hai con trâu lăn ra chết, hoặc khi một trong hai con bị chém đến đui mắt, gãy sừng, què cẳng.

Năm ấy, con trâu của Sóc đã toàn thắng và chiếm giải thưởng danh dự.

Nó đã đấu hai trận hết sức oanh liệt. Trong cuộc đấu thứ nhất, nó đã thắng đối phương rất mau chóng, còn trong cuộc đấu chung kết, nó đã mất non nửa tiếng đồng hồ mới hạ được địch thủ bằng một "ngón sừng" ác liệt đâm sâu vào mắt bên phải của đối phương, khiến cho đối phương vỡ trán, lòi con ngươi và lăn ra chết. Tiếng reo hò, ca ngợi vang dậy bãi chiến, trong khi Sóc và Khoát vui mừng chạy ra dắt con trâu chiến thắng đến trước Hội đồng Giám cuộc, để nhận giải thưởng danh dự: một trăm quan tiền và mười thước nhiễu điều.

Hôm sau ông Khóa Mạc lập tức mở cuộc ăn mừng sự thắng cuộc chọi trâu của Sóc, cùng một lúc với cuộc mổ thịt các trâu tử chiến ở sân đình để Hội đồng Giám cuộc làm lễ tế Thành hoàng.

Vui sướng nhất hôm đó là Khoát và Vang, rồi mới đến cậu Sóc và ông bà Khóa Mạc. Vang và Khoát đều chứa chan hy vọng. Nhờ vinh quang này của gia đình, cuộc tình duyên của hai người chắc chắn sẽ thành...

Ngày hôm sau, đợi cho khách khứa về hết, Khoát mới thúc giục Lái Quấy ngỏ lời với ông bà Khóa Mạc về việc dạm hỏi Vang. Tự nhiên, Khóa Mạc buồn rầu buồn rĩ: Ông rất tiếc không thể gả Vang cho Khoát.

Lái Quấy nói hết lời, nhưng ông Khóa tiếc không thể làm khác được, vì đối với ông, thủ tục "trai làng lấy vợ làng" là một điều tối thiêng liêng. Ông không thể vi phạm, để làm tổn thương đến danh dự của gia đình họ Mạc.

Ông rất yêu quý Khoát và luôn luôn nhớ rằng Khoát đã dự một phần công lao rất lớn trong việc đem lại cho gia đình ông sự vinh quang sau cuộc chọi trâu. Để trả ơn

Khoát, ông có thể chiều cậu về bất cứ sự việc gì trừ việc gả Vang cho cậu. Trước sự từ chối quyết liệt nhưng chân thật của ông Khóa, Vang và Khoát đành ôm thất vọng.

Ngày chiều hôm ấy, Khoát từ biệt gia đình ông Khóa để trở về Đại Bái.

Ra đến bến đò Đức Giáo, chàng ngồi trên bờ đê, quay nhìn lại phía thôn Dương Trung. Gió buồn lê thê. Mây sầu chia ly. Chàng không muốn bước xuống đò sang sông, vì cảm thấy sang sông lần này chẳng bao giờ lại có cơ hội gặp Vang lần nữa. Những lời gắn bó với Vang trong năm, cũng trên bờ đê này, đồng vọng trong tiếng thổn thức của con tim se sắt.

Giữa khi đó, Vang hốt hải chạy đến. Cô không nói nên lời, phần vì chạy vội, phần vì quá cảm động vì Khoát chưa sang sông.

Nhưng giây phút sung sướng chỉ thoáng qua, vì sau đó cả hai người lại càng thấm thía nỗi niềm tuyệt vọng. Mà cuộc gặp gỡ lần này chỉ là một cuộc vĩnh biệt mà thôi. Khoát nghẹn ngào nói cho Vang biết rằng chẳng còn bao giờ chàng trở lại Dương Trung nữa.

Vang khóc hết nước mắt.

Tiếng sóng vỗ dưới chân đê, nghe như tiếng hát ru buồn của một người mẹ thương con.

Bèo ơi, nước ơi, nước chảy bèo cứ trôi và mãi mãi người ta ở trên thế giới này vẫn khổ.

Chuyến đò cuối cùng giục già chia ly. Khoát sang sông, lòng đau như cắt. Vang chảy nước mắt, trở về Dương thôn, hồn nặng thê lương.

... Ba tháng sau, Lái Quấy cho gia đình ông Khóa Mạc biết tin Khoát đã tình nguyện sang Pháp để đánh giặc Đức. Vang được tin, lâm bệnh gần hai tháng. Đến khi khỏi sinh ngớ ngẩn. Rồi một hôm kia nàng biệt tích.

Ông bà Khóa và Sóc chia nhau đi tìm Vang khắp mọi nơi, nhưng vẫn chẳng thấy Vang đâu.

Tháng giêng năm sau, có người đem tin Vang tu tại chùa Trương Các ở huyện Hà Trung. Ông bà Khóa đi bộ hai ngày, qua bảy con đê mới đến được chùa và ôm con gái khóc như mưa như gió. Ai cũng tiếc cho nhan sắc của Vang và thương cô cao số.

...

Riêng Khoát hình như từ khi đi lính cho Pháp, không hay tin tức gì của Vang.

Hàng năm, cứ đến ngày mười bốn tháng Giêng Khoát lại trông ra hoa tuyết trên trời, tưởng nhớ một ngày hội chọi trâu ở quê hương và tự nhủ:

"Chắc bây giờ chọi trâu ở Dương Sơn không còn tưng bừng, náo nhiệt như trước nữa!"

## Một người rơi xuống hồ

Rượu mãi về sau mới ngấm. Y ngà ngà. Đến lúc ăn đồ nước, y loáng choáng. Nhà cửa quay đi nhẹ nhẹ. Đến bắt tay máy "chị em" để ra về, y say thực thà.

Khuya lắm. Ngoài phố không có cái xe nào cả.

Y húc đầu vào quăng không, đi về.

Chuông nhà thờ thũng thảng điểm ba tiếng.

Y loạng choạng đi giữa đường. Bụng no nhưng người nhẹ, y tưởng mình sắp có cánh bay. Thú quá. Y chạy nhanh rồi đứng lại, hát khê một câu. Nhưng lúc này cần phải hoạt động mới thực sướng. Y lại đi. Nhưng sự nhẹ nhàng rồi làm cho y khó chịu. Người y mất thăng bằng. Y đi bên nọ, dọ bên kia như người rồ.

Thế là y vấp phải một hòn đá. Trán y đập vào cái biển xanh kẻ chữ "Rue barrée", tay y định vịn lấy cái hàng rào không được, y rơi xuống một cái hố người ta vừa đào lúc trưa.

Lúc y mở mắt, thấy mình nằm thẳng cẳng ở dưới hố, y hơi ngạc nhiên một chút.

Người ê ẩm, y chẳng buồn đứng dậy, cứ nằm im mơ màng.

Đêm khuya ngấm vào người y, chậm chạp và dễ chịu. Y thấy mình tỉnh lắm và có những cảm giác rất hay về cuộc đời.

Thoạt tiên, y thấy ngay ở trên đầu, hàng vạn ngôi sao. Thuở bé, y đã trông thấy những ngôi sao, ở nhà quê. Nhưng từ khi lớn lên, ra tỉnh, đi làm, lấy vợ, có con, y không trông thấy nữa; bây giờ, lại có dịp được thấy, y có ngay cái cảm giác là mình bé nhỏ quá, cô độc quá ở trong vũ trụ xanh xanh này.

Sau, y thấy ở xung quanh có tiếng xì xào. Y héch một tai lên để nghe cho kỹ: đó là tiếng cây reo như sóng bể; gió thổi sà sà mặt đất như một tiếng thở dài; một cái ô tô chạy ở đằng xa làm rung động mặt đất. Tiếng sột soạt, tiếng dế kêu, tiếng nước sông khê đập vào bờ. Y tưởng tượng đến một cuộc đời vô hình. Bỗng có tiếng người nói ở phía xa, ở phía sau.

Người trai trẻ nghe thực kỹ. Y lấy làm lạ sao ở chung quanh mình "lại có lắm người thế, mà vừa lúc này đây, sao quái quỉ! lại không có người nào cả" để cho y phải còm đi một mình - đi một mình với cái say!

Y bực lắm. Những việc đã qua lại tỉnh giấc trong người y, rung động ở tim, đi qua ngực, đứng ở cuống họng và khê kêu bằng tiếng thở mạnh. Giờ nọ nói giờ kia tiến lại. Y thấy bao nhiêu việc náo nùng khi trước bao bọc lấy y ở trong hố. Y thấy nhà y, quét vôi trắng, lù lù ở giữa tỉnh thành. Y thấy người vợ xinh xẻo của y đứng tựa cửa như một cái cây có bóng mát. Y thấy hai đứa con gái của y nhú những đôi mắt đẹp, để trông xa vời.

Ý nghĩ lan man quá. Nhưng đêm khuya đi nhẹ nhàng như mây khói. Róc... rách, rách... tiếng hát của con sông Hồng Hà, y đương nghe thì sinh sịch có tiếng người đi lại.

Người trẻ tuổi kêu lên: "Tôi rơi xuống hố rồi!".

Người khách đi đường thứ nhất là một con chó cắn đầu đi theo một ông to lớn và một cái bót xì gà đồ sộ. Người to lớn nói: "Ê! Nếu anh không say rượu thì việc gì đến nỗi này...". Một ngọn khói xanh bay ra cuồn cuộn và theo gió tan đi dần.

Người khách đi đường thứ nhì là một nhà báo đứng về mặt quốc gia. Nghe thấy người ngã xuống hố nói chuyện với kẻ đi trước mình như thế, người ấy quát: "Anh trông mong hấn cứu thế nào được? Nam quốc Nam nhân mới thương nhau thôi. Hấn khác máu tanh lòng, thấy mình ngã xuống hố, có khi lại thích, nghĩ mà đau đớn. Bao giờ ta mới thoát khỏi vòng nô lệ để mở mày, mở mặt với đời? Nước ta, than ôi, nào có phải hèn kém gì đâu! Bốn nghìn năm văn hiến! Mà dân ta, một thửa, có lẽ đã tiến hóa bằng mười nước Nhật và nước Xiêm bây giờ.

Cũng tai mắt, cũng thịt da,

Cũng dòng máu đỏ, con nhà Lạc Long...

(à, ông nhà báo lại là một nhà thi sĩ!). Nhưng người tuổi trẻ kêu lên:

- Tôi xin ông hãy cứu tôi ra khỏi hố!

- Ra khỏi hố làm gì? Anh phải biết: chúng mình nô lệ thì ở đâu cũng thế. Trừ khi nào có một cuộc đổi thay...

Và khách rảo cẳng đi. Có lẽ để tìm sự đổi thay đó ở trong... điều thuốc phiện hay căn phòng cho thuê.

- Tại làm sao anh lại thở than như vậy?

Người khách thứ ba hỏi thế.

Đó là một vị tu hành. Đầu nhẵn như chùy, môi đỏ, con mắt đa tình như ngôi sao.

"Người ta ở đời có số cả. Không có gì thoát tay. Trời. Cái nhân có tốt thì cái quả mới tốt. Cái nhân đã xấu thì cái quả phải xấu. Không có cái quả tốt nào ở cái nhân xấu mà ra. Không có cái nhân tốt nào ở cái quả xấu mà ra. Kiếp luân hồi, mình không nên oán tức điều gì cả. Ta phải diệt dục. Ta phải chịu đựng đau khổ và cho đó là quả báo hay một cuộc thí nghiệm của Hóa công. Nếu là sự quả báo, Người nên biết rằng sau này Người sẽ thanh cao hơn và được tha thứ. Nếu là cuộc thí nghiệm, Người sẽ mạnh gấp bội lên. ở đời, không có một thánh nhân nào, không có tác phẩm vĩ đại nào không có bàn tay của Quỷ Sứ mó vào. Hiểu chưa?"

Người khách thứ ba nói thế, người khách thứ tư nghe thấy, tiếp rằng:

- Chính vậy. Đem khoa học mà cố sức giảng giải cuộc đời là vô lý. Ta phải sống cái cuộc đời mà hóa công đã định sẵn. Không có gì là quan hệ cả. Chỉ có tâm hồn là quan hệ mà thôi. Điều cần nhất là ta phải sống thực mạnh mẽ. Anh lấy làm khổ vì bị rơi xuống hố. Tại sao? Thế anh không thấy thế là sống à? Anh đau khổ: chính đau khổ là sống một cách mạnh mẽ đó. Chỉ có hai điều mà người đời nên tránh thôi: lười biếng và buồn bã.

Người ấy (à! ra là một nhà thông thái!) ngừng lại một lát để đọc câu văn của André

Gide:

Nước tù hãm có chất độc và khoanh tay vào mạng mỡ, nói tiếp: "Anh tưởng rằng anh lên bờ thì sung sướng hơn ở trong hố à? Chỉ cần biết một điều: anh biết rằng anh đau khổ. Và thế là đẹp đẽ lắm rồi. Anh làm động đến thần cảm của chúng tôi một cách mãnh liệt. Anh hơn chúng tôi chỗ đó.

Anh ơi, nên biết rằng có nhiều người hiện đương lo nghĩ bản khoăn vì anh. Đẹp thay mà nên thơ thay! Anh thử nghĩ đến con anh đương khóc. Anh thử nghĩ đến vợ anh ở nhà đương mong - và có lẽ tưởng anh chết rồi, đã định "bước đi bước nữa". Ôi! Anh có thấy tim anh đập mạnh không? Và nghĩ rằng không bao giờ ra được khỏi hố, anh có thấy những cái động lòng mãnh liệt không?

- Thưa ông, tôi chỉ muốn ra khỏi hố.

"Tôi chỉ muốn ra khỏi hố", mấy tiếng này lọt đến tai người khách đi đường thứ năm. Cứ trông cái đầu, đôi mắt kèm nhèm, bộ quần áo xanh và cái dáng đi chắc chắn của ông khách này, cứ trông cái vẻ quả quyết, cái nhìn xót xa và hai bàn tay xương xẩu giơ ra như chực ôm lấy mình, cứ trông thế cũng đủ biết khách là một kẻ lao khổ biết thương người như anh em một nhà.

Khách nghe thấy tiếng người tuổi trẻ kêu, hộc tốc chạy ngay lại, giơ nắm tay lên chào.

Khách hỏi: "Anh làm sao thế, anh bạn?".

- Tôi rơi xuống hố từ ban đêm.

- Rõ khổ! Từ ban đêm? Mà, đến bây giờ, vẫn nằm im như thế trong khi bọn phú hào ở trên phố ăn uống nô đùa với nhau? Cái xã hội này mục nát quá lắm: một bên thì vui vẻ với cuộc đời trượng giả, một bên thì là một kẻ vô sản rơi xuống hố từ ban đêm. Chao ôi! Giai cấp... phải có chiến tranh giai cấp! Thôi, anh đừng sợ nữa. Có tôi đây. Sự đau khổ của anh là của tôi. Anh có thấy thế không? Anh có thể thấy thế không?

Sự đau khổ của anh em bị bóc lột, anh em bị bóc lột, anh xem, tôi hít vào cùng với khí trời và nó chảy ở các mạch máu của tôi. Nó thấm nhuần vào da thịt tôi. Thành thử cái giọng tôi thành thực nhất, chua chát nhất, và mọi người đều phải cảm động khi tôi lên tiếng.

Bây giờ tôi định thế này: lập tức, tôi đi tìm bọn phú hào mà kêu rõ to vào lỗ tai họ. Tôi kêu: "Các anh sung sướng, các anh bóc lột quần chúng để có nhà lầu, ô tô, thế mà... thế mà ở đường Bờ Sông có người rơi xuống hố...". Anh bạn phải biết tôi sẽ nói hùng hồn như thế nào. Giọng tôi sẽ át cả giọng họ. Tôi sẽ hết sức tranh đấu nữa và những tư tưởng của tôi sẽ lọt đến những nhà lầu êm đềm. Ôi anh bạn ơi! Để rồi anh xem họ sẽ run sợ như thế nào! Để rồi anh bạn xem cái hình ảnh thảm đạm của anh bạn sẽ khuấy rối cuộc đời yên tĩnh của họ như thế nào!

Khách giơ nắm tay lên lượt nữa:

- Chào anh bạn ở lại nhé. Tôi, tôi phải đi ngay để tranh đấu cho tới cùng. Và khách đi tranh đấu cho tới cùng. Bóng khách mờ dần ở trong cảnh tranh tối tranh sáng. Khách để lại đằng sau một tấm lòng nhân đạo hùng hồn và có mồ hôi. Người trẻ tuổi thấy một sự thất vọng mông mênh cất tiếng khóc ở trong tim óc. Y định thần lại: gió thổi hiu hiu, nước sông lạnh vẫn đập vào bờ róc rách. Chung quanh, chỉ còn trơ lại con đường trắng và mấy khóm cây rung rinh vài hạt sương. Y bèn ngừng đầu dậy, chống một tay, quả quyết đứng lên. Cái hổ không lấy gì làm sâu cho lắm. Y ghéch một chân lên bờ, hai tay để hai bên, đánh đu một cái mạnh, cho nốt chân kia lên mặt đất, đứng thẳng dậy, phui quần áo... rồi đi về nhà.

## Ngày mai tôi sẽ chết

---

Tôi viết bức thư này không biết anh có kịp xem không, nhưng tôi cứ viết và ao ước anh sẽ đọc được trước khi ra lấy vé tàu đi Hà Nội. Anh ơi, anh đừng đi Hà Nội nữa. Người bạn cũ của anh bây giờ đã già quá đi mất rồi. Sau mười sáu năm trời không gặp mặt nhau, chính anh, tôi e rằng anh cũng không nhận ra tôi nữa. Tôi chỉ còn là một đồng giẻ rách không tên, ở một chỗ ngoại ô hẻo lánh chung quanh toàn những tiếng búa đập trên đe và những câu chửi rửa thô tục của những gái chơi trốn thuế. Buổi sáng lúc trời còn mù mịt chưa trông rõ mặt người, những đoàn xe đen kịt từ ở trên phố kéo về đem một hơi hương khó chịu của Hà Nội đến cái giường tre tôi nằm buổi trưa, ruồi đậu và muỗi kêu như thúc giục người ta dậy cầm một cái gậy giang hồ để đi, bất cứ đâu; và buổi tối, những lời dọa dẫm chém giết nhau không lúc nào ngớt làm cho một người bình tĩnh nhất cũng đâm ra phẫn chí.

- Phải đi! Ta nhất định phải đi!...

Biết bao nhiêu lần tôi đã nói thế với tôi rồi? Chao ôi, không có một lần nào, không một lần nào tên bạn khốn nạn này của anh lại dám đem thực hành ý kiến. Đó là bởi vì mười năm nay y mắc phải một bệnh nan y, một bệnh giữ người ta lại ở chân giường không cho biết những phương trời mới lạ: đó là bệnh nghiện.

Bây giờ mỗi khi trong xóm có ai xa lạ đến hỏi thăm tôi hay là tò mò muốn biết chủ nhân của cái nhà lá ở chỗ "Ba con chó đá" đi vào:

- Cái ông bung bưng ăn thuốc ấy làm nghề gì ấy nhỉ?... thì trẻ con và đàn bà chung quanh đó, không động một cái gân mặt, đều trả lời thản nhiên rằng:

- Ậy, nghe đâu như ông ấy viết sách viết báo bán cho nhật trình thì phải.

Anh ơi, người ta còn có thể trả lời khác thế làm sao được? Bạn anh mới có bốn mươi hai tuổi - tuổi người ta vui vẻ bước vào đời, lòng đầy chim hót - vậy mà đã già lắm, yếu lắm, chán nản lắm rồi anh ạ. Bây giờ, những buổi sáng trời, ngồi chống tấm phen lên nhìn ra cái ao tù đằng trước mặt, tôi tiếc cái thời kỳ trẻ tuổi như một người không may hồi cố đến một bạn tình có thủy không chung. Những lúc ấy trái tim tôi se lại. Một vị gì cay cay mà mặn mặn đến với lưỡi tôi: tôi tưởng như mình ốm nặng lắm rồi, chỉ ngày mai sẽ chết không còn thuốc gì chữa nổi. Thì tôi lại càng thương mẹ tôi và các em tôi - hiện bây giờ đã nằm yên trong một cái nghĩa địa một tỉnh gần bờ biển, có lẽ lúc này đây rét lắm ở trong những cái mộ không bao giờ cất lại. Ôi, mẹ tôi và hai em gái của tôi đã cầu Trời khấn Phật cho tôi biết bao nhiêu. Họ làm việc gì, họ trông mong gì là đều làm việc và trông mong cho đứa con này, cho thằng anh này sẽ gặp sự may mắn trên đường đời.

Tặng tôi vốn ốm nên mẹ tôi thương tôi lắm. Nhất là em gái thứ hai tôi thì lại càng xót xa tôi. Tôi còn nhớ trước hôm nó chết hai ngày, vào lúc hoàng hôn nó có dắt tôi đến bên cạnh một gốc nhãn mà bảo tôi:

- Đêm qua, em sốt lắm và ho suốt cả đêm. Em xem chừng không sống được. Vậy từ hôm nay anh cầu cho em đi, anh cầu cho em "đi" một cách nhẹ nhàng. Còn em, nếu em chết, em sẽ không bao giờ quên anh. Em phù hộ anh và sẽ cầu cho anh may mắn hơn thầy, không khổ về tinh thần và vật chất. Nhưng ngay bây giờ em còn sống và nghe được lời anh, anh hãy nguyện với em sẽ không bao giờ làm cái nghề bán văn buôn chữ nữa!

\*

\* \*

Tôi vốn không phải người Hà Nội. Dòng họ nhà tôi từ bao nhiêu đời nay vẫn sinh cơ lập nghiệp ở làng Kiến Chính thuộc Nam thành. Mẹ tôi đan lưới. Gió biển ngày đêm thổi hút vào nhà tôi và những cái lưới ấy bay phàn phật. Hai em tôi giúp đỡ mẹ tôi trong những việc đan lờ tét chỉ và giúp hai bữa cơm trong nhà. Bởi vì nhà tôi thanh bạch lắm, không nuôi đầy tớ. Cả ba người làm ngày đêm mới tạm được nuôi nhà:

tôi đi học tốn kém nhiều, còn thầy tôi dăm bảy tháng mới có một cái bổng một vài chục bạc.

Tôi gọi là cái bổng bởi vì thầy tôi không sống hẳn vì nghề. Thầy tôi sinh vào giữa lúc chữ nho tàn cục, phải kéo lê cái sống tồi tàn trên mảnh đất này, lúc buồn thì dạy mấy đứa trẻ học vài cái chữ nho để họa là có truyền được cho con cháu cái đạo của thánh hiền Khổng Mạnh.

Những đứa trẻ ấy đều là con nhà nghèo cả, họa hoàn mới có một hai trẻ sang để tạ ơn. Thầy tôi, vì vậy phải kiếm thêm bằng cách viết bài cho một tờ nguyệt báo xuất bản ở Hà thành - hồi ấy ở Hà thành có báo viết vừa bằng chữ nho, vừa bằng chữ quốc ngữ - để kiếm thêm. Nhưng gọi là kiếm thêm đó mà thôi chứ thực thì có khi đến một năm thầy tôi mới được nhà báo đưa biếu một vài chục bạc (hồi ấy người ta không gọi là tiền nhuận bút nhưng là tiền trâu nước).

Cuộc đời ở cái làng hẻo lánh này cứ đi như thế, đều đều tựa ngọn triều ở trước nhà tôi ngày xuống đêm lên không có một sự gì thay đổi. Mẹ tôi cứ đan lưới bán, thầy tôi cứ viết bài đăng ở Tân Văn, còn hai em tôi thì vừa mạng lưới vừa nhìn ra xa xa ngoài bể khơi xem những con thuyền đánh cá đi đi lại lại như những con mòng đẹp.

Cho đến năm tôi hai mươi tuổi. Một hôm, thầy tôi đi mất tích. Mẹ tôi mở cửa trông ra bể đợi, nhưng xuân đi, hạ đến rồi thu, rồi đông, thầy tôi vẫn tuyệt vô âm tín, hàng xóm không ai biết cả. Từ đó, đêm cũng như ngày, tiếng hát của biển khơi vọng vào nhà tôi buồn ray rứt cả ruột gan. Nhà tôi sa sút. Em gái lớn tôi đi lấy chồng, nhưng mới được mấy tháng thì chết vì sinh nở.

Chính đêm đi đưa đám nó về, ba mẹ con tôi ngồi đốt đèn lên để than thở với nhau thì có người gõ cửa rất gấp và đem vào một bức thư. Tôi còn nhớ đêm ấy mưa to lắm. Gió bễ thổi heo hút, người đàn ông kia lạnh bợt hẳn mặt đi và ướt lướt mướt cả từ đầu đến gót, nhưng mẹ con tôi cũng không thể giữ người ở lại, dù chớp bể mưa nguồn, sấm sét nổi lên tứ phía như thể trời lúc ấy tức giận đến cùng cực vậy.

Từ đấy tôi hiểu rằng thầy tôi không còn bao giờ trở về đến đất này.

Mẹ con tôi sống heo hút với nhau, không mong đợi điều gì nữa, nhưng vẫn liếc nhìn ra những con thuyền rẽ sóng đi... và chúng tôi lại tưởng là thuyền ai đi ngày trước.



Trong khi ấy, thì mẹ tôi già héo đi lúc nào không biết. Cái tay đan lưới ở dưới ánh đèn dầu mỗi ngày mỗi chậm. Giọng nói của người cũng yếu đi, tuy đã lâu mẹ tôi ít hẳn nói cười. Ôi, người đàn bà ấy cắn răng mà chịu đựng số mệnh, không than không tiếc nhưng chỉ mong có một điều rằng: tôi là đứa con cuối cùng của họ; tôi phải giữ lấy dòng họ đừng cho tuyệt diệt. Phải lấy vợ, phải nghĩ chuyện nối dõi mai sau, còn đến việc bán văn buôn chữ thì mẹ tôi và em tôi khẩn khoản tôi chớ có nên theo đuổi làm gì. Bởi vì, mẹ tôi đã nhất định tin như thế rồi, không ai có thể làm lay chuyển lòng người được: mẹ tôi cho rằng thầy tôi không những lao tâm lao lực vì văn chương, mà văn chương lại còn là nguyên nhân chính trong việc thầy tôi đi mãi, không bao giờ về nữa. Tôi không nhớ rằng lúc ấy tôi có tin những lời nói của mẹ tôi không, nhưng tôi biết rằng tôi có hứa sẽ vâng theo lời mẹ.

Và tôi đã hứa cả với em tôi trước khi nó chết, nói với tôi bên gốc nhãn. Từ đó, ngày nọ đuổi ngày kia, năm tháng cứ dần trôi như nước bể trút sang những sông con, không bao giờ trở lại cùng bể nữa.

Tôi vượt mắt cho mẹ và cho em, và cũng như nước bể, những lời hứa không còn ở trong trí óc của người trẻ tuổi lúc ấy có bao nhiêu nhựa sống căng trong mạch máu.

Không còn bận gì đến gia đình nữa tôi bán cả cơ nghiệp đi ra sống ở Hà thành. Tôi cho rằng phàm người thanh niên nào biết tự trọng, muốn sống cho ra sống, muốn làm nên sự nghiệp to tát thì không thể không ở Hà thành được: còn có chỗ nào đẹp đẽ bằng, còn có chỗ nào sống đầy đủ bằng?

Tôi thuê một cái gác nhỏ, và cũng như bao nhiêu "muỗi cỏ" ở các nơi bay về theo đuổi ánh sáng đèn, tôi quyết phải làm nên sự nghiệp gì không để xấu hổ cho dòng họ mình là một dòng họ nho phong. Thoạt đầu, cuộc đời tôi càng thấy khó bao nhiêu tôi càng say mê sống. Không hiểu vì sự say mê ấy hay vì cái nghiệp mà Thượng Đế bắt tôi phải chịu hoặc vì cái bản tính thanh niên xưa nay vẫn ham thích làm những điều mà người khác ngăn cấm mình, tôi quyết định sẽ trở nên một văn sĩ chỉ viết một tác phẩm mà ai ai cũng sợ.

ở Hà thành, có bao nhiêu người đã nuôi những cái mộng như thế? Có lẽ đến hàng ngàn. Hàng ngàn người lúc nào cũng tin rằng bị Thượng Đế đọa đầy. Họ có khi đói khổ đến vô chừng, nhưng lúc nào cũng vui vẻ mà gặm tương lai vì họ tin rằng chính họ, họ sẽ ôm quả đất vào trong tay, họ muốn là họ được.

Không có ai bây giờ chạy đến mời ta ư? Không cần. Ta hãy ca tụng lẫn nhau đã bởi vì người bạn có thể thiếu cơm, ta không thể để cho hắn thiếu tài. Những người làm nên sự nghiệp khi xưa đều thế cả.

Tôi nghĩ vậy cho nên tôi nhìn ánh sáng kinh thành rất say mê. Tôi mơ tưởng đến những tác phẩm sắp viết và tôi ngừng lên nhìn trời. Bầu trời hôm nào cũng nhiều sao. Tôi thấy ngôi sao bản mệnh của tôi sáng lắm. Tôi lại càng tin tưởng ở sức huyền bí của Thượng Đế, tôi lại càng tin ở tài tôi trong khi bao nhiêu thanh niên khác, đầy tài đầy lực - hầu hết cũng bay ở phương khác về như tôi - bị ngã xuống hố không kịp chào cha mẹ anh em lần cuối.

Bây giờ ngồi mà nghĩ lại tôi thương những chiến sĩ vô danh đó không biết bao nhiêu, tôi thương cả những bậc cha mẹ ở tỉnh nhỏ nuôi con khôn lớn cho ra kinh thành để tạo nên sự nghiệp mà kết cục thì họ chết tro bụi ở trên những cái giường lạnh lẽo trong những gian phòng tối tăm. Những lúc ấy xin thú thực tôi không nghĩ gì tới họ. Sự đắc thắng làm cho tôi say mê như một thứ rượu nặng men: tôi nghĩ đến tôi nhiều quá, nghĩ đến ngôi sao bản mệnh của tôi nhiều quá. Bao nhiêu máu, bao nhiêu óc của cha mẹ tôi để cho và nuôi cho đến ngày nay, tôi đều đem trút ra trên những dòng chữ hay như những cành hoa tươi trên mặt giấy. Tôi đã quên lời hứa với mẹ và em, đã không lấy vợ - hay nói cho đúng, tôi đã lấy vợ nhưng không lấy vợ như mẹ và em tôi đã tưởng: vợ tôi là sự nghiệp văn chương vậy.

Cái gác tôi trọ nào đâu có những thi vị như gian nhà lá ở trên bờ biển Kiên Chính khi xưa? Đây chỉ là một gian nhà gác xếp bốn bề bưng kín như thể một cái mộ cất ở lưng chừng gò. Một cái kính vỡ ở đây, những đêm đông lạnh lẽo gió lùa vào rét quá, tôi lấy giấy nhật trình bịt lại. Cái bàn khập khiễng kia suốt đêm có tiếng mọt nghiến gỗ đến kinh người, thực chẳng khác những lời oán hận bất diệt của một hồn oan vậy. Bao nhiêu sự thiếu thốn, cơ cực ấy, tôi đều coi thường cả bởi vì tôi đã thấy ánh sáng đến với tôi rồi. Tôi đã tìm thấy cái bí quyết của sự đắc thắng nên dù là buổi chiều buồn, đứng ở cửa gác nhìn xuống đường chỉ có mưa rơi trên những cái mái nhà ám khói, tôi cũng thấy là nên thơ, là đẹp.

Thế rồi, tác phẩm đầu tiên của tôi, ra đời. Không anh ạ, anh đừng tưởng rằng hy vọng của tôi đến thế là tốt bậc đâu; tôi được hoan nghênh đến nhiệt liệt nhưng tôi vẫn chưa lấy gì làm thỏa. Chỉ trong có mấy ngày tôi đã từ một gã vô danh nhảy lên chiếm một chỗ ngồi trong văn giới đáng cho những bậc lão thành thêm muốn. Các báo viết bài khen tác phẩm của tôi; các nhà xuất bản tranh nhau mời tôi viết; có

nhiều nhà văn nhà báo có tên tuổi lại hỏi dò được địa chỉ của tôi viết những bức thư thật dài đến khuyến khích và mong cho tôi sẽ tiến mãi trên con đường sự nghiệp.

Tôi sướng quá, muốn khóc lên. Khóc vì mình đã thắng, chứ không phải khóc vì bây giờ mình đã được chút tên tuổi rồi mà cha mẹ không còn sống để chia vui. Luôn mấy hôm, người tôi như sốt, máu tôi chảy mạnh và dồn cả về thái dương; tôi say mê danh vọng quá và từ hôm ấy văn chương cảm dỗ tôi như một mụ phù thủy cảm dỗ một cô gái ngây thơ vậy.

Tôi viết quên cả ngày đêm, tôi viết trong những cơn sốt rét. Trong ba năm, bảy tác phẩm ra đời, óc và máu tôi chan hòa trên mấy trăm nghìn trang giấy bay khắp chỗ, từ thôn quê ra thành thị. Tôi là một người hữu hạnh nhất trong văn đàn. Không ai tranh cướp được địa vị của tôi. Giàu có và danh tiếng như thế chẳng là đã tạm đủ rồi hay sao?

Tôi vẫn ở trên căn gác xép bé nhỏ đã trông thấy tôi nổi tiếng. Tôi tiếp những ông chủ báo, tôi có khi phải trốn những nhà xuất bản. Nhưng dù sao tôi lúc nào cũng vẫn bất mãn về những tác phẩm của tôi đã xuất bản rồi, tôi muốn có nhiều tiền nữa để trả thù những khi túng bán và tôi ao ước sẽ viết được một cuốn sách có thể gọi là một tác phẩm đánh dấu đời tôi lại.

Bởi thế, tôi cũng không từ chối nhiều nhà xuất bản đâu. Tôi nhận gần hết những lời yêu cầu của họ. Và bởi vì tôi là một người thực yêu nghề, tôi không viết cầu thả được mà tôi cũng không sai hẹn được. Thế là một tháng hai mươi đêm tôi thức để viết cho đến khi xe điện leng keng những tiếng chuông đầu tiên của một ngày. Những tiếng rao bánh tây nóng của những đứa trẻ khi xưa cắp thúng đi bán từ lúc tinh sương chính là những bài hát ru tôi ngủ vậy.

Ban ngày tôi lại viết. Tôi uống từng bát cà phê đặc để lấy sức, tôi hút thuốc phiện để thức đêm và tôi ốm vì đau ruột.

Nhưng không cần. Tiền và danh vọng! Miễn có nhiều là được. Tôi đi đi lại lại ở trên cái gác xép của tôi vừa ngẫm nghĩ đến cái cốt truyện ngày mai vừa đưa con mắt lơ đãng xem mảnh trời đẹp ở bên ngoài ra sao.

Trời đẹp thì đẹp lắm.

Bệnh đau ruột của tôi mỗi ngày một nặng thêm. Tôi vào nhà thương khám thì bác sĩ bảo tôi rằng cần phải mổ. Ba tháng trời! Ba tháng trời nằm ở trên giường bệnh, đập diu những người bạn chuộng văn có một cảm tình chân thật và những ông chủ xuất bản và chủ báo vì xã giao đến thăm nom, tôi không viết được một tác phẩm gì thêm nữa. Và lại bác sĩ chữa cho tôi lại dặn đi dặn lại viên khán hộ không cho phép tôi làm việc gì mệt nhọc, nên suốt ngày tôi chỉ đành nằm dán mắt lên trần nhà xem con mối này đi đến đâu tường thì có rẽ không, hay con ruồi nọ bay đến đấy có đổ hay lại còn bay nữa.

Con ruồi, mà tôi đánh đổ tôi, bay đến đấy thì đổ thực. Có ai ngờ đâu rằng, cũng như con ruồi, sự nghiệp văn chương của tôi đến đấy lại ngừng... Bao nhiêu tiền tôi ăn dùm để dành được, chỉ một trận ốm ấy rủ nhau đi hết. Tôi chưa viết được, lại túng túng quá nên đành phải viết thư hỏi vay tiền trước của mấy ông chủ báo. Tôi lại ra công viết, nhưng mỗi ngày sức tôi một kém đi. Bệnh đau ruột đã làm cho tôi mất sức mạnh đi rồi, những sự lo buồn vô căn cứ lại làm cho trí óc tôi cần cộc đi. Bây giờ cái cửa sổ ở căn gác xép của tôi đã để lộ một mảnh trời bạc mờ mờ không đẹp như trước nữa. Tôi hay ngủ. Và mỗi khi ngủ ngày dậy thì tôi lại thấy ê ẩm cả người: đầu rức mắt hoa, tôi có cảm giác bị một bệnh phổi không bao giờ khỏi được. Những lúc ấy gian phòng tôi ở có một vẻ lạnh lẽo, một mùi tanh tưởi. Người ta đã ít nói tới tôi. Tôi hay nghĩ ngợi viễn vông - và tôi đã đoán trước cái ngày mai ra thế nào. Ôi là hắc ám, cả ngày mai ấy. Tôi thấy cái trần nhà hình như đổ dần xuống người tôi. Mồ hôi tôi toát ra, tôi giương mắt lên nhìn kỹ thì thấy có hàng trăm trái núi không cây cỏ từ trên mây rơi xuống đầu tôi và đè lấy tôi. Tiếng muỗi vo ve trong gác lúc ấy có vẻ là những tiếng kèn đám ma đi tiễn một danh vọng về chiều. Tôi lấy tay lau vội mồ hôi ở trán và nghĩ: "Ta sẽ chết ngày mai, ở trong một xó xỉnh, chết như một con gián, không có một người nào biết".

Anh ơi, anh đã đọc Le Horla của Guy de Maupassant rồi đấy nhỉ. Có là tôi, có là một người bệnh như tôi, kể đọc sách mới có thể biết cái tâm trạng của tác giả đã tả trong cuốn sách xác thực như thế nào. Tôi muốn đốt hết cả. Đốt sách, đốt vở, đốt nhà. May mà trời lại còn cho tôi lại một ít trí khôn nên cái việc cần rõ mà tôi nghĩ đó, tôi không bao giờ làm cả. Tôi chỉ vội vàng mặc áo, đi không đóng cửa, đi đến chỗ nào cũng được, miễn là có sự hoạt động để mình lại biết với mình rằng: "Ta còn sống đây, chưa chết!".

Phải, tôi chưa chết anh ạ, nhưng kể từ khi ấy tôi biết là tôi đã thua rồi. Nàng phù dung hay hiện thành mỹ nữ khóa thân để quyến rũ ta trong những giấc mơ đen đã thắng và sẽ không bao giờ tha tôi nữa. Tôi gục xuống ở dưới chân nàng và tôi thấy

bao nhiêu lò xo ở trong thân thể tôi đã gãy. Nhưng dù sao, người ta cũng phải sống... Bởi vì tôi vẫn còn tin - chao ôi, cái tin ấy là cái tin của người mắc bệnh phổi đến thời kỳ thứ ba vẫn còn tin rằng mình khỏi, cái tin của một người đàn bà đã hết thời xuân sắc vẫn còn tin rằng mình bóp được những trái tim của những chàng trai trẻ tuổi.

Đến đây, tôi phải xin thú nhận với anh một tội, một tội làm cho tôi đau đớn, lúc nào cũng như đè lên linh hồn. Có lẽ đó là một sự xấu hổ lớn nhất trong đời nghề sĩ của tôi. Những đêm khuya nằm cuộn tròn trong chăn, tay cái dọc tẩu, tay cái tiêm lặn điều thuốc để cho vào nhĩ tẩu, tôi thấy buồn một cái buồn thấm thía não nùng. Tôi thương cha mẹ tôi và các em tôi, tôi thương tôi và tưởng tượng mình là một người thiệt thòi nhất, không được Thượng Đế đền bù gì cho cả. Những lúc ấy, tôi không dám thù hằn ai hết; tôi không thù những ông chủ báo hay những ông chủ xuất bản như những bạn đồng nghiệp tôi đã thù; tôi không thù Trời là đáng tối cao tối đại lúc nào cũng thương xót chúng nhân. Sự xấu hổ nhất đời của tôi là đây: tôi thù cái nghiệp văn chương báo chí và tôi thấy lợm giọng vì nghề đó có những lúc đến với tôi ghê tởm quá. Tôi nói thế mà thôi, chứ thực ra tôi không hiểu tại sao tôi lại có thể ghét nghề văn như thế - nghề văn, ôi! Cái nghề cao quý đã đưa tôi đến nghề báo để cho nghề báo hại tôi đến thế này, nhưng dù sao cũng là một nghề mà tôi đã hy sinh cả thân thể và có khi cả tiền bạc, một nghề mà từ năm hai mươi tuổi tôi coi như một vị nữ thần, một mối an ủi, một sự che chở vậy.

Từ đó, tôi kéo lê cuộc đời của tôi hết tiệm này sang tiệm khác. Tôi ngủ đêm ở những nơi ca viện đến khi mọi người đi làm sáng về rồi tôi mới dậy. Tôi nằm nhắm mắt như một cái xác chết ở trong những cái buồng bẩn thỉu, cứ mỗi khi bồi tiêm, tiêm xong một điều lại xoay dọc khi đập vào người tôi đánh thức tôi dậy cho tôi hút. Thuốc phiện không còn là một cái thích nữa đối với tôi; tôi càng hút say lại càng buồn; những khi say đến cùng độ, tôi thường gắt gỏng với mọi người trong tiệm.

Chao ôi, những chuyện xa gần của hiện tại và dĩ vãng đã vò xé lòng tôi; tôi khóc cha mẹ tôi và em tôi, tôi không muốn nghe một người nào nói chuyện ở bên tai tôi cả. Nhất là chuyện văn chương, chuyện báo chí thì tôi lại thấy kinh tởm đến vô cùng.

Tôi không đọc một quyển sách, tôi không xem một tờ báo. Mực đối với tôi có một mùi nồng như một mùi thuốc tím ở nhà thương. Tôi ít nhất phải nghe thấy ai nói "Cái tờ ấy mới viết mà đã làm cho mọi người chú ý" hay "Nghệ thuật của ông nọ tinh vi lắm, làng văn hiện đại có thể kể làm một hy vọng được".

Anh ơi, anh thử nhắm mắt lại mà tưởng tượng xem tôi thế nào. Anh không thể tưởng tượng được, vì anh có là tôi đâu mà biết được sự đau khổ của một kẻ chỉ sống vì văn chương cùng cán bút mà đột nhiên lại sợ cán bút không dám cầm, thù ghét văn chương đến nỗi không dám nói.

Cũng may, cái bệnh ấy tôi chỉ mắc phải có ít lâu thì khỏi. Đến bây giờ tôi cũng chưa hiểu nó đã khỏi bằng cách gì; chỉ biết rằng đến mùa xuân năm ấy tôi tự nhiên thấy có can đảm cầm lấy bút viết một bài xã luận cho một tờ báo văn chương, chính trị.

Bài ấy đối với dư luận ra thế nào, tôi không rõ. Riêng tôi, tôi thấy rằng lúc cầm bút viết, tôi có vẻ một người đàn bà môi đã thôi đỏ, răng đã thôi bóng mà má thì răn, mà mắt thì mờ, một buổi sáng hiên lành ngời giờ gương ra điểm phấn thoa son lại. Những nét răn trên má và ở đuôi mắt, son phấn không thể che đậy được. Nhưng dù sao cái nhan sắc thuở xưa vẫn còn ở đầu mắt cuối mày: mùa đông dù u tối đen buồn đến đâu cũng không thể che lấp hết những cái đẹp nào nùng đậu ở trên ngọn nước hay cành cây của một mùa thu êm ái.

Cái danh vọng của tôi có thể cứ như thế kéo dài ra thêm chút nữa nếu không có việc này xảy ra:

Một ngọn gió mới từ phương xa thổi lại, bứt hết cả những cái lá đau ngực của cây văn chương buổi cũ. Người ta cải cách hết: cải cách từ tư tưởng cho đến cả giọng văn; người ta cải cách lối viết đến cách trình bày ý nghĩ. Thiên hạ trọng những người trẻ có bầu máu nóng, đọc giả ưa những chuyện hợp với tình trạng mới của xã hội nước nhà. Tôi không theo kịp được nữa rồi bởi vì tôi đã đứng im lâu quá, hay là tôi không biết chiều theo thị hiếu của quốc dân bạn đọc? Đã đành là muốn được nổi tiếng bây giờ, người ta phải có cơ quan dư luận trong tay, người ta phải quảng cáo, người ta cần làm âm ỹ... Anh ơi, anh quý của tôi ơi, bạn anh đã đến, nhưng đã đến một cách im lặng quá. Y không có cơ quan dư luận nào trong tay cả, bởi vì bao nhiêu chủ báo đã bỏ y rồi; y bắt chước những bậc tiền bối chỉ trông vào ở sức mình, ở tài mình mà thôi. Một nhà xuất bản mới ra in một cuốn sách của y vừa soạn. Không có một nhà phê bình nào nói đến. Y tặng họ một cuốn. Y bị người ta viết một bài chê bai. Cuốn sách ấy ế, đọc giả viết thư về trách. "Thế rồi thì là hết. Như lời nhạc sĩ Ludovic Breitner đã nói, cái vòng thắt chặt lại, không thương xót".

Đến hôm nay thì tôi biết hết, không còn làm lẫn nữa. Quốc dân không còn nhớ đến tên tôi. Những nhà xuất bản mở cửa mời những ông văn sĩ mới. Còn tôi, tôi, một nhà báo kiêm nhà văn đã già rồi, đã gãy nát rồi, còn ai nhớ tưởng làm gì nữa? Tôi

không có ích cho một tờ báo xoàng xoàng; văn tôi không có nhựa nữa; đầu đề những bài báo của tôi không bịp bợm nữa. Tôi là một anh nhà văn đau ốm và mất hết can đảm: danh vọng tôi đã về chiều rồi còn đâu! Tuy thế, lúc nào tôi cũng vẫn tin tưởng rằng văn tôi nếu không hoàn toàn có ích hẳn thì cũng không có hại cho người đọc. Tôi biết cái ý nghĩa cao cả của văn chương và tôi còn như thấy hàng vạn độc giả cả nam lẫn nữ say sưa đọc tôi, mê tôi và còn như đang uống linh hồn tôi trên những trang sách, bài báo của tôi đã viết. Có ai lại dám nghĩ rằng bao nhiêu những người đọc sách báo bây giờ lại cho lẽ nghĩa và lẽ phải là những thức không cần dùng đến nữa.

Tôi đã biết những tiếng hoan hô chúc tụng và bây giờ tôi cô độc. Tôi đã sống một thời rục rờ mỗi ngày có hàng chục người muốn xem mặt và tiếp chuyện; tôi đã làm cho một tờ tuần báo đứng vững cho đến bây giờ và có một thế lực vô song chỉ vì tôi đã ưng thuận ký tên vào một thiên mạo hiểm phiêu lưu tiểu thuyết... Vậy mà bây giờ tôi đói cơm đói thuốc, đành chôn sống thân mình ở ngoại ô, trong một túp lều tối tăm rầu rĩ không được mặt trời soi đến... Tất cả lờ lãi của cuộc đời hỉ xả của tôi đến bây giờ rút lại chỉ còn lại một cái bàn đèn thuốc phiện và mấy chồng báo nát. Còn đến tiền thì tuyệt nhiên không có đồng nào; ăn bữa sớm lo bữa mai, một đũa ở cũng không có để sai đi mua thuốc.

Tôi nằm chôn ở đây đợi một cái gì không đến. Tôi đợi một sự may mắn xui cho tôi có ít tiền để tôi cai thuốc phiện đi, tôi sẽ cố sức, một lần chót, viết một tác phẩm cuối cùng, một tác phẩm mà tôi chắc sẽ hơn hết cả một trăm cuốn sách tôi đã viết, có lẽ hơn hết cả những tác phẩm được hoan nghênh nhất bây giờ.

Nhưng có lẽ đó chỉ là một huyền mộng của một người không may trên đời.

Ngày mai, chỉ ngày mai thôi, tôi sẽ chết. Tôi chắc lúc chết mặt tôi sẽ dữ tợn lắm, cho nên tôi không muốn anh nhìn tôi làm gì... Tôi sẽ "đi" một mình, không có ai vuốt mắt cho cả, nhưng tôi sẽ sung sướng vì tôi tin rằng đời này là tạm bợ, những người muốn thực tâm làm được sự nghiệp to tát cần phải chịu sự thử thách kiếp này để đắc thắng kiếp sau.

## Ơn và oán

---

Đến tận bây giờ, người ta vẫn chưa biết câu chuyện dưới đây đã xảy ra ở nước nào. Chỉ biết rằng đó là một câu chuyện xảy ra cách đây lâu lắm. Hồi đó là một hồi

thái bình thịnh trị. Người nhà quê nhường cơm sẻ áo cho nhau. Cửa rơi trước ngõ không ai thèm nhặt. Súc vật thân với giống người như anh em một nhà.

Có một vị quan kia, chán mùi hoạn lộ, xin cáo về nhà để di dưỡng tinh thần. Ông làm bạn với tách trà, giò xúc. Sáng, ông lên trên những đỉnh đồi cao để cho được gần trời; trông ngắm hạc bay, công múa. Chiều thì hoa cỏ thấy ông chống một cái gậy trúc ra đứng trước cổng nhà để nhìn nước nổi tắm, hay ngắm đám thể nhân đi lại ở trước đám bụi.

Những hồi ức thời làm quan của ông trở lại trí não lúc này rất rõ ràng. Ông nhớ lại những lúc ở dinh thự có xe đưa pháo đón. Chao ôi, bây giờ nhìn lại thì còn có cái gì? Chỉ còn một tấm lòng. Ông ngậm ngùi về nỗi hư không của thế sự và đến tận lúc bấy giờ ông mới thật thâm hiểu rằng chỉ có tấm lòng là người bạn chung thủy ở với ta cho tới chết. Tấm lòng mà thư thái, không vẫn điều hối hận là của báu có tiền không mua được.

Ông hưu quan nhìn trước mặt là núi, nhìn sau lưng là núi. Ở giữa một dòng suối chảy thanh thanh. Ông nói với ông rằng:

"Sự ưa thích một khi đã đạt rồi thành chán. Trước đây ta giàu, hễ muốn là có tiền. Bây giờ ngồi ngắm lại hồi đó, thật chẳng khác gì cái suối nó kêu lên một tiếng thì ở trong rừng này hai trái núi nọ đem tiếng vang ngay lại.

Thế sự bao giờ cũng chỉ quẩn quanh có thế thôi. Duy sự khổ não thì bờ bến nào cũng có mà không hề giống nhau bao giờ. Người ta chém giết nhau, người ta lại giả dối với nhau; người ta khinh nhau, người ta lại ghét ghen nhau; người ta biệt ly rồi gặp nhau, người ta lại chia rẽ những đôi lứa không cho nhau sum họp".

Ông hưu quan nghĩ thế và rất buồn cho tâm lý người đời. Ông bèn lên ở trên một am vắng để dốc tìm đạo lý. Dưới chân am có một cái hố rất sâu. Trên cái hố có một cây thông cổ.

Một hôm, đương mơ màng ở dưới gốc thông, nhà đạo sĩ của chúng ta bỗng thấy một vật gì sa vào cái hố cách chỗ ông ngồi ba bước. Ông bèn đứng dậy xem. Thì ra đó là một nhà đi săn đuổi thú qua đó trượt chân mà ngã. Người đi săn ấy làm ngã luôn cả một con quạ và con rắn đứng bên. Người và hai con vật lăn lộn, nhảy nhót để cố thoát thân, nhưng không được.



Vị đạo sĩ bèn rằng:

- Thôi, các người, đợi đấy. Ta sẽ có cách dắt lên cho.

Nói đoạn, ông bèn tìm một sợi dây thông thả xuống. Ông cho người nắm một đầu dây. Con rắn quấn lấy chân người. Con quạ hé mỏ dớp vào đuôi con rắn. Cả ba đều lên được. Thế là thoát chết.

Cả ba đều quỳ lạy vị đạo sĩ mà nói trong nước mắt:

- Bạch Đại đức, ngài đã cứu chúng tôi khỏi chết. Ơn ấy xin ghi đời! Chúng tôi xin lạy ngài và nguyện sẽ giúp ngài trong khi hữu sự, dầu chết cũng không dám phàn nàn gì cả.

Vị đạo sĩ nâng cả ba lên. Người chưa kịp nói câu gì thì ông khách sẵn lại tiếp:

- Đại đức là một người cứu người mà không muốn người đền ân. Chúng tôi đã biết. Nhưng chúng tôi cúi xin ngài khi nào có việc đi qua tề ốc thì ngài ghé lại để chúng tôi được thết đãi một chút, theo cái phận thấp hèn của chúng tôi.

Con quạ nói:

- Tôi tên là Quạ. Khi nào Đại đức gặp chuyện chẳng may gì thì xin gọi tôi một tiếng để tôi đến hầu.

- Còn tôi, - con rắn nói, - tôi tên là Gài. Cũng vậy, khi nào Đại đức gặp việc gì khó khăn, xin cứ tên Gài của tôi mà gọi. Tôi không chắc đã giúp Đại đức những điều gì quá sức tôi. Nhưng tôi quyết đem thân ra làm việc để đáp ơn Đại đức.

Cuộc chia ly rất náo nùng. Vị đạo sĩ niệm Phật để đưa người và vật xuống núi về trần, nhưng vật và người đều rớt nước mắt, đi xa tới hai dặm vẫn còn quay trở lại.

Trong vòm cây xanh, một nóc nhà rơm vẽ ra rất lờ mờ. Sương dày rơi xuống biệt hai thế giới. Xa xa, tiếng chày kinh nện lên.

Năm ấy, trời làm đói kém. Hồ về ăn khoai. Lúa không còn gặt mà cây cối trên núi bị dơi và chuột cắn nát không còn một trái. Nhà đạo sĩ phải bỏ núi tìm xuống đồng bằng khuyến giáo. Bởi vì dưới đồng bằng thì hoa màu năm trước người ta còn tích

lại được nhiều. Miếng ăn thì thực chẳng có thừa đâu. Nhưng khoai, đậu vẫn đủ cho lợn dùng mà lúa tốt thì những nhà thường thường vẫn có từng trăm học để cho người ta ăn đầy đủ.

Vị đạo sĩ của ta đi khuyến giáo hết các làng đều được tiếp đãi tử tế và nhà nào cũng mời đạo sĩ dùng cơm. Một buổi chiều kia, đạo sĩ đến trước cửa một nhà nọ thì trời vừa nổi một cơn mưa bão.

Đạo sĩ dừng chân đứng trú mưa ở đấy. Thì này, chủ nhà nào phải ai xa lạ: chính là ông khách đi săn ngày trước bị ngã lăn xuống hố cùng với con rắn và con quạ vậy!

Người đi săn bèn vội vã mời đạo sĩ vào nhà mình nghỉ chân. Lúc ấy quá Thìn. Mưa đã ngớt. Gió bớt mạnh và sấm không làm dữ nữa.

Anh thợ săn chấp tay trước ngực mà nói với vị chân tu rằng:

- Bẩm Đại đức, xin ngài ban cho chúng tôi một cái ơn: Đại đức nghỉ chơi lại chút nữa để chúng tôi được hầu một bữa cơm dưa muối, chúng tôi lấy làm hân hạnh lắm.

Vị đạo sĩ không chối từ. Anh thợ săn khó nghĩ. Bởi chính bụng anh ta thì anh ta nghĩ thế này: "Xưa kia, mình trót đã hứa với y nếu khi nào y đi qua thì mình sẽ tiếp đãi chu đáo để đền ơn cứu sống. Thì bây giờ đó, y đi qua. Nếu ta không tiếp, y sẽ cho ta là đồ bạc béo. Nhưng mà bây giờ mà ngồi tiếp cơm y!...".

Anh thợ săn đã có cách xử rồi. Anh gọi vợ xuống bếp và nói nhỏ:

- Tôi nói vừa rồi là nói vậy mà thôi. Chứ bây giờ mà thết cơm y thì tốn mà mất thời giờ quá. Ấu là mình cứ chậm chậm mà làm. Tôi biết: hể quá giờ Ngọ thì y không ăn nữa.

Lời nói quả đúng. Giờ Tỵ qua, giờ Ngọ đến, vị đạo sĩ không ăn nữa thật. Ngài cáo từ đi ra. Anh thợ săn và vợ tuy vốn vã nhưng lấy làm sung sướng trong bụng lắm. Vị đạo sĩ thật thà ba bốn lần rập đầu cảm tạ người thợ săn tốt bụng. Ông đi một quãng đường dài mà vẫn không thôi niệm Phật cho vợ chồng anh ta.

Chẳng mấy lúc, ông đã về tới núi. Vừa bước chân lên bực, con quạ ở đâu liệng xuống và đậu dưới chân ngài mà lạy:

- Bạch Đại đức, ngài vừa mới ở đâu về?

- Ta đến khuyến giáo và mới ở nhà anh thợ săn ra.

- Vậy chẳng hay anh ta có mời Đại đức thụ trai không?

- Có! Có! Anh ta tốt lắm. Nhưng tiếc vì vợ anh ta làm cơm chậm quá nên ta không đợi được.

Con quạ ấy không rõ tại sao phút chốc bỗng hiểu ngay mọi việc. Nó bèn rằng:

- Đại đức chớ tin. Nó là loài yêu quái đó. Nó không biết lẽ phải. Nó điều ngoa. Nó không biết trả ơn người cứu sống. Bẩm Đại đức, chúng tôi không có cơm canh hoa quả thết ngài nhưng ngài ngồi đợi. Chỉ một lúc, tôi xin quay trở lại.

Vị đạo sĩ chưa kịp nói một lời thì con quạ đã vỗ cánh cao bay. Nó bay sang một nước láng giềng. Và vào trong cung hoàng hậu. Hoàng hậu đang ngủ một giấc thần tiên trên giường vàng. Bà đeo ở cổ một hạt kim cương sáng ngời. Quạ vỗ cánh đậu bên cạnh và mổ lấy hạt kim cương đó đem về cho đạo sĩ.

Đạo sĩ lấy kim cương làm gì? Có lẽ đó là một vật báu vô giá. Nhưng vô giá với đàn bà. Dùng, đạo sĩ không biết dùng nó làm gì cả. Ngài cho vào bọc và để trong túi chờ một ngày kia...

Trong khi ấy thì khắp trong nước người ta xôn xao bàn tán về việc Hoàng hậu mất kim cương. Bà không biết mất bằng cách nào. Cả nước không ai đoán nổi kẻ gian phi táo tợn đã dùng cách gì lấy được viên kim cương đó. Từ dân đến quan, ai cũng được lệnh đi tìm hạt kim cương. Cả nước mất ăn mất ngủ. Đi đâu người ta cũng thấy yết thị rằng: "Hỡi ai là người tìm được viên kim cương của Hoàng hậu khá đem vào triều mà lĩnh thưởng một ngàn con ngựa, một ngàn con bò, một ngàn cân bạc, một ngàn cân vàng. Ai lưu trữ sẽ bị tru di cả họ".

Một ngày kia, vị đạo sĩ lại xuống đồng bằng khuyến giáo. Cảm cái ân người đi săn đã ở tốt với mình, đạo sĩ lại tìm đến nhà y. Và tặng vợ y viên kim cương mà con quạ đã đem biếu ngài.

Tức thì người đi săn giờ mặt. Mắt y đỏ sọc lên như những hòn than, miệng y nóng rẫy chẳng khác gì lửa cháy:

- Tên này gớm thật. Mi không biết rằng vật này là vật mất cấp trong cung? Mi là đạo tặc. Ta phải trói để đem nộp quan bây giờ. Nói thế, y làm liền. Y trói vị đạo sĩ như trói lợn. Y chạy bay đến tâu vua và đứng chờ lĩnh thưởng.

Vua bèn phán hỏi đạo sĩ rằng:

- Gã kia, phải khai cho thực. Viên kim cương này ngươi lấy bằng cách nào và lấy ở đâu?

Nói làm sao? Biết nói làm sao bây giờ? Nếu ta nói thực, chỉ trong giây lát cả loài quạ trong nước đều bị chết. Ta bảo "tôi không lấy" thì vô lý vì viên kim cương rõ ràng tự tay ta đưa cho người đi săn. Còn nếu ta bảo: "Chính tôi lấy đó" lại càng không được. Bởi vì như thế là trái với luân lý kẻ tu hành, trời hỡi!

ở trường hợp khó khăn này, đạo sĩ chỉ ngậm miệng không nói gì là hơn cả. Vua bắt lính đem đạo sĩ ra xử trường. Đạo sĩ không giận ai hết, cứ chấp tay niệm Phật. Vua càng giận tên đạo sĩ gian ngoan. Ngài truyền:

- Quân bay, khá đem lão đạo sĩ yêu ma này ra chôn sống, chỉ để cho cái đầu ló lên thôi. Đến giờ Ngọ ngày mai thì giết.

Đạo sĩ, chỉ còn có cái đầu nhô ra khỏi mặt đất, nhìn trời cao xanh một lần cuối và rót nước mắt ra. Lá cây rung nhẹ. Hơi nước lùa cảnh vật.

- Dưới gầm trời này, không ai là không khổ! - đạo sĩ kêu lên thế. - Ta đem thân xa lánh chốn phiền ba, tưởng là yên mùi đạo. Nào ngờ lại phải chết một cách thảm khốc như thế này!

Đạo sĩ đã nói đến chữ gầm. Con rắn ở đâu hiện đến. Nó cúi đầu lạy đạo sĩ ba lạy mà rằng:

- Bẩm Đại đức, sao Đại đức lại ra thế này?

Chỉ một phút nó biết hết cả đầu đuôi câu chuyện. Nó khóc mà than:

- Lòng bác ái của Đại đức rộng như trời, sâu như bể. Thế mà còn gặp những tai ương. Vậy không biết thế nhân, lòng thì đục mà đức thì kém không biết còn đau khổ

về tinh thần đến như thế nào! Tôi biết ngài có một lòng thương yêu nhân loại mông mênh. Ngài không giận ai hết. Nhưng tôi, tôi chưa đến chỗ cao siêu ấy, tôi phải trả thù mới được. Bây giờ tôi giắt vào khăn ngài gói thuốc này. Mai kia đây, nếu có ai bị rấn cắn ngài lấy thuốc này mà rịt cho người ta, người ta sẽ sống lại và sẽ đền ơn cứu sống.

Nói đoạn, con rắn bò đi. Đến tối nó vào cung vua và rình lúc vô ý cắn vào chân hoàng thái tử. Thái tử đau nhức và chỉ một lát toàn thân tím lại. Bao nhiêu ngự y đều chịu không thể nào chữa nổi. Nhà vua lại cho rao lên rằng: "Hỡi ai là người biết môn thuốc chữa rấn cắn nào cực hay khá đến chữa cho hoàng thái tử. Thái tử mà khỏi thì nhà vua sẽ chia cho nửa giang sơn và được hưởng sự vinh hoa phú quý".

Quân đem lời ấy đi rao cùng làng xã. Đạo sĩ bị chôn sống thò đầu ra khỏi mặt đất nghe thấy rao thế bèn rằng:

- Khoan đã! Khoan đã! Bay khá về triều tâu rằng ta có thể chữa được cho hoàng thái tử.

Lập tức vua cho đào đất cho đạo sĩ lên. Đạo sĩ cúi lạy vua và xin phép vào ngay hoàng cung xem bệnh hoàng thái tử. Y lời dặn của con rắn, đạo sĩ lấy gói thuốc của nó đưa mà đem rịt vào chỗ đau. Hoàng tử như tỉnh một giấc mơ, mở mắt dậy mà hỏi:

- Chao ôi, tôi ở đâu thế này?

- Hoàng tử! Hoàng tử đương sống ở trên dương thế đấy! Đạo sĩ đã chữa lành cho thái tử rồi. Thái tử cúi xuống lạy tạ kẻ tái sinh cho mình. Cả nước vui mừng bày tiệc. Vua cảm động phán với đạo sĩ rằng:

- Ngay chiều nay, ta mời đạo sĩ vào trong cung dự yến. Và ta chia nửa giang sơn cho đạo sĩ. Vàng, bạc, châu, báu, đạo sĩ muốn lấy gì ta cũng đưa.

Đạo sĩ không lấy gì hết. Vàng, bạc, châu, báu mà có lắm chỉ đưa người ta đến sự buồn phiền mà thôi. Ngài chỉ xin với vua cho mình sự yên ổn về tinh thần để đi tìm đạo lý trên đỉnh núi. Vua ngạc nhiên rồi cảm động mà kết luận rằng:

- Bạch đại đức, đại đức không nhận nửa giang sơn và từ chối cả bạc vàng châu báu. Thế nghĩa là ngài không ham giàu. Vậy thì chắc chắn ngài không lấy hạt kim

cương nọ. Có đứa đồ oan cho ngài. Ngài trong sạch, đứa nào đã làm cho ngài mang họa xin nói cho trẫm biết.

Đạo sĩ không thể giấu được nữa rồi. Ngài phải đem hết câu chuyện ra thuật lại. Vua thương lắm, ôm lấy đạo sĩ mà nước mắt chan hòa như mưa.

.....

Ngay lúc ấy, anh thợ săn xin vào bộ kiến để chờ lĩnh thưởng. Lĩnh thưởng việc bắt được người đã ăn cắp kim cương. Anh ta hớn hờ chờ lệnh thánh.

Vua bèn bảo anh ta rằng:

- Người đã làm một việc tốt, rất vừa lòng trẫm. Ta sẽ hậu thưởng. Nhưng xét ra thưởng một mình người chưa đủ. Người khá về đem cả họ lại đây.

Anh thợ săn chạy bay về và dắt cả họ ba đời lại. Anh ta dắt thêm cả một cụ tứ đại đến để chờ ơn mưa móc. Giữa lúc ấy, vua phán:

- Sự hung ác và lòng bạc bẽo là hai cái tội to lớn hơn hết ở trên đời. Người đã sa vào hai tội ấy. Quân! Đem tru di cả họ y!

Đến khi đạo sĩ biết cả họ anh thợ săn bị chết chém thì đã chậm không làm thế nào được nữa. Ngài xin phép ngay bấy giờ được thả để đi lên núi, không bao giờ còn trở lại đồng bằng nữa.

Những sự chém giết, hung ác, và bạc bẽo của người đời nhiều quá đã làm se lòng những kẻ thực yêu đời.

Đạo sĩ, trong một lúc, ngờ rằng người ta không còn phương cách gì để trừ được trong muôn một sự buồn khổ cho nhân loại.

## **Vũ Bằng**

Nguồn: <http://maxreading.com/sach-hay/truyen-ngan-vu-bang/on-va-oan-24153.html>